

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN TIẾN SƠN

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MĨ THUẬT THEO HƯỚNG  
PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CHO HỌC SINH Ở  
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG KINH, THÀNH PHỐ LẠNG SƠN

LUẬN VĂN THẠC SĨ  
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP HỌC BỘ MÔN MĨ THUẬT  
Khóa 8 (2019-2021)

Hà Nội, 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN TIẾN SƠN

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MĨ THUẬT THEO HƯỚNG  
PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CHO HỌC SINH Ở  
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG KINH, THÀNH PHỐ LẠNG SƠN

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp học bộ môn Mĩ thuật

Mã số: 8140111

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. TRẦN ĐÌNH TUẤN

Hà Nội, 2023

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài “*Phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực cho học sinh ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn*” là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Kết quả nghiên cứu là khách quan, trung thực và chưa từng được cá nhân, tổ chức nào công bố trong bất kì công trình nghiên cứu khoa học nào.

Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về lời cam đoan này.

*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023*

**TÁC GIẢ**

**Nguyễn Tiến Sơn**

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CNTT	Công nghệ thông tin
DH	Dạy học
ĐTB	Điểm trung bình
GD	Giáo dục
GDPT	Giáo dục phổ thông
GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
PPDH	Phương pháp dạy học
TB	Thứ bậc
THCS	Trung học cơ sở
SGK	Sách giáo khoa
SGV	Sách giáo viên
Tr	Trang
VBT	Vở bài tập

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: So sánh Chương trình môn Mỹ thuật 2006 và Chương trình môn Mỹ thuật 2018.....	16
Bảng 1.2: Kế hoạch GD môn Mỹ thuật theo Chương trình_GDPT 2018 .....	19
Bảng 1.3: Yêu cầu cần đạt môn Mỹ thuật lớp 3 ở tiểu học.....	32
Bảng 1.4: Nội dung môn Mỹ thuật lớp 3 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo.....	35
Bảng 1.5: Quy mô trường, lớp của Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn .....	40
Bảng 1.6: Phân bố khách thể khảo sát (GV) .....	43
Bảng 1.7: Cách cho điểm và thang đánh giá đối với 03 mức độ .....	44
Bảng 1.8: Cách cho điểm và thang đánh giá đối với 05 mức độ của năng lực ....	44
Bảng 1.9: Nhận thức về vai trò của môn Mỹ thuật .....	45
đối với sự phát triển năng lực HS tiểu học (theo đánh giá của GV) .....	45
Bảng 1.10: Nhận thức về vai trò của các yếu tố trong Hội họa .....	46
đối với sự phát triển năng lực HS tiểu học (theo đánh giá của GV) .....	46
Bảng 1.11: Thực trạng yêu thích các thể loại môn Mỹ thuật của HS tiểu học (theo đánh giá của GV) .....	47
Bảng 1.12: Thực trạng yêu thích các thể loại môn Mỹ thuật của HS tiểu học (GV nhận xét về từng HS).....	48
Bảng 1.13: Thực trạng yêu thích các hình thức trong thể loại Hội họa của HS tiểu học (theo đánh giá của GV) .....	50
Bảng 1.14: Thực trạng yêu thích các hình thức trong thể loại Hội họa của HS tiểu học (GV nhận xét về từng HS).....	51
Bảng 1.15: Thực trạng sử dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS (theo đánh giá của GV) .....	52
Bảng 1.16: Thực trạng sử dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS (qua dự giờ).....	54
Biểu đồ 1.3: Thực trạng sử dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS (So sánh đánh giá của GV và dự giờ) .....	55
Bảng 1.17: Thực trạng sử dụng phương pháp, công cụ kiểm tra-đánh giá môn Mỹ thuật ở tiểu học (theo đánh giá của GV) .....	56

Bảng 1.18: Thực trạng sử dụng phương pháp, công cụ kiểm tra-đánh giá trong môn Mĩ thuật ở tiểu học (qua dự giờ) .....	57
Bảng 1.19: Thực trạng năng lực mĩ thuật của HS Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn (theo đánh giá của GV).....	59
Bảng 1.20: Thực trạng năng lực mĩ thuật của HS Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn (theo nhận xét của GV đối với từng HS).....	60
Bảng 1.21: Yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng sử dụng PPDH mĩ thuật theo hướng phát triển năng lực HS Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn (theo đánh giá của GV).....	62
Bảng 2.1: Danh sách kế hoạch bài học mĩ thuật (lớp 3) của Chương trình GDPT 2018 được thiết kế có sử dụng PPDH phát triển năng lực .....	84
Bảng 2.2: Kiểm tra trước và sau thực nghiệm sư phạm_đối với nhóm tương đương.....	87
Bảng 2.3: Giá trị của mức độ ảnh hưởng theo bảng tiêu chí Cohen .....	89
Bảng 2.4: Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của HS trước thực nghiệm (nhóm đối chứng) .....	90
Bảng 2.5: Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của HS trước thực nghiệm (nhóm thực nghiệm) .....	91
Bảng 2.6: Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của HS sau thực nghiệm .....	91
(nhóm đối chứng).....	91
Bảng 2.7: Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của HS sau thực nghiệm_(nhóm thực nghiệm).....	92
Bảng 2.8: Phân bố tần suất kết quả đánh giá sản phẩm tranh vẽ của HS trước và sau thực nghiệm sư phạm.....	95
Bảng 2.9: Tổng hợp giá trị kết quả đánh giá sản phẩm tranh vẽ của HS.....	96
Bảng 2.10: Kết quả sản phẩm tranh vẽ của HS tiểu học trước và sau thực nghiệm.....	98

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1.1: Thực trạng yêu thích các thể loại môn Mỹ thuật của HS tiểu học (So sánh đánh giá của GV và nhận xét đối với từng HS) .....	49
Biểu đồ 1.2: Thực trạng yêu thích các thể loại Hội họa của HS tiểu học (So sánh đánh giá của GV và nhận xét đối với từng HS) .....	52
Biểu đồ 1.3: Thực trạng sử dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS (So sánh đánh giá của GV và dự giờ) .....	55
Biểu đồ 1.4: Thực trạng sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra-đánh giá quá trình trong dạy học mỹ thuật của GV tiểu học (So sánh đánh giá của GV và dự giờ) .....	58
Biểu đồ 1.5: Thực trạng năng lực mỹ thuật của HS Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn (So sánh đánh giá của GV và qua dự giờ) .....	60
Biểu đồ 2.1: So sánh năng lực đặc thù của HS trước và sau thực nghiệm.....	92
Biểu đồ 2.2: Phân bố tần suất kết quả đánh giá sản phẩm tranh vẽ của HS trước và sau thực nghiệm.....	96

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU . 10	
1.1. Cơ sở lý luận.....	10
1.1.1. Một số khái niệm .....	10
1.1.2. Vai trò của dạy học mỹ thuật ở trường tiểu học .....	14
1.1.3. Điểm mới của Chương trình môn Mỹ thuật 2018 đối với bậc tiểu học.....	15
1.1.4. Phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học . 20	
1.1.5. Đặc điểm của học sinh tiểu học .....	29
1.1.6. Chương trình môn Mỹ thuật lớp 3 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 .. 31	
1.2. Cơ sở thực tiễn.....	40
1.2.1. Khái quát về Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn .....	40
1.2.2. Thực trạng dạy học Mỹ thuật ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn .....	42
Tiểu kết chương 1 .....	63
Chương 2: LỰA CHỌN VÀ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MỸ THUẬT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG KINH, THÀNH PHỐ LẠNG SƠN .....	65
2.1. Nguyên tắc lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học.....	65
2.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn.....	65
2.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa và phát triển .....	65
2.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống .....	66
2.1.4. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học .....	66
2.2. Đề xuất biện pháp lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực học sinh ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn.. 66	
2.2.1. Tổ chức dạy học mỹ thuật tích hợp, liên thông với các môn học khác .....	66
2.2.2. Vận dụng phương pháp dạy học trực quan kết hợp với các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực .....	68
2.2.3. Vận dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề một cách linh hoạt.....	70
2.2.4. Vận dụng phương pháp dạy học thực hành (học quan làm) kết hợp với kích thích hứng thú học tập của học sinh.....	72



2.2.5. Tăng cường dạy học cá nhân kết hợp với dạy học hợp tác .....	74
2.2.6. Tổ chức dạy học theo chủ đề dưới hình thức dự án học tập, chủ đề STEAM và trải nghiệm sáng tạo .....	77
2.2.7. Tổ chức các cuộc thi vẽ tranh theo chủ đề trong phạm vi lớp học .....	79
2.3. Thiết kế bài học có lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực học sinh .....	82
2.3.1. Yêu cầu chung xây dựng kế hoạch bài học và tổ chức dạy học phát triển năng lực .....	82
2.3.2. Thiết kế kế hoạch bài học theo Chương trình môn Mỹ thuật lớp 3 .....	84
2.4. Thực nghiệm lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực học sinh ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn..	85
2.4.1. Mục đích thực nghiệm .....	85
2.4.2. Nội dung thực nghiệm và phương pháp thực nghiệm.....	85
2.4.3. Phân tích kết quả thực nghiệm .....	90
Tiêu kết chương 2 .....	98
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	101
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	104
PHỤ LỤC .....	108

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

GD nghệ thuật nói chung, môn Mĩ thuật nói riêng đóng một vai trò quan trọng đối với sự phát triển toàn diện của HS, giúp HS cân bằng được trạng thái sau mỗi giờ học căng thẳng. GD nghệ thuật nuôi dưỡng các kỹ năng nhận thức quan trọng như giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và lập luận không gian; tăng cường khả năng sáng tạo và trí tưởng tượng; cho phép HS thể hiện bản thân một cách tự do và xây dựng lòng tự trọng. GD dực nghệ thuật thường kết nối với các môn học khác, như: Lịch sử, Khoa học và Văn học... Vì vậy, việc GD tích hợp liên môn sẽ giúp các bài học trở nên gần gũi, hấp dẫn và hiệu quả hơn; HS được trải nghiệm, ứng dụng thực tiễn cuộc sống bên cạnh các bài học trừu tượng. Nền tảng vững chắc trong GD nghệ thuật có thể ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập và lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai của HS.

Môn Mĩ thuật trong chương trình GDPT của nhiều nước chú trọng hướng là hình thành và phát triển các năng lực cho HS trong suốt quá trình học tập. “Một số năng lực như: giao tiếp, sáng tạo, đánh giá, tư duy, tưởng tượng, quan sát, khám phá, tạo hình,... Những năng lực này thể hiện rõ trong mục tiêu, nội dung chương trình, PPDH, đánh giá kết quả học tập của HS, trong tài liệu học tập và trong các hoạt động triển khai thực hiện chương trình” [14, tr.1].

Nếu GV biết khám phá và vận dụng các PPDH hiệu quả trong GD nghệ thuật nói chung và môn Mĩ thuật nói riêng có thể có tác động sâu sắc đến sự phát triển nhận thức, cảm xúc và sáng tạo; bồi dưỡng phong cách và khả năng học tập của từng cá nhân; thúc đẩy cảm giác hoàn thành và sự tự tin ở HS; tạo nên những bài học hấp dẫn và năng động, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng trong lớp học; thúc đẩy nhận thức về văn hóa và sự gắn kết xã hội giữa HS với nhau. Đồng thời sử dụng PPDH phù hợp sẽ tôn vinh sự đa dạng, hòa nhập, thúc đẩy cảm giác thống nhất và tôn trọng trong lớp học; cải thiện các hoạt động GD nghệ thuật.

Trong những năm qua, GD nghệ thuật nói chung và môn Mĩ thuật đã được ngành GDĐT, xã hội, phụ huynh và HS quan tâm. Các câu lạc bộ, các lớp năng khiếu trong và ngoài nhà trường đã được mở để thu hút HS tham gia, tuy nhiên

chủ yếu là dành cho HS ở các thành phố lớn, các gia đình có điều kiện thuận lợi. Ở các trường phổ thông hiện nay, GD nghệ thuật nói chung và môn Mỹ thuật chưa thực sự được coi trọng, thời lượng dành cho môn học ít; chưa đầu tư các phòng học đặc thù với các điều kiện và phương tiện dạy học tối ưu cho bộ môn.

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, “phương pháp GD phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên” [28], Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình SGK phổ thông [30]. Ngày 26/12/2018, Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về Chương trình GDPT 2018. Theo yêu cầu của Chương trình, HS cần tích cực, chủ động tham gia các hoạt động học tập; tìm tòi, khám phá; làm việc độc lập, hợp tác, được trải nghiệm thực tế.

Theo Chương trình GDPT 2018, “môn Mỹ thuật cấp tiểu học giúp HS bước đầu hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm; biết thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng về thế giới xung quanh, từ đó hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; bước đầu làm quen, tìm hiểu và cảm nhận vẻ đẹp của sản phẩm/ tác phẩm nghệ thuật, hình thành năng lực tự chủ và tự học; góp phần hình thành các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm” [8].

Nội dung chương trình gồm: Mỹ thuật tạo hình và mỹ thuật ứng dụng. Việc kết hợp đa dạng các PPDH mỹ thuật đóng vai trò quan trọng để phát triển năng lực cho HS.

Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn là trường miền núi, đời sống kinh tế-xã hội còn hạn chế, một số gia đình còn khó khăn và ít có điều kiện chăm lo việc học tập của HS nói chung, môn Mỹ thuật nói riêng. Một số GV chưa linh hoạt trong việc vận dụng đa dạng các phương pháp và hình thức tổ chức DH theo hướng phát triển năng lực, chủ yếu hướng dẫn HS thực hành vẽ theo mẫu có

sẵn trong môi trường lớp học. GV chú trọng đánh giá sản phẩm học tập; ít quan tâm đến phát triển năng lực cảm thụ thẩm mỹ; năng lực giao tiếp HS và tạo cho HS những cơ hội trải nghiệm trong hoạt động nghệ thuật. Bên cạnh đó, phần lớn HS tiểu học là người dân tộc thiểu số nên thường hạn chế về kỹ năng giao tiếp, thể hiện bản thân; khả năng vận dụng kiến thức vào cuộc sống chưa linh hoạt.

Để thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018 đối với môn Mỹ thuật ở bậc tiểu học, bên cạnh việc thay đổi mục tiêu, nội dung, PPDH thì việc đổi mới phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá cần được quan tâm. Bên cạnh đánh giá thành tựu (sản phẩm), GV còn hình thành ở HS năng lực tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng, tạo hứng thú học tập và yêu thích nghệ thuật, trở thành nét văn hóa trong đời sống của HS.

Từ những lý do nêu trên, đề tài “*PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực cho HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn*” được triển khai nghiên cứu. Nếu đề tài nghiên cứu thành công sẽ có ý nghĩa về mặt lí luận và thực tiễn trong việc đổi mới PPDH mỹ thuật, góp phần nâng cao chất lượng DH bộ môn nói riêng và GD tiểu học nói chung.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

PPDH mỹ thuật nói chung và PPDH mỹ thuật ở trường tiểu học nói riêng được nhiều tác giả quan tâm, nghiên cứu, tiêu biểu là:

Tác giả Trịnh Thiệp, Ung Thị Châu biên soạn cuốn “*Mỹ thuật*” - *Giáo trình dùng trong các trường sư phạm đào tạo GV tiểu học* xuất bản năm 2009 [10]. Cuốn sách này đã đề cập đến những khái niệm chung của môn Mỹ thuật; phương pháp vẽ tả thực và vẽ trang trí, vẽ tranh theo đề tài; phương pháp giảng dạy mỹ thuật ở tiểu học. Nhóm tác giả đã sử dụng nhiều PPDH tích cực, tuy nhiên chưa đề cập đến các PPDH theo hướng phát triển năng lực; gắn liền dạy học với kiểm tra - đánh giá quá trình.

Năm 2001, cuốn “*Phương pháp giảng dạy mỹ thuật*”- *Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ Cao đẳng Sư phạm* của tác giả Nguyễn Quốc Toàn được tái bản lần thứ hai [32]. Tác giả đã đề cập đến một số vấn đề chung về phương pháp giảng dạy mỹ thuật ở THCS và thực hành sư phạm môn Mỹ thuật.

Năm 2001, nhóm tác giả Nguyễn Quốc Toàn, Triệu Khắc Lễ, Nguyễn Lăng Bình xuất bản giáo trình “*Mỹ thuật và PPDH*” *đào tạo GV tiểu học hệ Cao đẳng Sư phạm và Sư phạm 12+2* [33]. Cuốn sách hướng dẫn PPDH môn Mỹ thuật như: hướng dẫn vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ chân dung, vẽ tranh cổ động,....

Năm 2006, hai tác giả Phạm Thị Chinh và Trần Tiểu Lâm đã biên soạn Giáo trình “*Mỹ thuật*”(tập 1), Nhà xuất bản Giáo dục. Giáo trình viết khá sâu về mỹ thuật Trang trí, bố cục và quy trình giảng dạy các bài học của môn Mỹ thuật [11].

Năm 2008, tác giả Hồ Văn Thùy biên soạn “*Phương pháp giảng dạy mỹ thuật*” - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm [36]. Cuốn sách đề cập đến những khái niệm liên quan đến mỹ thuật và cuộc sống con người; ngôn ngữ mỹ thuật và các loại hình cơ bản của mỹ thuật; vẽ theo mẫu và phương pháp dạy vẽ theo mẫu; vẽ trang trí và phương pháp dạy vẽ trang trí ở tiểu học; vẽ tranh và phương pháp giảng dạy; thường thức mỹ thuật và phương pháp giảng dạy.

Năm 2009, tác giả Trần Bá Công đã biên soạn cuốn giáo trình “*Mỹ thuật cơ bản*” - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. Tác giả đã viết về các phân môn dạy mỹ thuật, các bước thực hiện bài dạy từng phân môn, đặc biệt tập trung đề cập đến nội dung trang trí và dạy học phân môn trang trí ở trường THCS [12].

Năm 2014, tác giả Trần Quốc Toàn biên soạn cuốn giáo trình dành cho sinh viên ngành GD tiểu học “*Mỹ thuật và PPDH mỹ thuật*” - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Trung ương [35]. Giáo trình bao gồm 02 phần: Phần thứ nhất: Một số vấn đề chung của mỹ thuật, gồm 03 chương: 1) Mỹ thuật - Sự hình thành và phát triển; 2) Mỹ thuật và cuộc sống con người; 3) Các loại hình cơ bản của mỹ thuật. Phần thứ hai: Nội dung - PPDH mỹ thuật ở tiểu học, gồm 07 chương: 1) Vẽ mẫu và PPDH vẽ mẫu ở tiểu học; 2) Vẽ trang trí và PPDH vẽ trang trí ở tiểu học; 3) Vẽ tranh và PPDH vẽ tranh ở tiểu học; 4) Thường thức mỹ thuật và PPDH thường thức mỹ thuật ở tiểu học; 5) Tập nặn tạo dáng và PPDH tập nặn tạo dáng; 6) Sự hình thành và phát triển ngôn ngữ tạo hình ở trẻ em; 7) SGK và SGV mỹ thuật ở tiểu học.

Năm 2016, tác giả Nguyễn Thị Nhung đã biên soạn cuốn tài liệu “*Học Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực lớp 1+2+3+4+5*” - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là tài liệu dạy học Mỹ thuật theo phương pháp Đan Mạch với

phương châm lấy học sinh làm trung tâm, kích thích khả năng sáng tạo và tư duy, hình thành các kỹ năng cho người học [25].

Năm 2019, Trường Cao đẳng Lào Cai xuất bản giáo trình nội bộ “*Mỹ thuật học*” dành cho sinh viên ngành Hội họa [42]. Giáo trình gồm 04 chương: 1) Đặc trưng ngôn ngữ mỹ thuật; 2) Thể loại và chất liệu hội họa; 3) Thể loại và chất liệu điêu khắc, đồ họa; 4) Phân tích tác phẩm.

Tác giả Nguyễn Thu Tuấn có bài viết “*Mối quan hệ giữa phương pháp phân tích hình ảnh trực quan trong giảng dạy mỹ thuật với sự phát triển tư duy sáng tạo của trẻ em*” [38, tr.78]. Tài liệu đã đề cập đến sự cần thiết trong việc khơi gợi trí tưởng tượng, sự liên tưởng của trẻ qua những bài vẽ.

Tác giả Nguyễn Thanh Tùng có bài viết “*Nâng cao năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên Mỹ thuật - Góc nhìn từ bình diện văn hóa*” [40]. Tác giả đã đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực sư phạm cho đội ngũ GV mỹ thuật. Theo tác giả, nội dung chương trình sách giáo khoa môn Mỹ thuật ở phổ thông của nước ta là cấu trúc đồng tâm, các bài học ở các phân môn sẽ lặp lại theo từng cấp học ở mức độ khác hơn. Điều này sẽ tạo ra sự nhàm chán nhất định, không kích thích hết khả năng, cảm xúc sáng tạo của HS. Vì vậy, DH mỹ thuật phải hướng đến sự linh hoạt và đa dạng trong cách chuyển tải thông điệp kiến thức, phải làm sao để HS thấy vui vẻ và hào hứng khi học, GV cần vận dụng quan điểm “*học mà chơi, chơi mà học*” thì GD mỹ thuật mới bổ ích, hiệu quả. Cách học cũng như chương trình mỹ thuật cần đổi mới theo hướng tạo cảm xúc môn học và cảm xúc cái đẹp ở cuộc sống xung quanh, bằng cách thông qua trải nghiệm nghệ thuật và văn hóa di sản, có sự tương tác tại các bảo tàng, họa thất, các không gian văn hóa, môi trường thiên nhiên.

Năm 2017, tác giả Bạch Ngọc Diệp có bài báo “*Một số năng lực chuyên biệt môn Mỹ thuật trong chương trình GDPT mới*” đăng trên Tạp chí Khoa học GD [14, tr.54-58]. Bài báo đã chỉ ra các năng lực chuyên biệt môn Mỹ thuật trong chương trình GDPT mới, gồm: cảm thụ thẩm mỹ; sáng tạo; giao tiếp nghệ thuật; phân tích, đánh giá; quan sát, khám phá; tạo hình kỹ thuật số. Tác giả còn xây dựng bảng tổng hợp các năng lực chủ yếu biệt môn Mỹ thuật của Việt Nam và

một số nước trên thế giới như: Ca-na-đa, Bỉ, Đan Mạch, Hàn Quốc, Sing-ga-po, Nga. Tác giả chỉ ra năng lực chuyên biệt môn Mỹ thuật trong chương trình GDPT (hiện hành), về cơ bản khá tương đồng với năng lực chuyên biệt môn Mỹ thuật ở nhiều nước trên thế giới. Trong đó, năng lực đã có trong chương trình và tiếp tục kế thừa bao gồm: cảm thụ thẩm mỹ; sáng tạo hình ảnh; phân tích, đánh giá. Đồng thời đề xuất và bổ sung các năng lực: giao tiếp nghệ thuật; quan sát, khám phá; tạo hình kỹ thuật số.

Từ năm học 2020-2021 triển khai Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1 ở bậc tiểu học, tác giả Nguyễn Minh Thuyết và các cộng sự đã biên soạn cuốn “*Hỏi đáp về Chương trình GDPT*”, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm [37]. Các tác giả trình bày những điểm mới của chương trình môn Mỹ thuật, trong đó có điểm mới của phương pháp GD và vai trò của phương pháp GD đối với sự phát triển phẩm chất và năng lực HS; phương pháp kiểm tra - đánh giá được thực hiện như một phương pháp DH.

Ngoài ra còn có một số luận văn thạc sĩ về Lý luận và PPDH bộ môn Mỹ thuật ở trường tiểu học và THCS tại Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, tiêu biểu là: luận văn “PPDH phân môn Vẽ tranh theo hướng phát huy tính tích cực của HS Trường THCS Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội” của học viên Triệu Thị Minh Nguyệt năm 2017; luận văn “Dạy học môn Vẽ tranh ở Trường THCS Mỹ Đức, Hà Nội” của học viên Hồ Hồng Đức năm 2018; luận văn “Dạy học môn Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực của học sinh tại Trường THCS Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội” của học viên Phạm Trần Huy Nữ năm 2017; luận văn “Dạy học mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường tiểu học thực nghiệm, Viện Khoa học GD Việt Nam” của học viên Phạm Thị Thu Hương năm 2018; luận văn “Dạy học mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường THCS và trường trung học phổ thông Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên” của học viên Trần Văn Tuấn năm 2019,...

Qua việc tiếp cận các công trình nghiên cứu cho thấy, các tác giả chỉ tập trung vào nội dung và phương pháp theo SGK hiện hành mà chưa có nghiên cứu chuyên sâu về việc vận dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS,

đặc biệt là thực hiện Chương trình GDPT 2018. Cho đến thời điểm hiện tại chưa có công trình nghiên cứu nào về PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực cho HS tiểu học trên địa bàn thành phố Lạng Sơn.

### **3. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích nghiên cứu***

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực ở trường tiểu học hiện nay, đề tài đề xuất vận dụng một số PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực cho HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn. Trong đó chú trọng cải tiến PPDH truyền thống và kết hợp với các PPDH tích cực; vận dụng các PPDH có ưu thế trong việc phát triển năng lực; tăng cường sử dụng đồ dùng, phương tiện DH và các kỹ thuật DH tích cực. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng DH mỹ thuật, phát triển năng lực đặc thù của HS, đáp ứng Chương trình GDPT 2018.

#### ***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

Nghiên cứu cơ sở lý luận PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học.

Khảo sát, đánh giá thực trạng vận dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn và các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng này.

Đề xuất, thực nghiệm sư phạm lựa chọn và vận dụng một số PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn đáp ứng Chương trình GDPT 2018.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn.

#### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng, đề xuất lựa chọn và vận dụng một số PPDH mỹ thuật tạo hình (thể loại Hội họa) theo hướng phát triển năng lực HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn. Trong đó, tập trung vào



phát triển năng lực đặc thù (năng lực kỹ thuật) cho HS lớp 3.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận**

Gồm các công việc: Suu tầm, đọc, phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa những quan điểm, công trình nghiên cứu, các văn bản, tài liệu khoa học có liên quan PPDH kỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học để xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài và định hướng nghiên cứu thực tiễn.

### **5.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

Phương pháp điều tra (Anket - Phương pháp chính): Khảo sát ý kiến của GV kỹ thuật ở trường tiểu học về thực trạng sử dụng PPDH kỹ thuật theo hướng phát triển năng lực và các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng này; đánh giá mức độ yêu thích bộ môn và năng lực kỹ thuật của HS tiểu học.

Phương pháp quan sát: Quan sát các giờ học kỹ thuật để đánh giá thực trạng sử dụng PPDH theo hướng phát triển năng lực.

Phương pháp phỏng vấn: Trao đổi trực tiếp GV và HS tiểu học những ưu điểm, hạn chế, thuận lợi và khó khăn trong quá trình vận dụng PPDH kỹ thuật theo hướng phát triển năng lực.

Phương pháp thực nghiệm sư phạm: Thử nghiệm và đánh giá kết quả vận dụng một số PPDH kỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học.

Nghiên cứu sản phẩm của hoạt động: Sản phẩm Hội họa (tranh vẽ) của HS.

### **5.3. Phương pháp xử lý số liệu**

Sử dụng phương pháp thống kê toán học để phân tích và xử lý kết quả thu được qua các phương pháp nghiên cứu thực tiễn.

## **6. Đóng góp của luận văn**

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về PPDH kỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học.

Đánh giá thực trạng vận dụng PPDH kỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS ở Trường tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn.

Đề xuất, thực nghiệm sư phạm lựa chọn và vận dụng một số PPDH kỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành

phố Lạng Sơn.

### **7. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, Luận văn gồm có 2 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu (55 trang)

Chương 2: Lựa chọn và vận dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn (36 trang)

## Chương 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

#### 1.1. Cơ sở lý luận

##### 1.1.1. Một số khái niệm

###### 1.1.1.1. Mĩ thuật

Mĩ thuật là từ ghép “mĩ” (cái đẹp), “thuật” (tạo hình). Vì vậy, “Mĩ thuật được hiểu một cách khái quát là nghệ thuật tạo hình, gồm: Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, Kiến trúc. Mĩ thuật thể hiện hệ thống ngôn ngữ đường nét, hình khối, màu sắc, không gian” [1, tr.40]. Theo đó, Mĩ thuật có thể diễn đạt như sau:

“Xét về phương diện chức năng, tác dụng, đặc điểm, mĩ thuật được hiểu là: “nghệ thuật thị giác - nghệ thuật của con mắt - nhìn, nhận, cảm thụ và đánh giá cái đẹp bằng con mắt” [12, tr.37].

Xét về phương diện cấu trúc nội dung, mĩ thuật được hiểu là: “mĩ” là đẹp, “thuật” là cách thức làm đẹp, là cách tạo ra cái đẹp. Đây là cách nói về mĩ thuật của cố họa sĩ Nguyễn Phan Chánh.

Xét về phương diện tác phẩm, mĩ thuật là một loại hình nghệ thuật tạo nên các sản phẩm/ tác phẩm trên mặt phẳng và trong không gian bằng nhiều chất liệu khác nhau như: giấy, vải, gỗ, tường, đất, đá, thạch cao, đồng, nhôm, cao su, xi măng. Bởi vậy, mĩ thuật được gọi là nghệ thuật của mặt phẳng, của không gian.

Theo *Từ điển Tiếng Việt*: “Mĩ thuật là ngành nghệ thuật nghiên cứu quy luật và phương pháp để thể hiện cái đẹp bằng đường nét, màu sắc, hình khối” [41, tr.106].

Như vậy, có nhiều cách hiểu hay diễn đạt, diễn giải về mĩ thuật. Điều này cho thấy, quan niệm về mĩ thuật chưa có sự nhất quán theo một chuẩn mực cụ thể. Tuy nhiên, mỗi cách diễn đạt đều cung cấp những thông tin cần thiết về mĩ thuật để từ đó mỗi người chất lọc và hiểu về mĩ thuật theo cách riêng. Mĩ thuật được thể hiện trong cuộc sống, trong nghệ thuật và trở thành văn hóa riêng của mỗi thời đại, mỗi đất nước, mỗi dân tộc. Đồng thời còn thể hiện quan điểm nhận thức của mỗi cá nhân về cái đẹp trong nghệ thuật tạo hình. Việc phát triển năng lực mĩ thuật phải được GD một cách đầy đủ theo các trình độ và khả năng của

HS, khi đó mỹ thuật được coi là môn học trong nhà trường, giúp HS hình thành và phát triển toàn diện nhân cách.

Mỹ thuật gồm mỹ thuật tạo hình và mỹ thuật ứng dụng. Trong đó, mỹ thuật tạo hình gồm: Hội họa, Đồ họa, Tranh in, Điêu khắc, chứa đựng các yếu tố: đường nét, màu sắc, hình khối, không gian, bố cục. Mỹ thuật ứng dụng gồm: thiết kế và tạo dáng sản phẩm (thiết kế đồ họa, thiết kế nội thất, thiết kế thời trang, thiết kế bao bì, đồ lưu niệm,...). Như vậy, mỹ thuật vừa thể hiện vai trò của bộ môn nghệ thuật, vừa với tư cách là môn học và có giá trị ứng dụng trong thực tiễn cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp; gắn liền với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của từng quốc gia, dân tộc, địa phương trong từng giai đoạn lịch sử nhất định; thể hiện quan điểm, thái độ và năng lực của mỗi cá nhân.

#### *1.1.1.2. Năng lực đặc thù môn Mỹ thuật*

##### *\* Năng lực*

Năng lực là một trong những thành phần chính yếu của nhân cách con người. Theo tác giả Nguyễn Quang Uẩn: “*Năng lực là khả năng huy động tổ hợp các thuộc tính cá nhân để thực hiện thành công một hoạt động trong bối cảnh nhất định*” [44, tr.242].

Theo Chương trình GDPT 2018: Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện [7]. Vậy, năng lực là khả năng huy động tổ hợp các thuộc tính tâm lý cá nhân để thực hiện thành công một hoạt động trong bối cảnh nhất định. Năng lực được hình thành và phát triển qua hoạt động dạy học và GD; được đánh giá bằng hiệu quả của hoạt động.

Cấu trúc của năng lực gồm: Năng lực chuyên môn, năng lực phương pháp, năng lực xã hội và năng lực cá thể [22]. Những năng lực này tương ứng với các trụ cột của UNESCO. Chúng có mối liên hệ mật thiết với nhau, bổ sung cho nhau để nhằm phát triển năng lực chung và năng lực đặc thù cho người học.

Theo Bernard Rey (2003) [22, tr.10], năng lực được xem xét ở ba cấp độ: Cấp độ 1 (năng lực sơ cấp): Kiến thức thu nhận được qua xây dựng tình huống kiến thức (lý thuyết); Cấp độ 2: Áp dụng kiến thức giải quyết được tình huống, năng lực được hình thành qua tình huống kỹ năng; Cấp độ 3: Năng lực phức hợp,

giải quyết tình huống thực tiễn.

Tác giả Nguyễn Công Khanh [20, tr.18], năng lực gồm 5 mức độ: Mức 1: Không/ chưa thực hiện; Mức 2: Mới thực hiện chưa có kết quả rõ ràng; Mức 3: Thực hiện chưa thường xuyên, có kết quả bước đầu; Mức 4: Thực hiện thường xuyên, có kết quả khá; Mức 5: Thực hiện rất thường xuyên có kết quả tốt.

*\* Năng lực đặc thù môn Mĩ thuật*

Năng lực đặc thù môn Mĩ thuật hay năng lực mĩ thuật là khả năng huy động tổ hợp các thuộc tính cá nhân để thực hiện thành công một tác phẩm nghệ thuật/ sản phẩm nghệ thuật nhất định. Năng lực mĩ thuật được hình thành trong quá trình học tập và sáng tạo, có nền tảng là năng khiếu mĩ thuật.

GV tổ chức các quy trình dạy học mĩ thuật nhằm phát triển trí tuệ thị giác không gian và ngôn ngữ thẩm mỹ. GD mĩ thuật khuyến khích HS phát triển các năng lực: trải nghiệm, kỹ năng và kỹ thuật, biểu đạt, phân tích và diễn giải, giao tiếp và đánh giá [5, tr.6-8].

Năng lực mĩ thuật của HS gồm: cảm thụ thẩm mỹ; sáng tạo; giao tiếp nghệ thuật; phân tích, đánh giá; quan sát, khám phá; tạo hình kỹ thuật số [14, tr.54-58].

Theo Chương trình GDPT 2018, năng lực mĩ thuật gồm các thành phần: quan sát và nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ [8, tr.5].

*1.1.1.3. Dạy học phát triển năng lực*

“Hoạt động dạy học gồm hai hoạt động kết hợp chặt chẽ, tác động lẫn nhau tạo nên khái niệm “dạy” sẽ kéo theo khái niệm “học”. Hoạt động dạy là quá trình hỗ trợ việc học, tạo điều kiện cho người học chủ động tìm kiếm và xử lý thông tin, người dạy đóng vai trò trọng tài, cố vấn” [16, tr.188-189].

Dạy học phát triển năng lực: “Là cách tiếp cận đảm bảo cho dạy học vừa tập trung vào phát triển năng lực, phẩm chất của HS vừa dựa vào năng lực nền tảng và tố chất của HS” [18, tr.62]. Dạy học phát triển năng lực có những đặc trưng sau: Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực; nội dung và hoạt động trong các môn học được liên kết với nhau, gắn với tình huống thực tiễn; người dạy tổ chức, tư vấn, hỗ trợ giúp người học tự lực, tích cực và sáng tạo trong học

tập. Chú trọng sử dụng các quan điểm, phương pháp, kỹ thuật, thủ thuật DH tích cực giúp người học trải nghiệm thực tế, tìm kiếm và vận dụng kiến thức; hình thức học cá nhân, học hợp tác với các hoạt động đa dạng; đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT; dựa vào tiêu chí hoặc bộ công cụ chủ yếu hướng vào năng lực đầu ra; tính đến sự tiến bộ, tư vấn cho người học phương thức học tập hiệu quả; chú trọng vào các sản phẩm học tập và khả năng vận dụng trong thực tiễn [21, tr.83].

#### *1.1.1.4. PPDH mỹ thuật phát triển năng lực*

Có nhiều khái niệm về PPDH, cụ thể: “PPDH là cách thức tổ chức dạy của GV và cách tổ chức học của HS để cùng đạt được mục tiêu đề ra của bài học” [34, tr.29]; “PPDH là cách thức hoạt động có trình tự, phối hợp, tương tác với nhau của GV và HS nhằm đạt được mục đích dạy học” [22, tr.74]; PPDH được thể hiện thông qua quy trình dạy học bộ môn với các hoạt động: 1) Hướng dẫn HS quan sát, nhận xét; 2) Hướng dẫn HS cách thức tạo sản phẩm mỹ thuật; 3) Hướng dẫn HS thực hành sáng tạo ra sản phẩm mỹ thuật; 4) Nhận xét, đánh giá [35].

Bản chất của PPDH phát triển năng lực là chú trọng sử dụng các quan điểm, phương pháp, kỹ thuật, thủ thuật DH tích cực giúp người học trải nghiệm, tìm kiếm và vận dụng kiến thức vào thực tế.

Đối với môn Mỹ thuật đề cao các PPDH phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học, trong đó nhấn mạnh yêu cầu tích hợp, lồng ghép nội dung lí thuyết trong thực hành, thảo luận, kết hợp liên hệ kiến thức, kĩ năng của môn Mỹ thuật với kiến thức, kĩ năng của các môn học, hoạt động GD khác một cách phù hợp, thiết thực. Chương trình môn Mỹ thuật chú trọng DH trải nghiệm; vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật, hình thức tổ chức DH, không gian hoạt động học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm, kích thích trí tưởng tượng, tư duy hình ảnh thẩm mỹ của HS, tạo cơ hội để HS được vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành, thể nghiệm ý tưởng sáng tạo và đưa các sản phẩm sáng tạo vào đời sống; coi trọng kết hợp PPDH với khai thác, sử dụng hợp lí thiết bị dạy học, mạng Internet, tận dụng các chất liệu, vật liệu sẵn có ở địa phương.

Vì vậy, để phát triển năng lực HS thông qua môn Mỹ thuật ở trường tiểu học, GV cần cải tiến PPDH truyền thống và kết hợp với các PPDH tích cực; vận

dụng các PPDH có ưu thế trong việc phát triển năng lực; tăng cường sử dụng phương tiện và CNTT hỗ trợ DH; sử dụng linh hoạt các kỹ thuật DH tích cực; bồi dưỡng phương pháp học tập tích cực và kỹ năng tự học cho HS.

### ***1.1.2. Vai trò của dạy học mỹ thuật ở trường tiểu học***

#### ***1.1.2.1. Dạy học mỹ thuật đối với sự phát triển toàn diện nhân cách HS tiểu học***

DH mỹ thuật ở trường tiểu học giúp HS nhận biết cái đẹp, tập tạo ra sản phẩm có tính thẩm mỹ và vận dụng những hiểu biết về cái đẹp vào học tập, sinh hoạt, cuộc sống hằng ngày. Môn Mỹ thuật ở trường tiểu học tạo điều kiện cho HS được tiếp xúc với cái đẹp về đường nét, hình khối, màu sắc của thiên nhiên và đời sống con người. Đồng thời hình thành ở HS năng lực quan sát, phân tích, phát triển khả năng tư duy hình tượng, suy nghĩ tìm tòi, sáng tạo và hỗ trợ các môn học khác.

DH mỹ thuật ở tiểu học góp phần GD thẩm mỹ thông qua cung cấp kiến thức phổ thông về mỹ thuật; phát triển năng lực và hỗ trợ các môn học khác; phát triển nhận thức về cuộc sống, xã hội; GD đạo đức, phát triển nhân cách cho HS.

#### ***1.1.2.2. Dạy học mỹ thuật đối với sự phát triển năng lực đặc thù của học sinh tiểu học***

GD mỹ thuật trong tiểu học góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất và năng lực, trọng tâm là khơi dậy và phát triển năng lực mỹ thuật.

Dạy học mỹ thuật phát triển ở

Theo Chương trình GDPT 2018, Chương trình môn Mỹ thuật giúp HS hình thành và phát triển năng lực mỹ thuật với các thành phần: quan sát và nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ [8, tr.5]. Trên cơ sở đó, GD HS ý thức tôn trọng, kế thừa giá trị văn hóa, nghệ thuật dân tộc, tiếp cận giá trị thẩm mỹ thời đại, phát huy tinh thần sáng tạo phù hợp với sự phát triển xã hội.

Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Mỹ thuật đối cấp tiểu học theo Chương trình GDPT 2018 [8, tr.5-9] như sau:

- Quan sát thẩm mỹ: Nhận biết được một số yếu tố thẩm mỹ cơ bản trong đời sống và ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật; nhận biết được một số yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mỹ; nhận biết được dấu hiệu của một số nguyên lí tạo hình

ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

- Nhận thức thẩm mỹ: Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ; nhận biết được chủ đề của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật; nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong đời sống; liên tưởng vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ với thực hành sáng tạo.

- Sáng tạo thẩm mỹ: Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ ở mức độ đơn giản; vận dụng được một số hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mỹ; vận dụng được một số yếu tố, nguyên lý tạo hình trong thực hành sáng tạo ở mức độ đơn giản; sử dụng được một số công cụ, thiết bị trong thực hành sáng tạo.

- Ứng dụng thẩm mỹ: Thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo ở mức độ đơn giản; trưng bày, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập; vận dụng sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.

- Phân tích thẩm mỹ: Chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ ở mức độ đơn giản; tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật; mô tả một số yếu tố, dấu hiệu của nguyên lý tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.

- Đánh giá thẩm mỹ: Bước đầu đánh giá được đối tượng thẩm mỹ thông qua một số yếu tố và nguyên lý tạo hình; bước đầu học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.

Sự kết hợp đa dạng các PPDH mỹ thuật cần hướng HS trong cách giải quyết vấn đề, gắn với tình huống, định hướng hoạt động và phát huy tính tích cực của HS.

### ***1.1.3. Điểm mới của Chương trình môn Mỹ thuật 2018 đối với bậc tiểu học***

Để chỉ ra điểm mới của Chương trình môn Mỹ thuật 2018, Đề tài đã so sánh Chương trình môn Mỹ thuật 2006 ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/006 [2] và Chương trình môn Mỹ thuật 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 [8], cụ thể như sau:



**Bảng 1.1: So sánh Chương trình môn Mĩ thuật 2006 và Chương trình môn Mĩ thuật 2018**

Tiêu chí	Chương trình môn Mĩ thuật 2006	Chương trình môn Mĩ thuật 2018
Mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có những kiến thức ban đầu về mĩ thuật, hình thành những hiểu biết cơ bản, cần thiết về đường nét, hình khối, đậm nhạt, màu sắc, bố cục; hiểu biết sơ lược về mĩ thuật Việt Nam.</li> <li>- Rèn luyện kĩ năng quan sát, qua đó phát triển tư duy, trí tưởng tượng, sáng tạo; thực hành các bài vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, tập nặn tạo dáng và phân tích sơ lược một số tác phẩm mĩ thuật Việt Nam và thế giới. Biết vận dụng các kĩ năng đó vào trong cuộc sống.</li> <li>- Bước đầu cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, con người; vẻ đẹp của một số tác phẩm mĩ thuật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước đầu hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm;</li> <li>- Biết thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng về thế giới xung quanh, từ đó hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo;</li> <li>- Bước đầu làm quen, tìm hiểu và cảm nhận vẻ đẹp của sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật, hình thành năng lực tự chủ và tự học; góp phần hình thành các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</li> </ul>
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình mĩ thuật có các phân môn: Vẽ theo mẫu, Vẽ trang trí, Vẽ tranh, Tập nặn tạo dáng, Thường thức mĩ thuật.</li> <li>- Chương trình được kết cấu đồng tâm: Kiến thức cơ bản được lặp đi lặp lại nhưng nâng cao dần qua các bài tập ở các lớp học, vì thế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hai mạch nội dung mĩ thuật tạo hình và mĩ thuật ứng dụng, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên yếu tố và nguyên lí tạo hình. Ở cấp tiểu học, nội dung GD gồm Lí luận và lịch sử mĩ thuật, Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, Thủ công; trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mĩ thuật được giới hạn trong phạm vi</li> </ul>

	vừa có tính kế thừa, vừa có tính nâng cao. Các phân môn được sắp xếp đan xen, theo trình tự từ dễ đến khó để có thể bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau.	làm quen với tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hóa nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép trong thực hành, thảo luận mỹ thuật.
Phương pháp	GV có thể vận dụng một cách hợp lí các phương pháp: quan sát, trực quan, vấn đáp gợi mở, luyện tập, hợp tác theo nhóm, trò chơi học tập. Trong đó, GV cần lưu ý phát huy tính tích cực của cá nhân trong suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo để HS chủ động lĩnh hội kiến thức.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích hợp, lồng ghép nội dung lí thuyết trong thực hành, thảo luận; kết hợp liên hệ kiến thức, kĩ năng của môn Mỹ thuật với kiến thức, kĩ năng của các môn học, hoạt động GD khác một cách phù hợp, thiết thực.</li> <li>- Chú trọng dạy học trải nghiệm; vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức, không gian hoạt động học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm, kích thích trí tưởng tượng, tư duy hình ảnh thẩm mĩ của HS, tạo cơ hội để HS được vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành, thể nghiệm ý tưởng sáng tạo và đưa các sản phẩm sáng tạo vào đời sống.</li> <li>- Khai thác, sử dụng hợp lí thiết bị dạy học, mạng Internet; tận dụng các chất liệu, vật liệu sẵn có ở địa phương.</li> </ul>
	- Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT	- Thông tư 27/TT-BGDĐT ngày

Kiểm tra- đánh giá	ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá HS tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014.  - Đánh giá chuẩn kiến thức, kỹ năng, những cách thể hiện riêng của HS ở sản phẩm mỹ thuật, đánh giá định tính bằng nhận xét	04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành quy định đánh giá HS.  - Đánh giá chuẩn đầu ra thể hiện ở năng lực của HS thông qua sản phẩm mỹ thuật, đánh giá định tính bằng nhận xét
-----------------------	--	--

Nguồn: Tác giả (2022)

Chương trình môn Mỹ thuật 2018 ở tiểu học có một số điểm mới nổi bật [37, tr.110] sau:

- Chương trình được xây dựng theo định hướng hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực HS; trong đó quan tâm đến việc phát triển năng lực chung, năng lực đặc thù và năng lực chuyên biệt (năng khiếu) và các phẩm chất. Các năng lực đặc thù gồm: Quan sát và nhận thức thẩm mỹ, Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ; Phân tích và đánh giá thẩm mỹ. Thông qua các đối tượng thẩm mỹ (thiên nhiên, con người, sản phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật) và phương pháp GD tích cực, môn Mỹ thuật giúp HS nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ về bản thân và thế giới xung quanh, tình yêu nghệ thuật và cuộc sống, bồi dưỡng niềm tự hào về truyền thống văn hóa, nghệ thuật dân tộc, phát triển đời sống thẩm mỹ của cá nhân và cộng đồng; rèn luyện cho HS đức chuyên cần, tính trung thực, tình yêu lao động, ý thức trách nhiệm, tính tự lực, tinh thần hợp tác trong giải quyết đề học tập và vận dụng thực tiễn,...

- Chương trình tiếp cận nội dung dựa trên kiến thức cốt lõi của nghệ thuật thị giác; vừa đảm bảo dạy học tích hợp, vừa đảm bảo dạy học phân hóa. Chương trình gồm:

- Chương trình xây dựng theo hướng mở, thể hiện việc chương trình không quy định cụ thể nội dung dạy học mà chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn học. Chương trình tạo sự chủ động cho GV chủ động, sáng tạo lựa chọn nội dung dạy học phù hợp để thực hiện chương trình. Việc tổ chức dạy học, kiểm tra-đánh giá thuộc quyền chủ động của các cơ sở GD và GV sao cho đáp ứng yêu cầu cần đạt được quy trình trong chương trình.

**Bảng 1.2: Kế hoạch GD môn Mỹ thuật theo Chương trình GDPT 2018**

Nội dung	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Ghi chú
Lí luận và lịch sử mỹ thuật	+	+	+	+	+	Thực hiện tích hợp, lồng ghép trong thực hành, thảo luận
Hội họa	x	x	x	x	x	
Đồ họa (tranh in)	x	x	x	x	x	
Điêu khắc	x	x	x	x	x	
Thủ công	x	x	x	x	x	

Nguồn: [8], [27]

Thời lượng dạy học mỗi mạch nội dung và đánh giá ở mỗi lớp như sau:  
 Nội dung mỹ thuật tạo hình: Khoảng 60% (khoảng 21 tiết/ năm học/ lớp);  
 Nội dung mỹ thuật ứng dụng (thủ công): Khoảng 30 % (khoảng 10 tiết/ năm học/ lớp);  
 Đánh giá khoảng 10% (khoảng 4 tiết/ năm học/ lớp).

- Chương trình chú trọng đổi mới phương pháp GD, vận dụng đa dạng hình thức, không gian học tập, các chất liệu, vật liệu sưu tầm, tái sử dụng trong thực hành, sáng tạo; chú trọng lồng ghép, tích hợp hoạt động thực hành và thảo luận, HS đồng thời vừa là “người sáng tạo nghệ thuật” vừa là “người thưởng thức nghệ thuật”.

- Chương trình định hướng đổi mới đánh giá kết quả GD, trọng tâm là đánh giá năng lực thẩm mỹ, biểu hiện của năng lực thẩm mỹ trong lĩnh vực nghệ thuật; kết hợp đánh giá quá trình với đánh giá tổng kết, tạo cơ hội để HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

#### ***1.1.4. Phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học***

##### ***1.1.4.1. Phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học tích cực***

Trong dạy học mỹ thuật, GV có thể sử dụng các PPDH để phát triển năng lực HS như: thuyết trình, trực quan, vấn đáp, thực hành, trải nghiệm sáng tạo, hợp tác nhóm nhỏ, giải quyết vấn đề, dự án, trò chơi học tập....

##### **\* Phương pháp thuyết trình**

- Khái niệm: Là phương pháp GV dùng lời nói sinh động để trình bày tài liệu mới hoặc để hệ thống hóa những tri thức mà HS đã thu lượm được.

GV thường sử dụng PPDH này khi miêu tả chân dung, phong cảnh, tĩnh vật hay sản phẩm mỹ thuật, cách thức trang trí,... để HS biết cách vẽ, nặn, tô màu,... và nhận xét sản phẩm mỹ thuật.

- Các loại thuyết trình sử dụng trong dạy học mỹ thuật: giảng thuật (chứa đựng các yếu tố trần thuật và miêu tả) và giảng giải (chứa đựng các yếu tố suy luận và phán đoán, có nhiều khả năng phát huy trí thông minh sáng tạo ở HS).

- Yêu cầu khi sử dụng phương pháp thuyết trình: Đảm bảo tính khoa học, tính GD, tính thực tiễn, tính tuần tự, tính logic của việc trình bày tài liệu; đảm bảo sự trong sáng, rõ ràng dễ hiểu khi trình bày tài liệu; đảm bảo thu hút sự chú ý và phát huy tính tích cực tư duy của HS bằng nghệ thuật thuyết trình của GV; đảm bảo cho HS biết cách ghi chép; kết hợp giữa thuyết trình với các PPDH khác như quan sát, trình bày trực quan, vấn đáp,...

##### **\* Phương pháp vấn đáp gợi mở**

- Khái niệm: Phương pháp vấn đáp là cách thức hỏi và trả lời nhằm khơi gợi và giúp HS tìm ra những kiến thức mới.

GV thường sử dụng PPDH này khi yêu cầu kể tên các đồ vật, phong cảnh, nhân vật, hành động; nêu các bước khi tạo ra các sản phẩm mỹ thuật như vẽ tranh, cắt, dán, nặn; nhận xét về sản phẩm mỹ thuật hoặc cảm xúc của bản thân khi sáng tạo ra sản phẩm.

- Yêu cầu khi sử dụng phương pháp vấn đáp: GV phải xác định rõ mục đích yêu cầu, nội dung vấn đáp để xây dựng hệ thống câu hỏi chính và câu hỏi

phụ; câu hỏi, nội dung chính xác, dễ hiểu, sát trình độ HS, có tác dụng kích thích tính tích cực độc lập tư duy, phát triển hứng thú nhận thức; có thái độ bình tĩnh khi HS trả lời; đặt câu hỏi cho toàn lớp rồi mới chỉ định cho HS trả lời, khi HS không trả lời được cần có những câu hỏi gợi mở hoặc gọi một HS khác tiếp sức.

- Kỹ thuật thiết kế và sử dụng câu hỏi [3], gồm:

+ Kỹ thuật thiết kế (soạn) câu hỏi. Theo Bloom, câu hỏi gồm 02 cấp độ: cấp thấp (biết, hiểu và vận dụng); cấp cao (phân tích, đánh giá và sáng tạo).

+ Kỹ thuật sử dụng câu hỏi, gồm: Dừng lại sau khi đặt câu hỏi; phản ứng với câu trả lời sai của HS; tích cực hóa tất cả các HS; phân phối câu hỏi cho cả lớp; tập trung vào trọng tâm; giải thích; liên hệ; tránh nhắc lại câu hỏi của mình; tránh tự trả lời câu hỏi của mình; tránh nhắc lại câu trả lời của HS.

\* Phương pháp dạy học trực quan

- Khái niệm: Là cách thức sử dụng trực quan để hướng dẫn HS quan sát trực tiếp sự vật hiện tượng hoặc hình ảnh của chúng, từ đó giúp HS tích lũy được những tài liệu cảm tính làm cơ sở cho việc lĩnh hội tri thức một cách sinh động và vững chắc.

- Các PPDH trực quan, gồm:

+ Phương pháp quan sát: Khi vẽ tranh, HS phải quan sát để nắm được, hiểu được đối tượng về hình dáng, cấu trúc, tỷ lệ, đậm nhạt để tìm ra vẻ đẹp của nó. Quan sát từ bao quát đến chi tiết; từ cái tổng thể đến cái cụ thể, chi tiết. Có như vậy, nhận xét về đối tượng mới đúng, rõ ràng. Quan sát cũng luôn cần phải đối chiếu, so sánh về bố cục, cách sắp xếp hình mảng, đậm nhạt sao cho phù hợp với tờ giấy vẽ.

+ Phương pháp trình bày trực quan: Sử dụng đồ dùng DH như tranh, ảnh, máy chiếu để minh họa cho nội dung DH, giúp HS nhận thức và hiểu vấn đề sâu hơn. Việc chuẩn bị đồ dùng DH được xem như GV đã nắm được nội dung và PPDH. Phương pháp trực quan giúp HS thấy ngay, thấy rõ ràng, cụ thể để từ đó hiểu nhanh, nhớ lâu, tạo hứng thú cho HS; những khái niệm trừu tượng của thuật ngữ chuyên môn được cụ thể hóa, rõ ràng và dễ hiểu hơn [23, tr.15-16].

- Phương tiện dạy học trực quan đối với môn Mĩ thuật là vật thật, vật tượng trưng, vật tạo hình, tranh, ảnh, phim, ngôn ngữ tượng hình,...

- Cách thức thực hiện: Lựa chọn một cách hợp lý phương tiện trực quan; giải thích mục đích trình bày trực quan, trình bày các phương tiện trực quan theo một trình tự nhất định; đảm bảo cho tất cả HS được quan sát sự vật hiện tượng một cách rõ ràng đầy đủ; phát triển óc quan sát cho HS và kết hợp lời nói với việc trình bày các phương tiện trực quan.

- Kỹ thuật DH (kỹ thuật phân tích phim video)

+ Khái niệm: Là kỹ thuật DH tích cực nhằm phát huy khả năng tập trung quan sát, chú ý, ghi nhớ và suy luận nội dung được truyền tải qua video (ngắn) của HS.

Kỹ thuật DH này giúp HS tiếp cận với vật mẫu, quy trình tạo sản phẩm hoặc đánh giá sản phẩm mỹ thuật được thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp; thuận lợi cho việc HS khai thác qua mạng hoặc học tập trực tuyến.

- Cách tiến hành:

Bước 1: GV chuẩn bị đoạn video phù hợp với chương trình giảng dạy của bài học.

Bước 2: Tổ chức dạy học. GV giới thiệu sơ lược về cách thức dạy học qua video. Trước khi cho HS xem phim, GV có thể nêu một số câu hỏi thảo luận hoặc gợi ý các nội dung mà HS cần tìm hiểu. Tổ chức cho HS xem phim. Sau khi xem hết phim video, GV yêu cầu HS làm việc độc lập hoặc theo cặp trả lời các câu hỏi hoặc viết tóm tắt những ý cơ bản về các nội dung đã gợi ý.

Bước 3: Tổ chức nhận xét, đánh giá và tổng kết.

\* PPDH thực hành (luyện tập)

- Khái niệm: Luyện tập là PPDH giúp củng cố kiến thức, kỹ năng HS đã tiếp thu được trong quá trình học tập.

- Mục tiêu của môn Mỹ thuật ở tiểu học là GD thẩm mỹ cho HS thông qua các hoạt động thực hành. Vì vậy, luyện tập là PPDH thực hành giúp HS củng cố kiến thức, hình thành kỹ năng; đồng thời có thể giúp học sinh tìm ra những điểm mới trong cách quan sát, cảm nhận, sáng tạo đối với tác phẩm nghệ thuật/ sản phẩm học tập. HS có thể luyện tập quan sát, nhận xét; tư duy hình tượng và cách tiến hành thực hành để không ngừng nâng cao năng lực tìm tòi,

sáng tạo của bản thân.

- Quy trình tổ chức thực hành mỹ thuật: Nêu mục tiêu, nội dung thực hành; quy trình và các thao tác thực hiện; một số lưu ý khi thực hiện; tổ chức thực hành; tổ chức đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm.

\* PPDH trải nghiệm

- Khái niệm: Trải nghiệm là quá trình nhận thức, khám phá đối tượng bằng việc tương tác với đối tượng thông qua các thao tác vật chất bên ngoài và các quá trình tâm lý bên trong. Thông qua đó, chủ thể học hỏi, tìm tòi, sáng tạo, tiếp thu, tích lũy những kinh nghiệm và hoàn thiện các kỹ năng trong cuộc sống.

- Trải nghiệm sáng tạo là hoạt động GD, dưới sự hướng dẫn của GV, từng HS tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân.

- Đối với môn Mỹ thuật, học qua trải nghiệm có thể là buổi ngoại khóa thi vẽ tranh, nặn, trang trí, đồ họa hoặc tham quan học tập. Khi HS được quan sát trực tiếp ở khuôn viên trường học, phong cảnh làng quê, thiên nhiên ở ngoài đồng ruộng, rừng núi,... HS nghiên cứu sự vật, hiện tượng ở trạng thái thực của nó, có cảm xúc tích cực có thể sáng tạo sản phẩm mỹ thuật ngay tại thực địa. Khi đó, GV có thể tổ chức DH đơn môn hoặc liên môn, liên thông với các môn Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt, Đạo đức, Toán, Ngoại ngữ.

Thông qua hoạt động trải nghiệm, HS còn có kiến thức về lịch sử, văn hóa, xã hội; tìm hiểu tên gọi, màu sắc, hình dạng, chất liệu khi pha trộn màu; quan sát nắm bắt được hình dạng, màu sắc, không gian, một số chất liệu cơ bản sử dụng trong môn Mỹ thuật,...

- Yêu cầu khi tổ chức DH trải nghiệm:

+ Nắm vững chương trình các môn học, từ đó định được đối tượng, nội dung (chủ đề), hình thức, thời gian trải nghiệm cho cả năm học.

+ Xây dựng kế hoạch chu đáo, khoa học; xác định rõ yêu cầu, đối tượng, nội dung, địa điểm, thời gian; hướng dẫn và định hướng cho HS quan sát, ghi chép, thu thập tư liệu, nhận xét, chuẩn bị chu đáo về mặt tổ chức.



+ Quá trình trải nghiệm: Qua thuyết minh, HS chăm chú quan sát các sự vật, hiện tượng, tích cực ghi chép, vẽ sơ đồ, thu thập các hiện vật cần thiết theo yêu cầu đã định; HS có thể sáng tạo ra sản phẩm mỹ thuật tại thực địa.

+ Tổng kết: Đánh giá sản phẩm đã vẽ, nặn, đồ họa hoặc cảm xúc của HS.

\* PPDH giải quyết vấn đề

- Khái niệm: GV tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển HS phát hiện vấn đề, hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề, thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác.

- Dạy học giải quyết vấn đề thường gắn liền với tình huống có vấn đề (lý thuyết hoặc thực tiễn). Quy trình tổ chức PPDH giải quyết vấn đề gồm: Xây dựng tình huống có vấn đề, giải quyết vấn đề, hệ thống hóa và tổng hợp tri thức.

Các loại dạy học giải quyết vấn đề

+ Thuyết trình nêu vấn đề: GV thực hiện cả 3 khâu là đặt vấn đề, phát biểu vấn đề, giải quyết vấn đề, HS đóng vai trò quan sát. GV sử dụng kết hợp DH giải quyết vấn đề với phương pháp thuyết trình (giải thích, minh họa), vấn đáp; thường được sử dụng để giới thiệu bài học mỹ thuật.

+ Tìm tòi một phần: GV đưa ra tình huống có vấn đề và tổ chức cho HS hoạt động tự lực giải quyết vấn đề nhận thức hoặc giải quyết từng phần của vấn đề nhận thức. GV kết hợp DH giải quyết vấn đề với thực hành, vấn đáp, trực quan; thường được sử dụng trong quá trình giảng dạy lý thuyết hoặc thực hành mỹ thuật.

+ Phương pháp nghiên cứu: GV khéo léo hướng dẫn để HS tự lực đề xuất vấn đề nhận thức và tự lực tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra; thường là các dự án học tập sẽ phát huy tính sáng tạo của HS như vẽ theo sở thích hoặc các chủ đề tự lựa chọn đề xuất. PPDH này được sử dụng tối ưu đối với HS có năng khiếu.

+ PPDH giải quyết vấn đề thường đòi hỏi GV có năng lực tư duy, sáng tạo; kết hợp với các PPDH khác như: vấn đáp, thuyết trình, trực quan, DH hợp tác, dự án, trực quan,...

\* PPDH hợp tác nhóm nhỏ

- Khái niệm: Là PPDH trong đó GV tổ chức cho HS hình thành các nhóm học tập cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng để giải quyết vấn đề do GV đặt ra.

- PPDH hợp tác nhóm nhỏ có thể tiến hành trong và ngoài lớp, ngoài trường thực hiện ở mọi khâu của quá trình DH mỹ thuật như: trao đổi đề nảy sinh ý tưởng; tạo sản phẩm và đánh giá sản phẩm mỹ thuật. Để PPDH hợp tác nhóm nhỏ đạt hiệu quả cần đảm bảo các yếu tố sau: 1) Xây dựng sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực; 2) Thể hiện trách nhiệm cá nhân; 3) Khuyến khích sự tương tác trong nhóm; 4) Rèn luyện các kỹ năng xã hội.

- Quy trình tổ chức PPDH hợp tác nhóm nhỏ gồm các bước sau: 1) Làm việc chung cả lớp; 2) Làm việc theo nhóm; 3) Thảo luận, tổng kết trước toàn lớp. Mỗi bước này được thực hiện linh hoạt tùy theo mỗi tiết học, năng lực của GV và HS [3].

- Các kỹ thuật DH hợp tác nhóm nhỏ:

+ Kỹ thuật chia nhóm: Có nhiều cách nhóm theo cặp, theo bàn, theo sở thích, theo năng lực, theo tháng sinh, ....

+ Kỹ thuật luân phiên: Kết quả thảo luận của các nhóm được đánh giá chéo lẫn nhau, cụ thể như sau: nhóm 2 đánh giá kết quả của nhóm 1, nhóm 3 đánh giá kết quả của nhóm 2, nhóm 4 đánh giá kết quả của nhóm 3, nhóm 1 đánh giá kết quả của nhóm 4. Hoặc các nhóm 1, 2, 3 lần lượt xem xét và đánh giá kết quả của nhóm 4, ghi kết quả đánh giá trên các tờ giấy có màu sắc khác nhau đặc trưng cho nhóm trên sản phẩm học tập của nhóm 4, sau đó nêu nhận xét trước lớp, có sự điều khiển trực tiếp của giáo viên.

Kết quả thảo luận nhóm được trình bày bằng lời, ghi trên bảng, giấy A<sup>0</sup> hoặc sản phẩm học tập khác. Hình thức đánh giá của các nhóm có thể là nhận xét trực tiếp, hoặc đặt ra những câu hỏi để chủ thể của nhóm giải trình cho rõ hơn.

+ Kỹ thuật công não: Huy động và phối hợp suy nghĩ, ý tưởng của các thành viên trong nhóm về cách giải quyết một vấn đề. Công não sử dụng trực cảm và tưởng tượng, các ý tưởng xuất hiện tự do và liên kết các ý tưởng.

Các bước tiến hành: 1) Lựa chọn nhóm trưởng và thư ký của nhóm; 2) Đưa vấn đề hay xác định vấn đề; giúp các thành viên hiểu một cách thấu đáo về

đề tài sẽ được tìm hiểu; 3) Thiết lập các ‘luật chơi’ cho buổi động não; 4) Bắt đầu động não, tất cả các thành viên lần lượt đưa ra ý kiến của cá nhân; 5) Kết thúc động não, các thành viên đưa ra kiến và bắt đầu đánh giá các câu trả lời.

Kỹ thuật công não có thể sử dụng dưới hình thức nói hoặc viết. Trong đó, kỹ thuật khăn trải bàn là một dạng công não viết.

+ Kỹ thuật Think - Pair - Share (Suy nghĩ - Thảo luận - Chia sẻ): Là hình thức DH hợp tác nhằm khuyến khích sự tham gia của tất cả các cá nhân trong giờ học. HS suy nghĩ về một câu hỏi/ nội dung/ vấn đề GV đưa ra dựa trên 3 bước sau: 1) Think: HS đọc lập suy nghĩ về một câu hỏi/ nội dung/ vấn đề GV đưa ra, và tạo nên các ý tưởng của bản thân; 2) Pair: HS thảo luận theo cặp. Ở khâu này, HS nói ra quan điểm của mình; lắng nghe, cân nhắc và xem xét ý kiến của bạn; 3) Share: Các cặp đôi chia sẻ ý kiến trong nhóm lớn hoặc trong cả lớp. Thông thường, HS sẽ cảm thấy thoải mái hơn khi phát biểu ý kiến của mình trước nhóm với sự hỗ trợ của người khác (bạn cùng cặp). Hơn nữa, ý tưởng của HS sẽ được phát triển tốt hơn sau khi đã thực hiện quá trình gồm 3 bước này.

- Cách thực hiện:

Đầu tiên, GV đưa ra một câu hỏi/ một vấn đề/ chủ đề cho cả lớp, yêu cầu từng HS suy nghĩ độc lập trong một vài phút.

Sau đó, chia cặp và yêu cầu HS làm việc theo cặp để chia sẻ ý kiến cá nhân. Ở khâu này, gợi ý và hướng dẫn HS đưa ra các lời giải, bình luận để bảo vệ quan điểm của bản thân từ đó thống nhất ý kiến trong cặp một cách thuyết phục.

- Tiếp theo, yêu cầu các cặp chia sẻ và thể hiện ý kiến của cặp này với cặp khác hoặc với cả lớp. Ở bước này, GV có thể thực hiện bằng nhiều cách: 1) Yêu cầu cặp này kết hợp với cặp khác để chia sẻ ý kiến; 2) Yêu cầu HS chia sẻ ý kiến bằng cách gọi ngẫu nhiên một ai đó; 3) Yêu cầu các cặp tự chỉ định người trong cặp trình bày ý kiến/ quan điểm của cặp mình; 4) Yêu cầu tất cả HS cùng đứng lên, sau đó yêu cầu ngẫu nhiên HS nào đó chia sẻ quan điểm của mình với cả lớp.

Trong nhóm thảo luận có thể ở một vị trí không có người ngồi. HS tham gia nhóm quan sát có thể thay nhau ngồi vào chỗ đó và đóng góp ý kiến vào cuộc thảo luận. Ví dụ đưa ra một câu hỏi đối với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến

khi cuộc thảo luận bị chững lại trong nhóm. Những người ngồi vòng ngoài quan sát những người thảo luận, tương tự như xem những con cá trong bể cá cảnh. Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau.

\* PPDH dự án (học theo dự án)

- Khái niệm: Học theo dự án là một phương pháp học tập mang tính xây dựng, trong đó HS tự đưa ra sáng kiến và thực hiện xây dựng phiếu hỏi, thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, đưa ra nhận định, kết luận về các vấn đề cụ thể [12].

- DH dự án là PPDH định hướng hành động, gắn liền với thực tiễn (trải nghiệm), có thể đơn môn hoặc đa môn, liên môn. Đối với môn Mĩ thuật, DH dự án có thể là STEAM; định hướng thực tiễn và định hướng sản phẩm; gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội; kích thích động cơ, hứng thú học tập; phát huy tính tự lực, tính trách nhiệm; phát triển khả năng sáng tạo; rèn năng lực giải quyết những vấn đề phức hợp; rèn luyện tính kiên nhẫn, năng lực cộng tác làm việc; phát triển năng lực đánh giá.

Đối với môn Mĩ thuật, dự án học tập có thể sử dụng ở tích hợp, liên thông, liên môn với môn Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội; ở dạng STEAM.

Chẳng hạn: Ở môn Mĩ thuật lớp 3 (Chương trình GDPT 2018), bài 1: Màu sắc của chữ; chủ đề: Nhà trường; thể loại: Hội họa tích hợp với môn Tiếng Việt, Đạo đức.

- Quy trình DH dự án, gồm các bước sau: 1) Xác định chủ đề và mục đích của dự án; 2) Xây dựng kế hoạch thực hiện; 3) Thực hiện dự án; 4) Trình bày và đánh giá sản phẩm của dự án.

Các bước được thực hiện linh hoạt ở trong lớp học hoặc ngoài lớp học. GV cần chuẩn bị chu đáo, hướng dẫn HS thực hiện theo dự án, xây dựng các tiêu chí đánh giá sản phẩm học tập cũng như là quá trình thực hiện dự án. GV chú trọng đánh giá quá trình qua việc đánh giá HS, hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Thực tế cho thấy, kỹ thuật DH là “linh hồn” của các PPDH, đảm bảo sự thành công trong hoạt động sư phạm. Trong đó, một PPDH có thể sử dụng nhiều

kỹ thuật DH khác nhau và một kỹ thuật DH có thể sử dụng ở nhiều PPDH khác nhau. Kỹ thuật DH nhằm kích thích tính tích cực học tập của HS; khai thác điểm mạnh và hạn chế những điểm yếu của HS; giúp cho việc phân hóa năng lực và trình độ của HS.

#### *1.1.4.2. Phương pháp dạy học mỹ thuật theo Đan Mạch*

PPDH mỹ thuật theo Đan Mạch (Dự án phát triển GV tiểu học do Đan Mạch đưa vào Việt Nam), thường được gọi là mô hình Đan Mạch, là PPDH chú trọng vào tính sáng tạo, thể hiện cá nhân và học tập thực hành trong lĩnh vực nghệ thuật thị giác. Đây là PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực, lấy HS làm trung tâm và tập trung vào việc nuôi dưỡng tài năng nghệ thuật.

Phương pháp tiếp cận theo quy trình, chú trọng vào quá trình sáng tạo hơn là tập trung vào sản phẩm cuối cùng. HS được khuyến khích khám phá và thử nghiệm các chất liệu, kỹ thuật và khái niệm nghệ thuật khác nhau. Trọng tâm là thể hiện và phát triển cá nhân hơn là tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn nghệ thuật được xác định trước. PPDH này có một số đặc trưng sau đây:

- Tự do và tự chủ: Thúc đẩy quyền tự chủ và khuyến khích HS làm chủ hành trình nghệ thuật của bản thân. HS có quyền tự do lựa chọn môn học, chủ đề và cách tiếp cận các dự án nghệ thuật. Cách tiếp cận này thúc đẩy tinh thần trách nhiệm, động lực và sự tự tin vào khả năng sáng tạo của HS.

- Học tập hợp tác: Mặc dù khuyến khích được sự thể hiện của cá nhân nhưng vẫn chú ý học tập hợp tác. HS thường làm việc cùng nhau trong các dự án, trao đổi ý kiến, cung cấp phản hồi và học hỏi lẫn nhau. Môi trường học tập hợp tác nuôi dưỡng các kỹ năng xã hội, tinh thần đồng đội và khả năng đánh giá cao và tôn trọng các quan điểm khác nhau.

- Tích hợp lý thuyết và thực hành: Kết hợp kiến thức lý thuyết với ứng dụng thực tế. HS không chỉ học về lịch sử mỹ thuật, các phong cách mỹ thuật và kỹ thuật mỹ thuật mà còn tích cực vận dụng kiến thức để sáng tạo mỹ thuật. Sự tích hợp này giúp HS phát triển được sự hiểu biết sâu sắc hơn về các khái niệm mỹ thuật và sự liên quan của chúng trong thực tiễn mỹ thuật đương đại.

- Nhấn mạnh suy ngẫm và phê bình: HS được khuyến khích suy ngẫm về

quá trình phát triển mỹ thuật, đánh giá tác phẩm một cách nghiêm túc và xác định các lĩnh vực cần cải thiện. Các buổi phê bình đồng đẳng và phản hồi mang tính xây dựng cũng được kết hợp để nâng cao khả năng cho và nhận phản hồi của HS, thúc đẩy sự phát triển và cải thiện.

Hướng dẫn chuyên nghiệp: HS nhận được sự hướng dẫn từ phía GV, với vai trò là người cố vấn và hỗ trợ. GV hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật và cố vấn để giúp HS trau dồi kỹ năng và phát triển khả năng mỹ thuật của mình. Khuyến khích HS khám phá điểm mạnh và sở thích độc đáo của mình khi được cung cấp hướng dẫn về các khía cạnh kỹ thuật và nguyên tắc nghệ thuật.

- Triển lãm và sự tham gia của công chúng: Coi trọng việc giới thiệu tác phẩm mỹ thuật của HS thông qua các cuộc triển lãm và thuyết trình trước công chúng. Điều này cho phép HS chia sẻ các biểu hiện sáng tạo của bản thân với nhiều đối tượng hơn và có kinh nghiệm quý báu trong việc trình bày tác phẩm; thấm nhuần cảm giác tự hào, thành tựu và sự tự tin vào khả năng nghệ thuật của HS.

PPDH mỹ thuật theo Đan Mạch thúc đẩy cách tiếp cận toàn diện, lấy HS làm trung tâm trong GD nghệ thuật. Bằng cách tập trung vào sự sáng tạo, thể hiện cá nhân và học tập thực hành, PPDH này giúp phát triển cho HS kỹ năng nghệ thuật, thúc đẩy sự phát triển cá nhân và phát triển sự đánh giá đối với nghệ thuật.

### ***1.1.5. Đặc điểm của học sinh tiểu học***

#### ***1.1.5.1. Đặc điểm tâm, sinh lý của học sinh tiểu học***

HS tiểu học, thường từ 6 đến 12 tuổi, thể hiện rất nhiều đặc điểm tâm sinh lý. Mặc dù điều quan trọng cần nhớ là mỗi đứa trẻ là duy nhất và có thể thể hiện những khác biệt cá nhân, nhưng có một số đặc điểm chung có thể quan sát thấy ở nhóm tuổi này. Sau đây là một số đặc điểm tâm, sinh lý chung của HS tiểu học:

**\* Một số đặc điểm sinh lý**

Ở lứa tuổi này, hệ xương, hệ cơ đang trong thời kỳ phát triển nhưng chưa cứng cáp. Tuy vậy, các em rất thích các trò chơi vận động. Chức năng hệ thần kinh cấp cao đang hoàn thiện, do vậy, tư duy chuyển dần từ trực quan hành động sang tư duy hình tượng và phát triển tư duy trừu tượng. Do đó, HS rất hứng thú

với các trò chơi và hoạt động trí tuệ ....

\* Một số đặc điểm tâm lí

Trẻ lứa tuổi này phát triển mạnh về nhận thức, tình cảm, ý thức và nhân cách. Hoạt động chủ yếu là học tập, vui chơi bạn bè, thích tìm hiểu thế giới xung quanh, thích bắt chước, thích hoạt động nghệ thuật, học và chơi vô tư, thoải mái, chưa có khái niệm môn chính, phụ, chưa có dấu hiệu chọn bạn chơi. Tri giác của trẻ mang tính đại thể, chi tiết. Đặc biệt trẻ rất dễ bị thu hút bởi màu sắc và thích quan sát các sự vật hiện tượng, thích khám phá và trải nghiệm [17].

Phát triển nhận thức: HS tiểu học thể hiện những tiến bộ đáng kể trong khả năng nhận thức; thành thạo hơn trong tư duy logic, giải quyết vấn đề và hiểu các khái niệm trừu tượng. Trí nhớ và chú ý cũng được cải thiện trong giai đoạn này. Hoạt động học tập là điều kiện thuận lợi để phát triển trí tưởng tượng. Những tiết học vẽ, nặn, cắt, dán, đòi hỏi HS phải tìm những chủ đề sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho HS phát triển trí tưởng tượng sáng tạo. Tuy nhiên, với HS tiểu học, tưởng tượng mới bắt đầu được hình thành và sẽ được phát triển mạnh ở lứa tuổi sau [24, tr.76-77].

Phát triển xã hội: Nhận thức rõ hơn về các mối quan hệ xã hội và phát triển các kỹ năng xã hội của chúng; bắt đầu hình thành tình bạn và hiểu tầm quan trọng của sự hợp tác và chia sẻ; có thể tham gia vào các tương tác xã hội phức tạp hơn và phát triển cảm giác đồng cảm với người khác.

Phát triển cảm xúc: HS tiểu học trải qua nhiều loại cảm xúc và đang học cách hiểu và quản lý cảm xúc của mình. Họ có thể nhận thức rõ hơn về bản sắc của mình và thể hiện sự độc lập ngày càng tăng. Điều tiết cảm xúc và sự đồng cảm tiếp tục phát triển trong giai đoạn này.

Phát triển đạo đức: Trẻ em ở trường tiểu học bắt đầu phát triển ý thức đúng sai, được hướng dẫn bởi các giá trị đạo đức được nội tâm hóa. Nhận thức rõ hơn về các quy tắc và chuẩn mực xã hội, hành vi của HS bị ảnh hưởng bởi sự hiểu biết ngày càng tăng về đạo đức.

Khái niệm về bản thân: HS tiểu học bắt đầu phát triển ý thức về bản thân chặt chẽ và phức tạp hơn; nhận thức rõ hơn về điểm mạnh và điểm yếu của mình,

và lòng tự trọng có thể bị ảnh hưởng bởi thành tích học tập, tương tác xã hội và các yếu tố bên ngoài khác.

#### *1.1.5.2. Đặc điểm khả năng thể hiện ngôn ngữ tạo hình của học sinh tiểu học*

HS tiểu học thể hiện ngôn ngữ tạo hình tương đối rõ; biểu hiện: thích vẽ hình sát thực, họa tiết đơn giản; tranh thể hiện khá rõ nội dung, hình ảnh có sự che khuất. Tuy nhiên, tranh vẽ còn liệt kê các đối tượng, xuất hiện vẽ theo giới tính, nhiều chi tiết độc đáo, ngộ nghĩnh.

Về màu sắc: trẻ thường thể hiện màu sắc tươi sáng, mạnh dạn dùng màu đậm, biết chùng màu, có tạo được “hòa sắc” ngẫu nhiên, bất ngờ, sáng tạo.

Về đường nét: Đôi khi nét vẽ còn cứng nhắc, bất chước; vẽ theo trục giác và tư duy cảm tính là chủ yếu.

HS cuối cấp tập trung hơn trong việc thể hiện các nét vẽ; biết sử dụng màu sắc tinh tế hơn; ý thức về sự xa gần; thay đổi hình nền để tạo cảm giác về không gian; bài vẽ phong phú, đa dạng hơn.

Khả năng tạo hình của HS lớp 3 thể hiện ở năng lực tư duy logic, có ý thức trong việc khai thác hình ảnh. Các em tìm và vẽ tranh chậm hơn so với học sinh lớp 4 và 5 nhưng suy nghĩ kỹ hơn so với các lớp dưới. Tuy nhiên, việc sắp xếp hình ảnh chính phụ còn rời rạc. HS đã có khả năng vẽ màu nhanh hơn, đã có sự sắp xếp màu sắc, sử dụng gam màu bổ túc, gam màu nóng, lạnh để tạo hiệu ứng cho tác phẩm. HS biết thể hiện đường nét rõ nét hơn so với các lớp dưới, tuy nhiên độ sắc nét còn hạn chế so với HS lớp 4 và 5. Các em đã biết cảm thụ tác phẩm theo hiểu biết và các đặc điểm tâm lý cá nhân; nhận xét tác phẩm theo các tiêu chí đề ra.

Như vậy, cùng với sự hình thành và phát triển thể chất, trí tuệ, HS tiểu học hình thành và phát triển ngôn ngữ tạo hình.

#### ***1.1.6. Chương trình môn Mĩ thuật lớp 3 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018***

##### *1.1.6.1. Mục tiêu chung của môn Mĩ thuật lớp 3*

Trang bị những ngôn ngữ nền tảng cơ bản nhất của nghệ thuật tạo hình nói chung, mĩ thuật nói riêng làm cơ sở hình thành cho HS quan niệm, nhận thức



riêng về các giá trị thẩm mỹ trong nghệ thuật và cuộc sống.

Tạo cơ hội cho HS kết nối kiến thức bài học với thực tế cuộc sống để đáp ứng việc học đi đôi với hành.

Khuyến khích HS sử dụng và phối hợp các loại vật liệu sẵn có ở địa phương để sáng tạo sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. Đồng thời, giúp HS nhận biết thêm vẻ đẹp của quê hương và GD ý thức bảo vệ môi trường.

Đưa các ngành nghề truyền thống vào bài học nhằm phát huy và giữ gìn bản sắc dân tộc.

Tạo cơ hội tiếp cận và phát huy những thành tựu văn hóa, nghệ thuật đặc sắc của địa phương, bồi dưỡng lòng yêu quê hương, đất nước ở mỗi HS.

#### 1.1.6.2. Yêu cầu cần đạt môn Mỹ thuật lớp 3 ở tiểu học

Chương trình môn Mỹ thuật giúp HS hình thành và phát triển năng lực mỹ thuật thông qua các thành phần: Quan sát và nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ [8, tr.5]. Ở lớp 3, yêu cầu cần đạt và nội dung cụ thể của môn Mỹ thuật được thể hiện cụ thể như sau:

**Bảng 1.3: Yêu cầu cần đạt môn Mỹ thuật lớp 3 ở tiểu học**

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<b>MĨ THUẬT TẠO HÌNH</b>	
<p><b><i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt.</li> <li>- Biết phân biệt màu cơ bản và màu thứ cấp.</li> <li>- Biết liên hệ nội dung chủ đề với hình ảnh trong thực tiễn.</li> </ul> <p><b><i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo được màu thứ cấp và đọc được tên các màu đó trong thực hành, sáng</li> </ul>	<p><b><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><i>Yếu tố tạo hình:</i> Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.</p> <p><i>Nguyên lí tạo hình:</i> Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hòa.</p> <p><b><i>Thể loại</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp: Lí luận và lịch sử mỹ thuật; Hội họa; Đồ họa (tranh in); Điêu khắc</p>

<p>tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được đậm, nhạt của chấm, nét để trang trí sản phẩm.</li> <li>- Biết vận dụng sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản để mô phỏng đối tượng.</li> <li>- Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm, như: mịn, mềm, thô ráp,..</li> <li>- Tạo được sự biểu đạt hình động cho sản phẩm.</li> <li>- Thể hiện được chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm ở sản phẩm.</li> <li>- Phân biệt được vẽ, in và nặn trong thực hành, sáng tạo.</li> </ul> <p><b>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưng bày, trao đổi, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm và ý tưởng vận dụng.</li> <li>- Biết mô tả, chia sẻ cảm nhận về tác phẩm mỹ thuật ở mức độ đơn giản.</li> </ul>	<p><b>Hoạt động thực hành và thảo luận</b></p> <p><i>Thực hành:</i> Sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D; Sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.</p> <p><i>Thảo luận</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hóa nghệ thuật.</li> <li>- Sản phẩm thực hành của HS.</li> </ul> <p><b>Định hướng chủ đề</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương.</li> </ul>
<b>MĨ THUẬT ỨNG DỤNG</b>	
<p><b>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được một số thao tác, công đoạn cơ bản để làm nên sản phẩm.</li> <li>- Nhận biết được tính chất tương phản của hình, khối ở sản phẩm thủ công.</li> </ul> <p><b>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo được sản phẩm có sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản.</li> <li>- Tạo được màu đậm, màu nhạt ở sản</li> </ul>	<p><b>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><i>Yếu tố tạo hình:</i> Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.</p> <p><i>Nguyên lí tạo hình:</i> Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hòa.</p> <p><b>Thế loại:</b> Thủ công</p> <p>Lựa chọn, kết hợp: Đồ thủ công bằng vật</p>

<p>phẩm bằng vật liệu sẵn có.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện được chi tiết hoặc hình ảnh trọng tâm ở sản phẩm.</li> <li>- Vận dụng được sự khác nhau của chấm, đường hướng của nét để trang trí sản phẩm.</li> <li>- Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm.</li> </ul> <p><b>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm, chia sẻ mục đích sử dụng.</li> <li>- Biết phân biệt vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo ở sản phẩm thủ công.</li> </ul>	<p>liệu tự nhiên.; Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo; Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng.</p> <p><b>Hoạt động thực hành và thảo luận</b></p> <p><i>Thực hành:</i> Sáng tạo sản phẩm thủ công 2D; Sáng tạo sản phẩm thủ công 3D</p> <p><i>Thảo luận</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp: Sản phẩm thủ công; Sản phẩm thực hành của HS.</p> <p><b>Định hướng chủ đề</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp: Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ lưu niệm.</p>
--	---

Nguồn: [8]

### 1.1.6.3. Nội dung môn Mỹ thuật lớp 3 ở tiểu học

Nội dung GD cốt lõi của Chương trình môn Mỹ thuật phát triển hai mạch: Mỹ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng. Ở cấp Tiểu học nói chung, lớp 3 nói riêng, nội dung GD mỹ thuật gồm: Lí luận và Lịch sử Mỹ thuật, Hội hoạ, Thủ công. Trong đó nội dung Lí luận và Lịch sử Mỹ thuật được giới hạn trong phạm vi làm quen với tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hóa nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép trong thực hành, thảo luận mỹ thuật [27, tr.4].

Nội dung chương trình Mỹ thuật lớp 3 được thể hiện qua 03 bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo, Cánh diều. Các trường tiểu học được quyền lựa chọn SGK để phục vụ cho hoạt động dạy học sao cho đáp ứng được mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra. Một số trường tiểu học trên địa bàn thành phố Lạng Sơn, trong đó có Trường Tiểu học Đông Kinh lựa chọn bộ sách này.

Bộ sách giáo khoa Mỹ thuật lớp 3 Chân trời sáng tạo (Bản 1) của Chương trình GDPT 2018 đưa vào DH. Theo định hướng nội dung của Chương trình, Sách giáo khoa Mỹ thuật 3 tập trung vào 06 chủ đề: Trường em, Mùa thu quê em, Mái ấm gia đình, Góc học tập của em, Khu vườn nhỏ, Đô thị ngày nay.

Căn cứ đặc điểm tâm sinh lí và các mối quan hệ cơ bản của HS lớp 3 như: quan hệ bản thân với gia đình, bạn bè, nhà trường, cuộc sống xung quanh (thiên nhiên, động vật, thực vật, gia đình, nhà trường, xã hội, đồ chơi, đồ dùng học tập), SGK Mĩ thuật lớp 3 được thiết kế thành 18 bài học tương ứng với 35 tiết học. Cụ thể: 08 bài Mĩ thuật tạo hình mỗi bài 2 tiết, 01 bài 01 tiết, tổng số 17 tiết; 08 bài Mĩ thuật ứng dụng, mỗi bài 2 tiết, 01 bài 01 tiết tổng số 17 tiết; 01 bài tổng kết năm học (1 tiết).

**Bảng 1.4: Nội dung môn Mĩ thuật lớp 3 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo**

Tên bài học	Số tiết	Nội dung
<b>Chủ đề 1: Trường em</b>		
Bài 1. Sắc màu của chữ	2	Chủ đề: Nhà trường; Thể loại: Hội họa; Thực hành: Vẽ; Thảo luận: Sản phẩm của HS
Bài 2. Những người bạn thân thiện	2	Chủ đề: Nhà trường; Thể loại: Hội họa; Thực hành: Vẽ; Thảo luận: Sản phẩm của HS
<b>Chủ đề 2: Mùa thu quê em</b>		
Bài 1. Mặt nạ trung thu	2	Chủ đề: Đồ chơi; Thể loại: Thủ công, hội họa; Thực hành: Cắt, dán, vẽ 2D; Thảo luận: Sản phẩm của HS
Bài 2. Vui tết trung thu	2	Chủ đề: Quê hương; Thể loại: Hội họa; Thực hành: Vẽ; Thảo luận: Sản phẩm của HS, tranh dân gian
Bài 3. Phong cảnh mùa thu	2	Chủ đề: Thiên nhiên; Thể loại: Hội họa Thực hành: Cắt, xé, dán, tạo hình từ lá cây Thảo luận: Sản phẩm của HS, tác phẩm của họa sĩ
<b>Chủ đề 3: Mái ấm gia đình</b>		
Bài 1. Đồ vật thân quen	2	Chủ đề: Gia đình; Thể loại: Điêu khắc; Thực hành: Nặn; Thảo luận: Sản phẩm của HS
Bài 2. Người em yêu quý	2	Chủ đề: Gia đình; Thể loại: Hội họa; Thực hành: Vẽ; Thảo luận: Sản phẩm của HS, tác phẩm của họa sĩ
Bài 3. Gia đình yêu thương	2	Chủ đề: Gia đình; Thể loại: Hội họa; Thực hành: Vẽ; Thảo luận: Sản phẩm của HS

<b>Chủ đề 4: Góc học tập của em</b>		
Bài 1. Chậu hoa xinh xắn	2	Chủ đề: Thiên nhiên; Thể loại: Thủ công; Thực hành: Vẽ, cắt, dán giấy màu; Thảo luận: Sản phẩm của HS
Bài 2. Con vật ngộ nghĩnh	2	Chủ đề: Đồ chơi, đồ dùng học tập; Thể loại: Thủ công; Thực hành: Vẽ, cắt, dán giấy màu; Thảo luận: Sản phẩm của HS
Bài 3. Ống đựng bút tiện dụng	2	Chủ đề: Đồ chơi, đồ dùng học tập; Thể loại: Thủ công; Thực hành: Đan nan và trang trí; Thảo luận: Sản phẩm của HS
<b>Chủ đề 5: Khu vườn nhỏ</b>		
Bài 1. Cây trong vườn	2	Chủ đề: Thiên nhiên; Thể loại: Thủ công; Thực hành: Vẽ, cắt, gấp, dán giấy bìa màu; Thảo luận: Sản phẩm của HS
Bài 2. Những sinh vật nhỏ trong vườn	2	Chủ đề: Thiên nhiên; Thể loại: Đồ họa tranh in; Thực hành: In dập màu; Thảo luận: Sản phẩm của HS
Bài 3. Khu vườn kì diệu	2	Chủ đề: Thiên nhiên; Thể loại: Hội họa; Thực hành: vẽ, in màu; Thảo luận: Sản phẩm của HS, tác phẩm của họa sĩ
<b>Chủ đề 6: Đô thị ngày nay</b>		
Bài 1. Mô hình nhà cao tầng	2	Chủ đề: Quê hương; Thể loại: Thủ công; Thực hành: Vẽ, gấp giấy bìa màu; Thảo luận: Sản phẩm của HS
Bài 2. Khu vui chơi của chúng em	2	Chủ đề: Quê hương; Thể loại: Thủ công; Thực hành: Vẽ, gấp giấy bìa màu; Thảo luận: Sản phẩm của HS
Bài 3. Đô thị trong mắt em	2	Chủ đề: Quê hương; Thể loại: Hội họa; Thực hành: Vẽ; Thảo luận: Sản phẩm của HS
Bài 4. Hành trình đến đô thị	1	Tổng kết

Mỹ thuật tạo hình gồm các thể loại: Hội họa, Đồ họa tranh in, Điêu khắc: trong 10 bài mỹ thuật tạo hình thuộc chương trình Mỹ thuật lớp 3 Chân trời sáng tạo (Bản 1) có 08 bài Hội họa (16 tiết), 01 bài Điêu khắc (02 tiết); 01 bài Đồ họa tranh in (02 tiết); 01 bài Thủ công và Hội họa. Như vậy, thể loại Hội họa chiếm 1/2 chương trình môn Mỹ thuật lớp 3. Vì vậy, việc vận dụng các PPDH mỹ thuật phát triển năng lực HS nói chung và đối với thể loại Hội họa là một nhiệm vụ quan trọng của GV mỹ thuật để đáp ứng Chương trình GDPT 2018.

#### *1.1.6.4. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học Mỹ thuật lớp 3*

Yêu cầu trọng tâm của đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức DH trong Chương trình môn Mỹ thuật 2018 là: Kết hợp lồng ghép thực hành và thảo luận nghệ thuật [27, tr.30].

PPDH tích cực môn Mỹ thuật gồm: quan sát; trực quan; vấn đáp, gợi mở; luyện tập thực hành; DH dự án; tiếp cận theo chủ đề; xây dựng cốt truyện với một số quy trình, hình thức tạo hình mỹ thuật đã được tiếp cận. Để DH mỹ thuật hình thành và phát triển năng lực cho HS, GV cần sử dụng và phối hợp một cách linh hoạt, hài hòa các PPDH, kỹ thuật DH tích cực.

Quá trình học tập của HS hiệu quả hay không còn phụ thuộc vào việc kết hợp các hình thức tổ chức học tập như: học theo nhóm, học cá nhân; học tập có trò chơi hỗ trợ; học trên lớp; học ngoài lớp; học chính khóa trong nhà trường kết hợp với các hoạt động ngoại khóa; học tập gắn liền với sinh hoạt cộng đồng; học tập trải nghiệm tại các làng nghề; thực hành mỹ thuật ứng dụng; học tập tại thực địa.

Việc phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức DH mỹ thuật nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của HS thông qua việc thiết kế tiến trình DH thành các hoạt động học tập trong và ngoài lớp học.

Khi kết hợp các phương pháp và hình thức tổ chức DH tích cực cần đảm bảo tính đặc thù của bộ môn như: tính nghệ thuật, GD thẩm mỹ; khả năng sáng tạo của HS. Vì vậy, để bắt đầu mỗi hoạt động mỹ thuật, tùy theo điều kiện thực tế, sở thích, năng lực, phong cách học tập của mỗi HS, thông thường sẽ được khởi đầu bằng một trong ba hình thức: sáng tạo theo trí nhớ, sáng tạo tưởng tượng hay sáng tạo qua quan sát. Tuy nhiên, các hình thức này luôn đan xen và hỗ trợ nhau

trong các hoạt động mỹ thuật.

Năng lực mỹ thuật của HS gồm các thành tố chính: Quan sát và nhận thức thẩm mỹ; sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ; phân tích và đánh giá thẩm mỹ. Tiếp cận trên cơ sở hình thành và phát triển các năng lực mỹ thuật, khi tổ chức các hoạt động DH mỹ thuật cho HS lớp 3, GV cần chú ý sử dụng các PPDH như sau:

- Để hình thành, phát triển năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ, GV nên khuyến khích và tạo cơ hội cho HS được quan sát, nhận thức về đối tượng thẩm mỹ từ bao quát, tổng thể đến chi tiết, bộ phận; đối chiếu, so sánh để tìm ra đặc điểm, vẻ đẹp của đối tượng; phát hiện các giá trị thẩm mỹ của đối tượng. Tuy nhiên, khả năng chú ý, phân tích, tổng hợp của HS lớp 3 đều đang ở giai đoạn hình thành, vì vậy khi đưa ra yêu cầu quan sát, GV cần giao nhiệm vụ rõ ràng, lựa chọn đối tượng gần gũi, quen thuộc và không quá phức tạp để HS dễ quan sát. Trong quá trình quan sát, GV nên đặt câu hỏi gợi mở để định hướng, hỗ trợ HS tìm tòi, khám phá. Quan sát và nhận thức thẩm mỹ cần được kết hợp, lồng ghép trong các hoạt động của tiến trình DH và liên hệ, ứng dụng thực tiễn chứ không phải chỉ là hoạt động khám phá bài học.

Để hình thành, phát triển năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: GV cần kích thích khả năng thực hành, sự sáng tạo của HS bằng những cách thức khác nhau; khuyến khích HS thử nghiệm, đổi mới, kích thích tư duy, khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và liên hệ, ứng dụng thực tiễn. Đồng thời hướng dẫn cụ thể cách thức tiến hành sản phẩm để HS chủ động chuẩn bị, sẵn sàng học tập, sáng tạo.

Để hình thành, phát triển năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ: GV cần tích hợp, lồng ghép hoạt động thực hành, sáng tạo, ứng dụng thẩm mỹ với thảo luận; kết hợp quan sát, nhận thức và phân tích, đánh giá thẩm mỹ trong tiến trình DH. Khuyến khích HS tích cực tham gia hoạt động học tập như: trưng bày sản phẩm; xem tranh; tạo cơ hội để HS được tiếp cận và khám phá nhiều sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật; kết hợp liên hệ truyền thống văn hóa, bối cảnh xã hội và khai thác thiết bị công nghệ, Internet; quan tâm đến sự khác biệt về giới tính, đa dạng

sắc tộc, đặc điểm văn hóa vùng miền và tính thời đại. Khi lựa chọn các tác phẩm, sản phẩm nghệ thuật cho HS phân tích và đánh giá, cần cân nhắc để phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lí lứa tuổi và điều kiện dạy học thực tế.

#### *1.1.6.5. Kiểm tra - đánh giá Mĩ thuật lớp 3*

##### *\* Mục tiêu của đánh giá*

- Giúp GV điều chỉnh, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học trong quá trình hay kết thúc mỗi giai đoạn, kịp thời phát hiện sự tiến bộ của HS để động viên, khích lệ. Phát hiện những hạn chế, khó khăn để hướng dẫn, hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của HS.

- Giúp HS hình thành năng lực tự đánh giá, tham gia đánh giá lẫn nhau, tự học, tự điều chỉnh cách học; có năng lực giao tiếp, hợp tác, hứng thú học tập và rèn luyện để tiến bộ.

- Giúp cha mẹ HS có thể hiểu, tham gia đánh giá quá trình và kết quả học tập, tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động GD HS.

- Giúp cán bộ quản lí GD kịp thời chỉ đạo các hoạt động GD, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá nhằm đạt hiệu quả GD.

##### *\* Hình thức và tiêu chí đánh giá*

- Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng: Tự đánh giá của HS và đánh giá đồng đẳng trong nhóm, trong cặp đôi, cá nhân dựa trên các tiêu chí: 1) Sự chuẩn bị, ý thức tham gia và sự hợp tác trong hoạt động mĩ thuật; 2) Khả năng tự khám phá, khả năng giao tiếp, hợp tác, độc lập, sáng tạo; 3) Thời gian hoàn thành nhiệm vụ học tập; 4) Sự tiến bộ về nhận thức, kĩ năng, kết quả học tập của HS.

- GV đánh giá: Đánh giá thường xuyên, toàn diện, cụ thể dựa trên các tiêu chí đã xây dựng: 1) Sự tích cực chuẩn bị bài, sẵn sàng học tập, hợp tác; 2) Năng lực học tập: nhận thức, kĩ năng, sự linh hoạt, độc lập, sáng tạo; 3) Năng lực, sở thích của HS về ngôn ngữ tạo hình (chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm, nhạt,...); 4) Năng lực xã hội giao tiếp, hợp tác, thích ứng. Hình thức đánh giá thông qua kiểm tra vấn đáp, thực hành, hoạt động thực tiễn,...

Đánh giá kết quả học tập của HS theo năng lực của cá nhân hoặc nhóm



trong suốt quá trình hoạt động và qua sản phẩm. GV khuyến khích HS tự giới thiệu, nhận xét, nêu cảm nhận, chia sẻ với bạn, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau dựa trên các tiêu chí mà GV đã gợi ý để HS xây dựng nên. GV có thể chọn cách xếp loại tương ứng với việc đánh giá HS: Hoàn thành tốt; Hoàn thành; Chưa hoàn thành.

## 1.2. Cơ sở thực tiễn

### 1.2.1. Khái quát về Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn

Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn được phát triển từ trường cấp I Đông Kinh xã, xây dựng trên địa bàn phường Đông Kinh với tổng diện tích khuôn viên trường 6.760m<sup>2</sup>, tỷ lệ HS con em dân tộc Tày, Nùng chiếm gần 65%, ngành nghề chủ yếu là làm nông và buôn bán nhỏ. Trong quá trình xây dựng và phát triển nhà trường, Đảng ủy và chính quyền địa phương chú trọng công tác GD, luôn quan tâm lãnh đạo, quản lý; tạo môi trường thuận lợi cho Nhà trường hoạt động. Phòng GDĐT thành phố Lạng Sơn trực tiếp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động khác, giúp nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2003, Trường Tiểu học Đông Kinh được công nhận kiểm định chất lượng cấp độ II và trường Chuẩn quốc gia mức độ I. Hằng năm, Nhà trường đều đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến trở lên, trong đó có nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Một số HS có tác phẩm thuật đoạt giải cao trong Ngày hội Mĩ thuật cấp trường, cấp thành phố cũng như cấp tỉnh.

**Bảng 1.5: Quy mô trường, lớp của Trường Tiểu học Đông Kinh**

Năm học	Tổng số lớp	Tổng số HS	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
2021-2022	29	1201	6	297	6	232	6	234	6	236	5	202
2022-2023	30	1305	6	298	6	300	6	235	6	232	6	240

Nguồn: [43]

Cơ sở vật chất, khuôn viên trường học luôn được các cấp lãnh đạo quan tâm cải tạo và nâng cấp. Nhà trường có đủ số phòng học dành cho các môn học đặc thù; thiết bị DH đáp ứng hoạt động giảng dạy và học tập nội, ngoại khóa. Cơ sở vật chất đảm bảo các điều kiện cơ bản phục vụ tốt công tác giảng dạy, học tập và các hoạt động GD khác. Số lượng HS giỏi và GV dạy giỏi ngày càng gia tăng, chất lượng GD của nhà trường không ngừng được nâng lên. Công tác GD đạo đức được coi trọng, các hoạt động ngoại khóa được quan tâm đúng mức, công tác xã hội hóa và các hoạt động thiện nguyện ngày càng được phát triển.

Mô hình trường học câu lạc bộ đạt hiệu quả, giúp HS học tập, thực hành, trải nghiệm; trau dồi kiến thức, kỹ năng, phát triển năng lực chuyên môn và bồi dưỡng giá trị sống và kỹ năng sống; phát triển toàn diện nhân cách. Mô hình trường học câu lạc bộ góp phần thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức DH; gắn học tập với thực hành; gắn lý thuyết với thực tiễn; từng bước tiếp cận Chương trình GDPT 2018.

Nhà trường đã thành lập các câu lạc bộ: Mĩ Thuật, Tiếng Anh, Tin học, Thể dục, Toán, Tiếng Việt, Hội đồng tự quản, Viết chữ đẹp. Nội dung hoạt động của các câu lạc bộ mang đặc thù bộ môn. Ưu điểm chính của hoạt động câu lạc bộ là mở rộng kiến thức môn học gắn với hoạt động thực tiễn, nhằm phát huy tối đa khả năng khám phá kiến thức, trau dồi kỹ năng và phát triển năng lực cho HS. Đồng thời GD kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, giúp HS tự tin trước đám đông thông qua các buổi giao lưu câu lạc bộ. Năm học 2021-2022, Nhà trường đã tổ chức giao lưu câu lạc bộ Âm nhạc với chủ đề “Ngày hội xuân”; giao lưu câu lạc bộ môn học; Ngày hội Tiếng Anh; thực hiện tốt công tác GD thông qua những bài học về đạo đức, kỹ năng sống. Bên cạnh đó, Nhà trường còn chỉ đạo GV mĩ thuật xây dựng chuyên đề cấp trường cùng thống nhất PPDH theo Chương trình GDPT 2018; xây dựng kế hoạch, chủ động sắp xếp bài dạy phù hợp với tình hình thực tế; sử dụng tài liệu “DH mĩ thuật dành cho GV tiểu học” và các quy trình DH để thực hiện các bài dạy; tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; quay video bài dạy để thảo luận, đánh giá rút kinh nghiệm. Trên cơ

sở việc sử dụng các PPDH tích cực, GV thiết kế các tiết học theo hướng phát triển năng lực, gắn liền với kiểm tra - đánh giá quá trình. Tổ chức các tiết học Mỹ thuật có sử dụng PPDH dự án, hợp tác nhóm nhỏ, DH trực quan, trải nghiệm sáng tạo,...., góp phần hình thành hứng thú học tập cho HS và có nhiều hơn các sản phẩm mỹ thuật [43, tr.23].

Với sự quan tâm sát sao của tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền, sự chỉ đạo của ngành GDĐT, chất lượng GD của Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn nói chung và môn Mỹ thuật nói riêng ngày càng được nâng cao, đáp ứng được yêu cầu phát triển GD của địa phương trong giai đoạn mới.

### ***1.2.2. Thực trạng dạy học Mỹ thuật ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn***

#### ***1.2.2.1. Tổ chức khảo sát thực trạng***

##### **\* Mục đích khảo sát**

Đánh giá thực trạng mức độ vận dụng các PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học; thực trạng năng lực mỹ thuật của HS và những yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng vận dụng PPDH bộ môn của GV Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn.

##### **\* Nội dung khảo sát**

Khảo sát GV và HS Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn về các vấn đề: Nhận thức về vai trò của môn Mỹ thuật đối với sự phát triển năng lực HS tiểu học; Sự yêu thích môn Mỹ thuật nói chung và thể loại Hội họa nói riêng của HS tiểu học; Sử dụng PPDH và phương pháp kiểm tra - đánh giá môn Mỹ thuật; Năng lực đặc thù môn Mỹ thuật của HS tiểu học; Yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng sử dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học.

##### **\* Mẫu khảo sát**

Để đánh giá thực trạng DH môn Mỹ thuật ở các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Lạng Sơn, tác giả đã khảo sát 24 GV giảng dạy môn Mỹ thuật năm học 2021-2022. Các trường trên địa bàn thành phố có điều kiện tương tự, tham gia sinh hoạt chuyên môn theo cụm, cụ thể:

**Bảng 1.6: Phân bố khách thể khảo sát**

TT	Địa bàn khảo sát	Số lượng khách thể	Tỉ lệ (%)
1	Trường Tiểu học Đông Kinh	03	12,50
2	Trường Tiểu học Chi Lăng	03	12,50
3	Trường Tiểu học Vĩnh Trại	04	16,67
4	Trường Tiểu học Tam Thanh	03	12,50
5	Trường Tiểu học Quảng Lạc	03	12,50
6	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	04	16,67
7	Trường Tiểu học Mai Pha	02	8,33
8	Trường Tiểu học và THCS Lê Quý Đôn	02	8,33
Tổng cộng		24	100

Nguồn: Tác giả (2022)

Tại Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn nghiên cứu sâu: trung cầu ý kiến 03 GV về những thuận lợi và khó khăn trong DH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS; lấy ý kiến nhận xét của GV mỹ thuật đối với 80 HS lớp 3 năm học 2021-2022 về năng lực mỹ thuật của HS (mỗi lớp chọn ngẫu nhiên 10-15 HS); dự giờ 18 tiết Hội họa của lớp 3 theo Chương trình GDPT 2018 (đầu năm học 2022-2023).

Trước đó, tác giả đã trải nghiệm, quan sát và nghiên cứu các tiết học Mỹ thuật tại Trường từ năm học 2020-2021.

\* Phương pháp và công cụ khảo sát

- Phương pháp khảo sát (Anket): Khảo sát GV mỹ thuật về thực trạng nhận thức về vai trò của môn Mỹ thuật đối với sự phát triển năng lực của HS tiểu học; mức độ yêu thích môn học của HS; sử dụng các PPDH phát triển năng lực; năng lực đặc thù môn Mỹ thuật của HS; nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng sử dụng các PPDH phát triển năng lực (*Phụ lục 01*). Đề nghị GV đánh giá mức độ năng lực mỹ thuật của 80 HS lớp 3 (*Phụ lục 02*).

Đối với nội dung khảo sát bằng câu hỏi đóng với 03 và 05 mức độ được quy điểm như sau:

**Bảng 1.7: Cách cho điểm và thang đánh giá đối với 03 mức độ**

TT	Mức độ	Thang đánh giá	Thang xếp hạng
1	Nhiều tác dụng/ Thích/ Thường xuyên/ Ảnh hưởng nhiều	3	2,34 - 3,0
2	Ít tác dụng/ Bình thường/ Đôi khi/ Ít ảnh hưởng	2	1,67 - 2,33
3	Không tác dụng/ Không thích/ Không bao giờ/ Không ảnh hưởng	1	1,0 - 1,66

Nguồn: Tác giả (2022)

**Bảng 1.8: Cách cho điểm và thang đánh giá đối với 05 mức độ của năng lực**

TT	Mức độ	Thang đánh giá	Thang xếp hạng
1	Tốt	5	4,21 - 5,0
2	Khá	4	3,41 - 4,20
3	Trung bình	3	2,61 - 3,40
4	Yếu	2	1,81 - 2,6
5	Kém	1	< 1,8

Nguồn: Tác giả (2022)

- Phương pháp quan sát: Dự giờ môn Mĩ thuật (Hội họa) để quan sát mức độ sử dụng PPDH mĩ thuật theo hướng phát triển năng lực (*Phụ lục 03*). Mỗi GV được dự 06 tiết học thuộc 3 bài đầu tiên của thể loại Hội họa trong chương trình SGK Mĩ thuật Chân trời sáng tạo (Bản 1). Cách tính điểm được quy ước như sau: Không bao giờ (Không sử dụng); Đôi khi (1-3 tiết học); Thường xuyên (4-6 tiết).

- Phương pháp nghiên cứu sản phẩm của HS

Mục đích: Đánh giá sự tiến bộ của HS được thể hiện trong tác phẩm mĩ thuật; xác định những thuận lợi và khó khăn của HS trong học tập môn Mĩ thuật; từ đó lựa chọn và sử dụng chiến lược và các PPDH phù hợp với HS.

Nội dung: Phân tích việc sử dụng đường nét, màu sắc, hình dạng, kết cấu, hình thức, không gian và bố cục trong tác phẩm nghệ thuật; đánh giá sự phát triển của các kỹ năng liên quan đến Hội họa và các thể loại mĩ thuật khác; đánh giá khả năng thể hiện ý tưởng và cách diễn giải độc đáo của HS thông qua sản phẩm mĩ thuật.

Cách thức thực hiện: Thu thập một mẫu đại diện cho tác phẩm nghệ thuật của HS, đảm bảo đa dạng về chủ đề, phương tiện và trình độ kỹ năng; lập danh mục và dán nhãn cho từng tác phẩm nghệ thuật với thông tin liên quan; quan sát và kiểm tra các tác phẩm nghệ thuật, lưu ý các yếu tố nghệ thuật, chủ đề và cách lựa

chọn phong cách; thu thập thông tin bổ sung thông qua các cuộc phỏng vấn, bảng câu hỏi hoặc thảo luận trong lớp để hiểu ý tưởng và quá trình suy nghĩ của HS.

Xử lý thông tin: Chụp ảnh hoặc quét các tác phẩm nghệ thuật để dễ tham khảo và lưu giữ hồ sơ.

- Phương pháp phỏng vấn GV và HS: Khai thác thông tin đối với GV và HS, đặc biệt là những thuận lợi hoặc khó khăn cũng như điểm mạnh và hạn chế của trong việc vận dụng PPDH phát triển năng lực.

#### 1.2.2.2. Nhận thức về vai trò của môn Mĩ thuật đối với sự phát triển năng lực học sinh tiểu học

Bất cứ môn học hoặc hoạt động DH nào cũng có vai trò, tác dụng đối với sự phát triển năng lực của HS. Để tìm hiểu nhận thức về vai trò của môn Mĩ thuật đối với sự phát triển năng lực đặc thù của HS tiểu học, tác giả đã tiến hành khảo sát ý kiến của 24 GV mĩ thuật trên địa bàn thành phố, cụ thể:

**Bảng 1.9: Nhận thức về vai trò của môn Mĩ thuật đối với sự phát triển năng lực HS tiểu học (theo đánh giá của GV)**

TT	Vai trò	Mức độ						ĐTB	TB
		Không		Ít		Nhiều			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Hình thành và phát triển năng lực quan sát thẩm mĩ	0	0	3	12,5	21	87,5	2,88	1
2	Hình thành và phát triển năng lực nhận thức thẩm mĩ	0	0	7	29,2	17	70,8	2,71	3
3	Hình thành và phát triển năng lực sáng tạo thẩm mĩ	0	0	4	16,7	20	83,3	2,83	2
4	Hình thành và phát triển năng lực ứng dụng thẩm mĩ	0	0	8	33,3	16	66,7	2,67	4
5	Hình thành và phát triển năng lực phân tích thẩm mĩ	0	0	10	41,7	14	58,3	2,58	5
6	Hình thành và phát triển năng lực đánh giá thẩm mĩ	0	0	11	45,8	13	54,2	2,54	6
7	Hình thành và phát triển năng lực khác	0	0	12	50,0	12	50,0	2,50	7
Trung bình chung			0		32,7		67,3	2,67	

Nguồn: Tác giả (2022)

ĐTB chung của 07 tiêu chí tính theo tỉ lệ phần trăm mức Nhiều tác dụng chiếm 67,3%, ở mức Ít tác dụng chiếm 32,7%, không có ý kiến đánh giá ở mức Không tác dụng. Các tiêu chí có ĐTB chung là 2,67, nằm trong khoảng 2,34-3,0, được đánh giá ở mức Nhiều tác dụng và 100% các tiêu chí đều có ĐTB từ 2,50 điểm trở lên. Kết quả khảo sát cho thấy, môn Mĩ thuật có ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển năng lực của HS. Tuy nhiên, các tiêu chí có ĐTB khác nhau, vì vậy môn học có ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của các năng lực khác nhau. Trong đó, năng lực quan sát, sáng tạo và nhận thức thẩm mĩ được hình thành và phát triển nhiều hơn. Nguyên nhân là do đặc điểm tâm lý lứa tuổi, trình độ và năng lực nhận thức của HS. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng đến mỗi HS là khác nhau. Vì chất lượng học tập môn Mĩ thuật đòi hỏi HS phải có năng khiếu, sự sáng tạo, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, điều kiện và thời gian học tập, năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm của GV, sự quan tâm của cha mẹ HS,..

Khảo sát nhận thức của GV về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố trong thể loại Hội họa đối với sự phát triển năng lực của HS tiểu học, kết quả thu được:

**Bảng 1.10: Nhận thức về vai trò của các yếu tố trong Hội họa đối với sự phát triển năng lực HS tiểu học (theo đánh giá của GV)**

TT	Yếu tố	Mức độ						ĐTB	TB
		Không		Ít		Nhiều			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Ý tưởng	0	0	5	20,8	19	79,2	2,79	2
2	Bố cục	1	4,2	7	29,2	16	66,7	2,63	4
3	Đường nét, hình mảng	0	0	6	25,0	18	75,0	2,75	3
4	Màu sắc	0	0	4	16,7	20	83,3	2,83	1
Trung bình chung			1,0		22,9		76,0	2,75	

Nguồn: Tác giả (2022)

ĐTB chung của 04 yếu tố tính theo tỉ lệ phần trăm ở mức Nhiều tác dụng chiếm 76,0%, ở mức Ít tác dụng chiếm 22,9%, mức Không tác dụng chiếm 1,0%. Các tiêu chí có ĐTB chung là 2,75 nằm trong khoảng 2,34-3,0, được đánh giá ở mức Nhiều tác dụng và 100% các tiêu chí đều có ĐTB từ 2,63 điểm trở lên. Điều

đó cho thấy, các yếu tố của thể loại Hội họa có ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển năng lực của HS tiểu học. Tuy nhiên, ĐTB của các tiêu chí khác nhau nên mức độ ảnh hưởng khác nhau. Theo nhận định của GV, đối với HS tiểu học thì yếu tố màu sắc có ảnh hưởng nhiều nhất, tiếp đến là ý tưởng, sau nữa là đường nét, hình mảng và cuối cùng là bố cục, kết cấu. Trong đó, việc hình thành và phát triển năng lực mỹ thuật của HS phụ thuộc nhiều vào nhận thức cảm tính; chuyển dần từ nhận thức cảm tính sang nhận thức lý tính, chuyển từ bên ngoài vào bên trong.

### 1.2.2.3. Thực trạng yêu thích môn Mỹ thuật của HS Trường Tiểu học Đông Kinh

Việc yêu thích môn học là một trong những yếu tố đảm bảo cho việc đạt được kết quả cao trong học tập, là cơ sở quan trọng để GV áp dụng PPDH tích cực. Để đánh giá sự yêu thích đối với môn học của HS, Đề tài đã khảo sát ý kiến của giáo viên mỹ thuật, kết quả thu được:

**Bảng 1.11: Thực trạng yêu thích các thể loại môn Mỹ thuật của HS tiểu học (theo đánh giá của GV)**

TT	Thể loại	Mức độ						ĐTB	TB
		Không thích		Bình thường		Thích			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Lí luận và lịch sử mỹ thuật	12	50,0	10	41,7	2	8,3	1,58	5
2	Hội họa	2	8,3	6	25,0	16	66,7	2,58	2
3	Đồ họa	5	20,8	10	41,7	9	37,5	2,17	4
4	Điêu khắc	4	16,7	7	29,2	13	54,2	2,38	3
5	Thủ công	0	0,0	5	20,8	19	79,2	2,79	1
Trung bình chung			19,2		31,7		49,2	2,30	

Nguồn: Tác giả (2022)

ĐTB chung của sự yêu thích đối với các thể loại mỹ thuật tính theo tỉ lệ phần trăm ở mức Thích chiếm 49,2%, ở mức Bình thường chiếm 31,7%, mức Không thích chiếm 19,2%. Các tiêu chí có ĐTB chung là 2,30 nằm trong khoảng 1,66-2,33 (Bình thường). Một số thể loại được HS thích lần lượt từ cao xuống thấp là Thủ công, Hội họa và Điêu khắc (Nặn). HS không thích thể loại Lí luận



và Lịch sử mỹ thuật. Kết quả khảo sát khá phù hợp với sự nhận thức của HS tiểu học, điều kiện học tập ở tỉnh miền núi như Lạng Sơn. Các nội dung được thu hẹp dần và thể hiện rõ hơn đối với HS có năng khiếu. Vì vậy, bên cạnh việc tạo sự yêu thích cho HS, GV còn cần phải xác định được các yếu tố thuận lợi và khó khăn của từng thể loại Hội họa để lựa chọn các PPDH phù hợp để phát triển năng lực HS. Qua trao đổi với cô Vũ Thúy Lan, GV mỹ thuật của Trường Tiểu học Đông Kinh cho biết, một số HS có điều kiện thuận lợi được học thêm ở các lớp năng khiếu mỹ thuật vào cuối tuần, dịp hè; sinh hoạt câu lạc bộ môn học tại Trường. Một số HS có năng khiếu mỹ thuật, có khả năng quan sát, cảm nhận thẩm mỹ, sáng tạo, biết liên hệ bài học với thực tiễn để tạo ra các sản phẩm mỹ thuật ứng dụng. Bên cạnh đó, phần lớn là HS không có năng khiếu mỹ thuật, các em tập trung vào học các môn văn hóa như Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh. Một số ít HS có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ đi làm xa nên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng môn học. Vì vậy, chất lượng môn Mỹ thuật có sự phân hóa rõ rệt.

Để kiểm tra độ tin cậy của việc đánh giá của GV trên địa bàn thành phố, tác giả đã tiến hành khảo sát ý kiến của 03 GV Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn để nhận xét về mức độ yêu thích của 80 HS lớp 3.

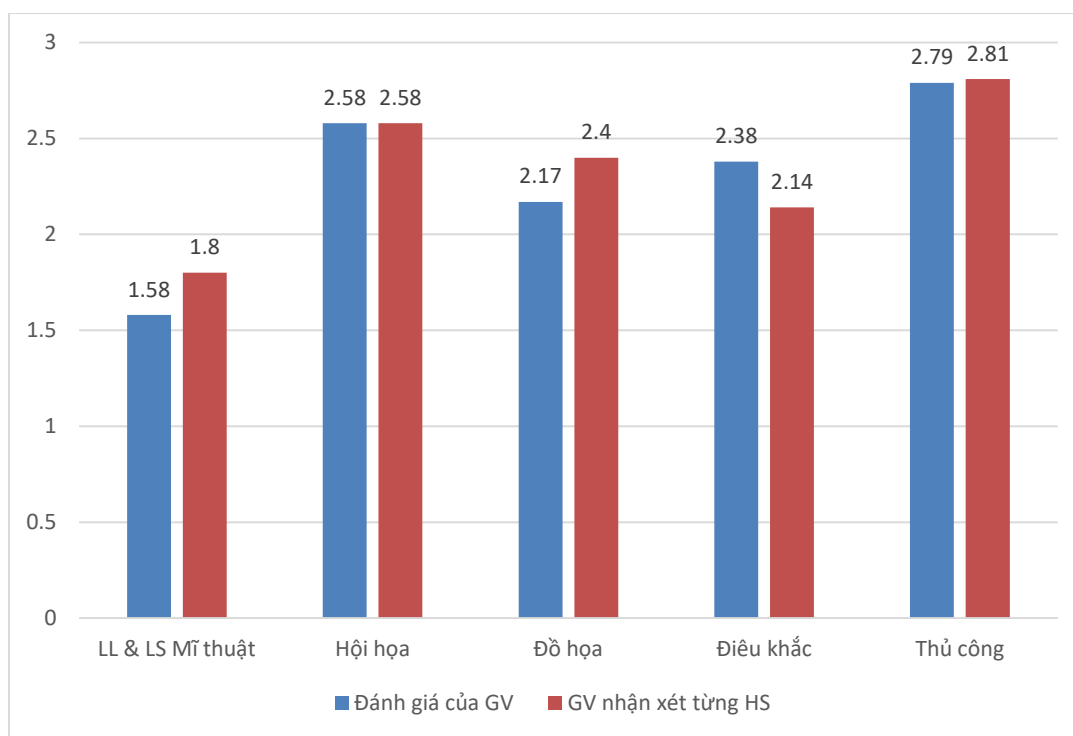
**Bảng 1.12: Thực trạng yêu thích các thể loại môn Mỹ thuật của HS tiểu học (GV nhận xét về từng HS)**

TT	Thể loại	Mức độ						ĐTB	TB
		Không thích		Bình thường		Thích			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Lí luận và Lịch sử mỹ thuật	35	43,8	26	32,5	19	23,8	1,80	5
2	Hội họa	8	10,0	18	22,5	54	67,5	2,58	2
3	Đồ họa	5	6,3	38	47,5	37	46,3	2,40	4
4	Điêu khắc	12	15,0	23	28,8	45	56,3	2,41	3
5	Thủ công	0	0,0	15	18,8	65	81,3	2,81	1
Trung bình chung			15,0		30,0		55,0	2,40	

Nguồn: Tác giả (2022)

ĐTB chung của các thể loại mỹ thuật tính theo tỉ lệ phần trăm được HS Thích chiếm 55%, ở mức Bình thường chiếm 30%, mức Không thích chiếm 15%. Các tiêu chí có ĐTB chung là 2,40 nằm trong khoảng 2,34-3,0 (Thích). Kết quả nhận xét về sự yêu thích môn học của HS Trường Tiểu học Đông Kinh được GV đánh giá cao hơn là 0,1 điểm so với GV thành phố đánh giá (thứ bậc không có sự thay đổi). Kết quả hoàn toàn phù hợp bởi Trường Tiểu học Đông Kinh nằm ở trung tâm thành phố Lạng Sơn có điều kiện học tập tốt hơn so với các trường ngoại thành.

**Biểu đồ 1.1: Thực trạng yêu thích các thể loại môn Mỹ thuật của HS tiểu học (So sánh đánh giá của GV và nhận xét đối với từng HS)**



Nguồn: Tác giả (2022)

Bên cạnh việc khảo sát sự yêu thích đối với các thể loại mỹ thuật ở tiểu học, Đề tài còn khảo sát thực trạng yêu thích các hình thức Hội họa của HS tiểu học, kết quả như sau:

**Bảng 1.13: Thực trạng yêu thích các hình thức trong thể loại Hội họa của HS tiểu học (theo đánh giá của GV)**

TT	Hình thức	Mức độ						ĐTB	TB
		Không thích		Bình thường		Thích			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Vẽ tranh theo mẫu	2	8,3	6	25,0	16	66,7	2,58	3
2	Vẽ tranh theo chủ đề	5	20,8	7	29,2	12	50,0	2,29	7
3	Vẽ tranh tự do	0	0,0	6	25,0	18	75,0	2,75	2
4	Vẽ tranh theo bài học	4	16,7	8	33,3	12	50,0	2,33	6
5	Vẽ tranh tham gia cuộc thi	3	12,5	5	20,8	16	66,7	2,54	4
6	Vẽ tranh theo sở thích	0	0,0	4	16,7	20	83,3	2,83	1
7	Nội dung khác	3	12,5	9	37,5	12	50,0	2,38	5
Trung bình chung			10,1		26,8		63,1	2,50	

Nguồn: Tác giả (2022)

ĐTB chung của các hình thức Hội họa tính theo tỉ lệ phần trăm ở mức Thích chiếm 63,1%, ở mức Bình thường chiếm 26,8%, mức Không thích chiếm 10,1%. Các tiêu chí có ĐTB chung là 2,50 nằm trong khoảng 2,34-3,0 (Thích). Hầu hết các hình thức Hội họa đều được HS thích học, tiêu biểu là: Vẽ tranh theo sở thích; Vẽ tranh tự do; 02 hình thức là HS thể hiện thái độ bình thường là: Vẽ tranh theo chủ đề và Vẽ tranh theo bài học. Kết quả khảo sát phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của HS tiểu học. HS thường thể hiện ý thích và năng khiếu của bản thân trong quá trình học tập các môn nghệ thuật, trong đó có môn Mỹ thuật. HS thích thể hiện sự sáng tạo, phóng khoáng trong lối tư duy, tưởng tượng. Kỹ thuật DH động não sẽ giúp HS thể hiện các ý tưởng sáng tạo. Vì vậy, việc tổ chức hoạt động trải nghiệm hoàn toàn phù hợp với môn Mỹ thuật hoặc liên môn.

Để kiểm tra độ tin cậy ý kiến của GV mỹ thuật trên địa bàn thành phố, tác giả đã khảo sát ý kiến của GV Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn để nhận xét về mức độ yêu thích đối với các thể loại Hội họa. Kết quả như sau:

**Bảng 1.14: Thực trạng yêu thích các hình thức trong thể loại Hội họa của HS tiểu học (GV nhận xét về từng HS)**

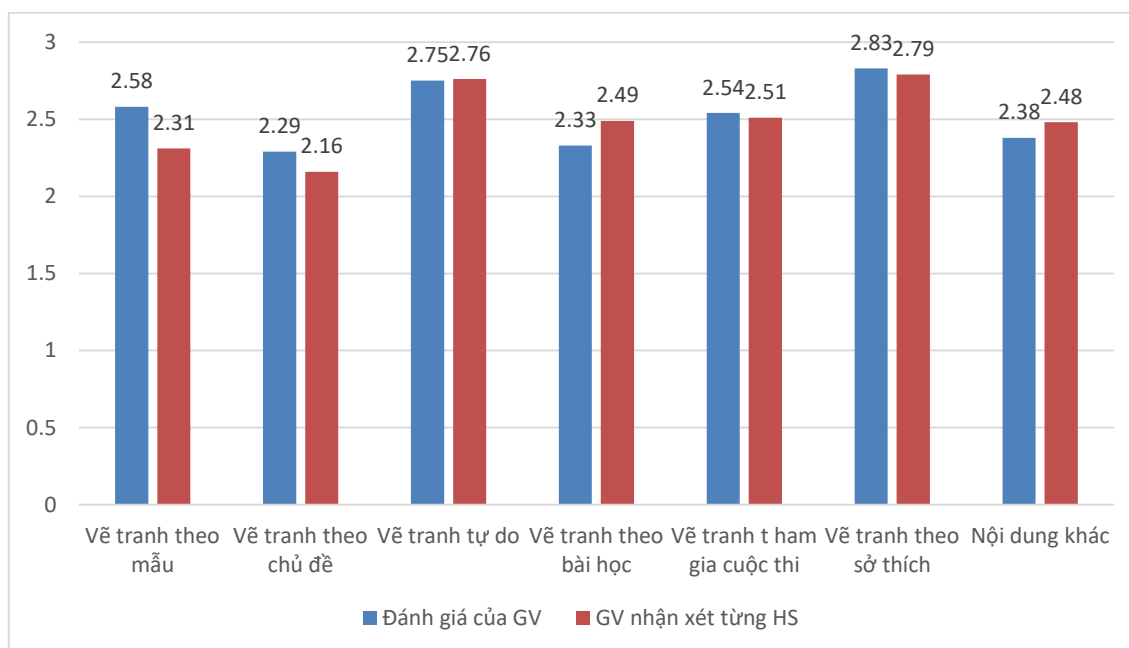
TT	Hình thức	Mức độ						ĐTB	TB
		Không thích		Bình thường		Thích			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Vẽ tranh theo mẫu	15	18,8	25	31,3	40	50,0	2,31	6
2	Vẽ tranh theo chủ đề	20	25,0	27	33,8	33	41,3	2,16	7
3	Vẽ tranh tự do	0	0,0	19	23,8	61	76,3	2,76	2
4	Vẽ tranh theo bài học	10	12,5	21	26,3	49	61,3	2,49	4
5	Vẽ tranh tham gia cuộc thi	5	6,3	29	36,3	46	57,5	2,51	3
6	Vẽ tranh theo sở thích	0	0,0	17	21,3	63	78,8	2,79	1
7	Nội dung khác	8	10,0	26	32,5	46	57,5	2,48	5
Trung bình chung			10,4		29,3		60,4	2,50	

Nguồn: Tác giả (2022)

ĐTB chung của các hình thức Hội họa tính theo tỉ lệ phần trăm ở mức Thích chiếm 60,4%, ở mức Bình thường chiếm 29,4%, mức Không thích chiếm 10,4%. Các tiêu chí có ĐTB chung là 2,50 nằm trong khoảng 2,34-3,0 (Thích). Thể loại Vẽ theo chủ đề và Vẽ theo mẫu được HS yêu thích bình thường. Trong khi đó, theo Chương trình GDPT 2018 thì hầu hết các bài học đều được thực hiện dưới dạng chủ đề. Vì vậy, để nâng cao sự yêu thích môn học cũng như phát triển năng lực cho HS đòi hỏi GV phải sử dụng các PPDH tích cực cũng như các PPDH phát triển năng lực.

Kết quả khảo sát ý kiến của GV trên địa bàn thành phố Lạng Sơn và kết quả nhận xét của GV Trường Tiểu học Đông Kinh về từng HS cơ bản là giống nhau. Tuy nhiên có sự khác nhau về thứ bậc của một số hình thức Hội họa. Kết quả thể hiện ở Biểu đồ 1.2.

**Biểu đồ 1.2: Thực trạng yêu thích các thể loại Hội họa của HS tiểu học  
(So sánh đánh giá của GV và nhận xét đối với từng HS)**



Nguồn: Tác giả (2022)

Qua thực tế và trao đổi với GV mỹ thuật ở Trường Tiểu học Đông Kinh thì việc phân loại các dạng Hội họa chỉ mang tính tương đối. Chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau, đôi khi chứa đựng nhau. Vì vậy, GV cần lưu ý xác định tiêu chí khi phân loại Hội họa để có cái nhìn tổng quan hơn.

#### 1.2.2.4. Thực trạng sử dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS

Để đánh giá thực trạng sử dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học, tác giả khảo sát ý kiến của GV, kết quả thu được:

**Bảng 1.15: Thực trạng sử dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS (theo đánh giá của GV)**

TT	Phương pháp dạy học	Mức độ						ĐTB	TB
		Không bao giờ		Đôi khi		Thường xuyên			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Vấn đáp	0	0	9	37,5	15	62,5	2,63	4
2	Thuyết trình	0	0	10	41,7	14	58,3	2,58	5

3	Quan sát	0	0	5	20,8	19	79,2	2,79	2
4	Trình bày trực quan	0	0	8	33,3	16	66,7	2,67	3
5	Thực hành	0	0	2	8,3	22	91,7	2,92	1
6	Trải nghiệm sáng tạo	2	8,3	16	66,7	6	25,0	2,17	7
7	Dự án	18	75,0	6	25,0	0	0	1,25	12
8	Hợp tác nhóm nhỏ	12	50,0	6	25,0	6	25,0	1,75	10
9	Sử dụng tài liệu	8	33,3	10	41,7	6	25,0	1,92	9
10	Tham quan học tập	9	37,5	15	62,5	0	0,0	1,63	11
11	Giải quyết vấn đề	6	25,0	7	29,2	11	45,8	2,21	6
12	Phương pháp khác	5	20,8	14	58,3	5	20,8	2,00	8
Trung bình chung			20,8		37,5		41,7	2,21	

Nguồn: Tác giả (2022)

ĐTB chung của thực trạng sử dụng các PPDH theo hướng phát triển năng lực tính theo tỉ lệ phần trăm ở mức Thường xuyên chiếm 41,7%, ở mức Đôi khi chiếm 37,5%, mức Không bao giờ chiếm 20,8%. Các tiêu chí có ĐTB chung là 2,21 nằm trong khoảng 1,66-2,33 (Đôi khi). Trong đó có 5/12 PPDH được đánh giá ở mức độ Thường xuyên là: thực hành, quan sát, trình bày trực quan, vấn đáp, thuyết trình. Các PPDH hiếm khi được sử dụng như DH dự án, tham quan học tập. Trong khi đó, đây là các PPDH có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển ý tưởng và năng lực thẩm mỹ của HS. Một số PPDH được đánh giá cao hơn nhưng ở mức độ đôi khi thực hiện như: Hợp tác nhóm nhỏ, trải nghiệm sáng tạo. Như vậy, việc sử dụng các PPDH theo hướng phát triển năng lực của GV còn có những hạn chế nhất định. Nguyên nhân là do việc sử dụng PPDH phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó có sự quan tâm của nhà trường, cha mẹ HS và cơ sở vật chất, đồ dùng DH; năng lực mỹ thuật, năng lực sư phạm và phẩm chất nghề nghiệp của GV; năng khiếu, óc sáng tạo mà tính tích cực học tập của HS.

Kết quả dự giờ mỹ thuật (thể loại Hội họa) tại các lớp khối 3 Trường Tiểu học Đông Kinh (*Phụ lục 03*) cũng thu được kết quả tương tự, cụ thể:

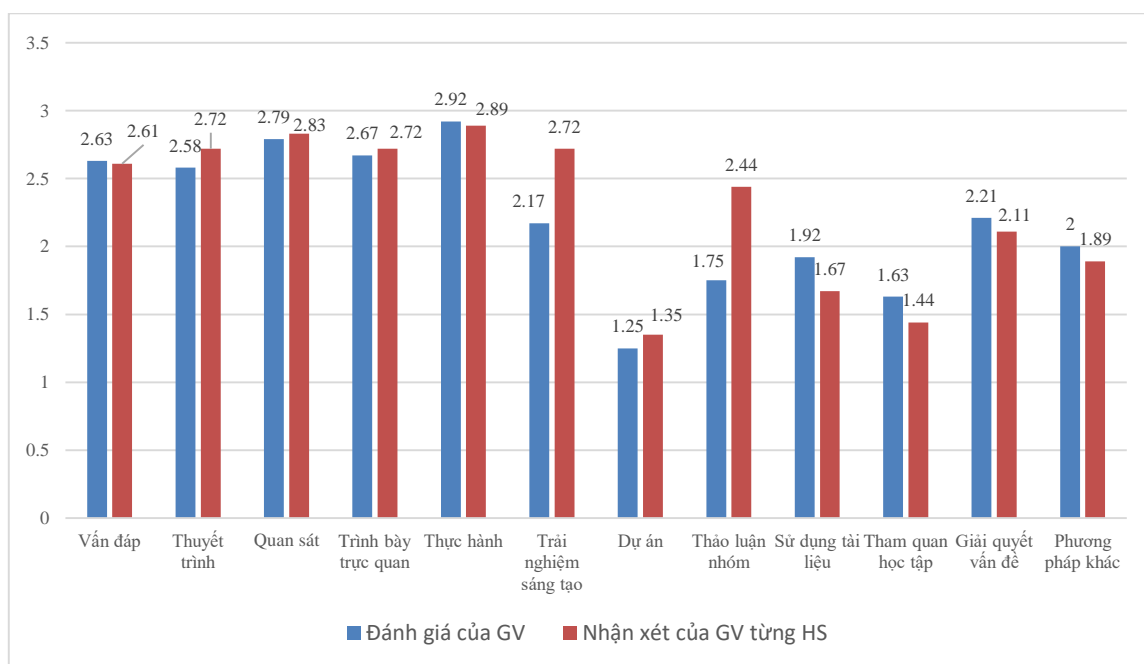
**Bảng 1.16: Thực trạng sử dụng PPDH kĩ thuật theo hướng phát triển năng lực HS (qua dự giờ)**

TT	Phương pháp dạy học	Mức độ						ĐTB	TB
		Không bao giờ		Đôi khi		Thường xuyên			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Vấn đáp	0	0	7	38,9	11	61,1	2,61	5
2	Thuyết trình	0	0	5	27,8	13	72,2	2,72	3
3	Quan sát	0	0	3	16,7	15	83,3	2,83	2
4	Trình bày trực quan	0	0	5	27,8	13	72,2	2,72	3
5	Thực hành	0	0	2	11,1	16	88,9	2,89	1
6	Trải nghiệm sáng tạo	8	44,4	7	38,9	3	16,7	1,72	9
7	Dự án	11	61,1	7	38,9	0	0	1,39	12
8	Thảo luận nhóm	2	11,1	6	33,3	10	55,6	2,44	6
9	Sử dụng tài liệu	8	44,4	8	44,4	2	11,1	1,67	10
10	Tham quan học tập	10	55,6	8	44,4	0	0	1,44	11
11	Giải quyết vấn đề	4	22,2	8	44,4	6	33,3	2,11	7
12	Phương pháp khác	6	33,3	8	44,4	4	22,2	1,89	8
Trung bình chung			22,7		34,3		43,1	2,2	

Nguồn: Tác giả (2022)

ĐTB chung thực trạng sử dụng các PPDH tính theo tỉ lệ phần trăm ở mức Thường xuyên chiếm 43,1%, ở mức Đôi khi chiếm 34,3%, mức Không bao giờ chiếm 22,7%. Các tiêu chí có ĐTB chung là 2,20 nằm trong khoảng 1,66-2,33 (Đôi khi). Trong đó có ½ số lượng các PPDH được đánh giá ở mức Thường xuyên là: thực hành, quan sát trình bày trực quan, vấn đáp, thuyết trình, hợp tác nhóm nhỏ. Các PPDH hiếm khi được sử dụng như: DH dự án, tham quan học tập, trải nghiệm sáng tạo. Tuy nhiên, một số ít PPDH có thứ bậc khác so với sự đánh giá của GV kĩ thuật trên địa bàn thành phố Lạng Sơn.

**Biểu đồ 1.3: Thực trạng sử dụng PPDH kĩ thuật theo hướng phát triển năng lực HS (So sánh đánh giá của GV và dự giờ)**



Nguồn: Tác giả (2022)

Khảo sát, phỏng vấn GV cũng như quan sát các giờ dạy, tác giả nhận thấy, phần lớn GV có năng lực chuyên môn vững vàng, tích cực đổi mới PPDH, tuy nhiên việc vận dụng các PPDH còn hạn chế như: áp dụng quy trình sử dụng các phương pháp chưa được khoa học, chưa linh hoạt thích ứng với từng bài học cụ thể; ít sử dụng các kĩ thuật, thủ thuật DH. Chẳng hạn: phương pháp thuyết trình thì hạn chế việc diễn giải, minh họa, kết hợp với DH trực quan và vấn đáp; phương pháp vấn đáp hạn chế về kĩ thuật đặt câu hỏi; phương pháp hợp tác nhóm nhỏ thì chưa sử dụng đúng quy trình; chưa biết cách chia nhóm một cách linh hoạt,... Các tiết học chủ yếu là quan sát và thực hành, tổ chức trong lớp học cũng làm giảm sự yêu thích môn học, sự sáng tạo của HS đối với môn Mĩ thuật nói chung và thể loại Hội họa nói riêng.

Qua trao đổi với GV, bản thân họ có những hiểu biết nhất định và đã vận dụng các PPDH kĩ thuật đặc trưng cho sự phát triển năng lực HS như: dạy học hợp tác nhóm nhỏ, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, dự án học tập do đã được tiếp cận và thực hiện mô hình VNEN, mô hình Đan Mạch. Tuy nhiên, do Chương trình GDPT 2018 có nhiều điểm mới về nội dung và PPDH, số lượng HS của mỗi



lớp đông, hạn chế về phòng học đặc thù và các hoạt động chuyên môn khác nên GV chưa thực hiện được thường xuyên, linh hoạt và hiệu quả.

Vì vậy, bên cạnh việc đổi mới PPDH tích cực, GV cần nghiên cứu và vận dụng các kỹ thuật DH tích cực; sử dụng các PPDH đặc trưng phát triển năng lực như: hợp tác nhóm nhỏ, dự án, giải quyết vấn đề, trải nghiệm sáng tạo,... kết hợp với đánh giá quá trình, đánh giá đồng đẳng mới góp phần phân hóa năng lực, cũng như thúc đẩy động cơ, hứng thú học tập, sáng tạo mỹ thuật cho HS tiểu học.

#### 1.2.2.5. Thực trạng sử dụng phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá môn Mỹ thuật ở tiểu học

Đối với DH phát triển năng lực, việc sử dụng phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá được xem như PPDH. Việc sử dụng phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá sẽ giúp cho các hoạt động DH được tổ chức linh hoạt hiệu quả, hướng đến phát triển năng lực cho HS. Khảo sát ý kiến của GV thu được kết quả:

**Bảng 1.17: Thực trạng sử dụng phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá môn Mỹ thuật ở tiểu học (theo đánh giá của GV)**

TT	Phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá	Mức độ						ĐTB	TB
		Không bao giờ		Đôi khi		Thường xuyên			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Sản phẩm (thành tựu)	0	0	6	25,0	18	75,0	2,75	1
2	Vấn đáp	5	20,8	7	29,2	12	50,0	2,29	3
3	Bảng kiểm	10	41,7	8	33,3	6	25,0	1,83	5
4	Thang xếp hạng	12	50,0	8	33,3	4	16,7	1,67	6
5	Rubric	18	75,0	5	20,8	1	4,2	1,29	10
6	Hồ sơ học tập	8	33,3	8	33,3	8	33,3	2,00	4
7	Trắc nghiệm khách quan	12	50,0	8	33,3	4	16,7	1,67	6
8	Dự án học tập	15	62,5	6	25,0	3	12,5	1,50	9
9	Quan sát	0	0,0	10	41,7	14	58,3	2,58	2
10	Nhật ký học tập	19	79,2	3	12,5	2	8,3	1,29	10
11	Phương pháp khác	15	62,5	5	20,8	4	16,7	1,54	8
Trung bình chung			43,2		28,0		28,8	1,90	

Nguồn: Tác giả (2022)

ĐTB chung của thực trạng sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá tính theo tỉ lệ phần trăm ở mức Thường xuyên chiếm 28,8%, ở mức Đôi khi chiếm 28,0%, mức Không bao giờ chiếm 43,2%. Các tiêu chí có ĐTB chung là 1,90 nằm trong khoảng 1,66-2,33 (Đôi khi). Trong đó chỉ có phương pháp đánh giá sản phẩm học tập được sử dụng thường xuyên. Các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá hiếm khi được sử dụng là: nhật ký học tập, hồ sơ học tập, Rubric, dự án học tập. Trong khi đó, đây là các phương pháp và công cụ kiểm tra - đánh giá quá trình, gắn liền với việc sử dụng các PPDH nhằm phát triển năng lực chung và năng lực đặc thù cho HS tiểu học

Kết quả sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá trong môn Mĩ thuật được kiểm chứng qua dự các tiết học cũng thu được kết quả tương tự:

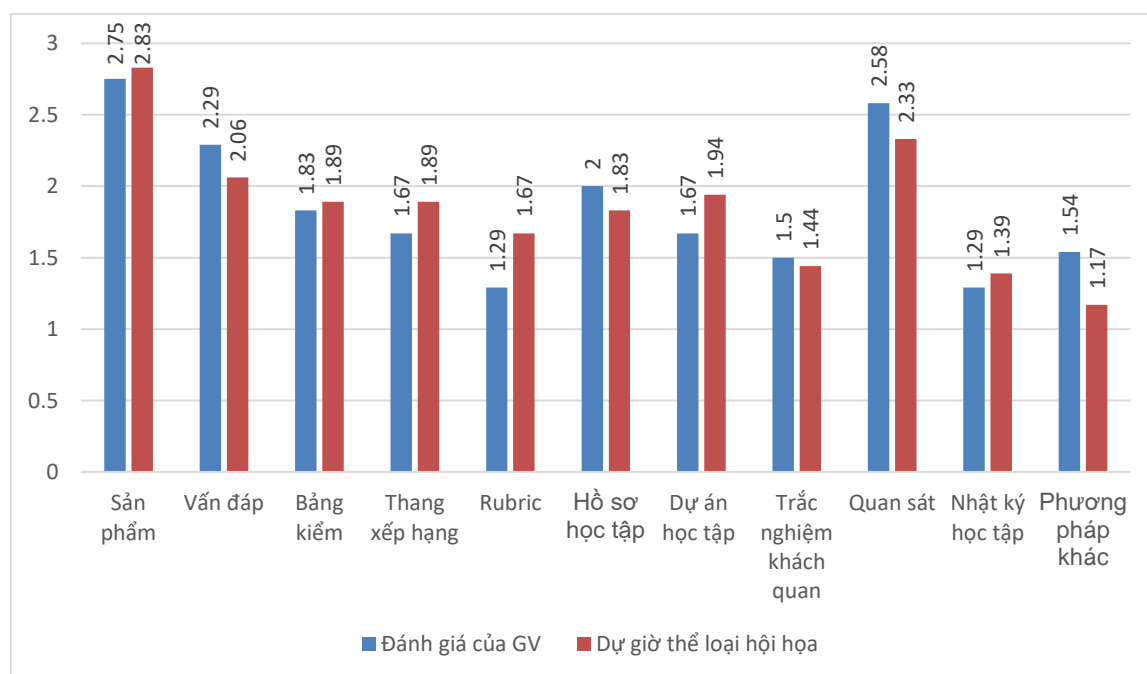
**Bảng 1.18: Thực trạng sử dụng phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá trong môn Mĩ thuật ở tiểu học (qua dự giờ)**

TT	Phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá	Mức độ						ĐTB	T B
		Không bao giờ		Đôi khi		Thường xuyên			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Sản phẩm (thành tựu)	0	0,0	3	16,7	15	83,3	2,83	1
2	Vấn đáp	5	27,8	7	38,9	6	33,3	2,06	3
3	Bảng kiểm	4	22,2	12	66,7	2	11,1	1,89	5
4	Thang xếp hạng	7	38,9	6	33,3	5	27,8	1,89	6
5	Rubric	9	50,0	6	33,3	3	16,7	1,67	8
6	Hồ sơ học tập	8	44,4	5	27,8	5	27,8	1,83	7
7	Trắc nghiệm khách quan	6	33,3	7	38,9	5	27,8	1,94	4
8	Dự án học tập	12	66,7	4	22,2	2	11,1	1,44	9
9	Quan sát	2	11,1	8	44,4	8	44,4	2,33	2
10	Nhật ký học tập	13	72,2	3	16,7	2	11,1	1,39	10
11	Phương pháp khác	15	83,3	3	16,7	0	0,0	1,17	11
Trung bình chung			40,9		32,3		26,8	1,86	

Nguồn: Tác giả (2022)

ĐTB chung của thực trạng sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá quá trình tính theo tỉ lệ phần trăm ở mức Thường xuyên chiếm 26,8%, ở mức Đôi khi chiếm 32,3%, mức Không bao giờ chiếm 40,9%. Các tiêu chí có ĐTB chung là 1,86 nằm trong khoảng 1,66-2,33 (Đôi khi). Trong đó chỉ có phương pháp đánh giá sản phẩm học tập được sử dụng thường xuyên. Các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá hiếm khi được sử dụng là nhật ký học tập, hồ sơ học tập, Rubric và dự án học tập.

**Biểu đồ 1.4: Thực trạng sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá quá trình trong dạy học mỹ thuật của GV tiểu học (So sánh đánh giá của GV và dự giờ)**



Nguồn: Tác giả (2022)

Qua kết quả khảo sát, phỏng vấn GV và dự các giờ mỹ thuật cho thấy: GV chủ yếu sử dụng các phương pháp đánh giá qua nhận xét và cho điểm; người thực hiện chủ yếu được thực hiện là GV. Tự đánh giá của HS và đánh giá đồng đẳng trong các bài mỹ thuật ít được sử dụng. Vì vậy, việc sử dụng các phương pháp kiểm tra - đánh giá theo hướng phát triển năng lực HS còn có những hạn chế nhất định cần được cải thiện.

*1.2.2.6. Thực trạng năng lực mỹ thuật của học sinh Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn*

Hiệu quả của việc sử dụng PPDH theo hướng phát triển năng lực được thể hiện qua năng lực mỹ thuật của HS tiểu học. Để đánh giá năng lực mỹ thuật của HS, tác giả đã khảo sát ý kiến của 24 GV thành phố Lạng Sơn, kết quả thu được:

**Bảng 1.19: Thực trạng năng lực mỹ thuật của HS Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn (theo đánh giá của GV)**

TT	Năng lực	Mức độ					ĐTB	TB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Quan sát thẩm mỹ	8,3	12,5	16,7	25,0	37,5	3,71	1
2	Nhận thức thẩm mỹ	4,2	16,7	20,8	33,3	25,0	3,58	2
3	Sáng tạo thẩm mỹ	12,5	16,7	25,0	33,3	12,5	3,17	3
4	Ứng dụng thẩm mỹ	16,7	20,8	29,2	25,0	8,3	2,88	4
5	Phân tích thẩm mỹ	20,8	25,0	25,0	16,7	12,5	2,75	5
6	Đánh giá thẩm mỹ	25,0	25,0	20,8	16,7	12,5	2,67	6
Trung bình chung		14,6	19,4	22,9	25,0	18,1	3,13	

Nguồn: Tác giả (2022)

ĐTB chung của các năng lực mỹ thuật thành phần tính theo tỉ lệ phần trăm được rải đều ở hầu hết các mức độ, trong đó nhỉnh hơn chút là mức Khá và mức Trung bình. Điểm TBC của các năng lực là 3,13 điểm nằm trong giới hạn từ 2,61-3,4 (Trung bình). Trong đó có 02 năng lực được đánh giá ở mức Khá (quan sát thẩm mỹ và nhận thức thẩm mỹ); các năng lực còn lại được GV đánh giá ở mức Trung bình. Kết quả khảo sát này khá phù hợp với thực tiễn, bởi lẽ HS tiểu học là HS nhỏ, hạn chế về các năng lực tư duy mang tính trừu tượng.

Kết quả đánh giá năng lực thẩm mỹ của HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh cũng thu được kết quả tương tự.

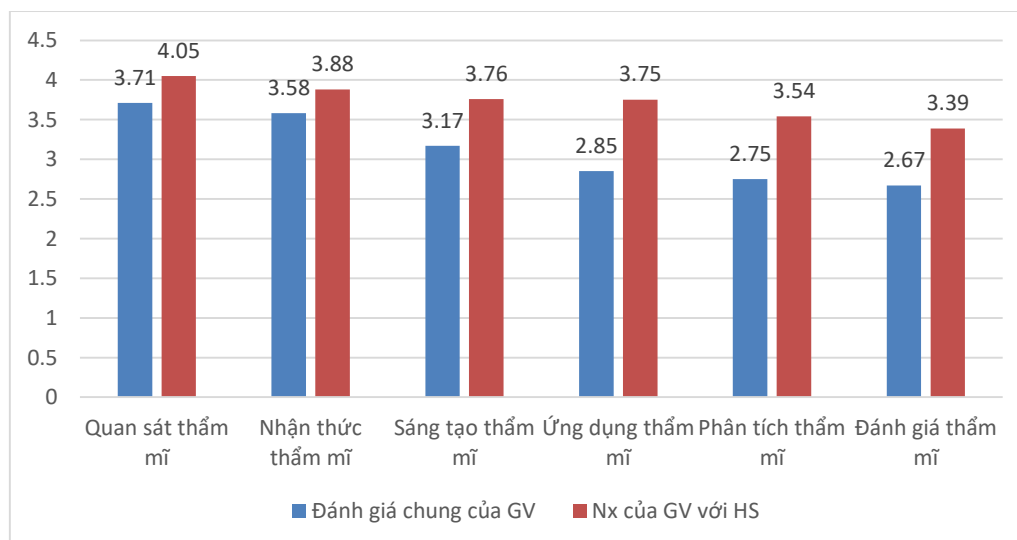
**Bảng 1.20: Thực trạng năng lực mỹ thuật của HS Trường Tiểu học  
Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn (theo nhận xét của GV đối với từng HS)**

TT	Năng lực	Mức độ					ĐTB	TB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Quan sát thẩm mỹ	0	6,3	16,3	43,8	33,8	4,05	1
2	Nhận thức thẩm mỹ	0	10,0	21,3	40,0	28,8	3,88	2
3	Sáng tạo thẩm mỹ	0	12,5	26,3	33,8	27,5	3,76	3
4	Ứng dụng thẩm mỹ	2,5	11,3	22,5	36,3	27,5	3,75	4
5	Phân tích thẩm mỹ	7,5	13,8	21,3	32,5	25,0	3,54	5
6	Đánh giá thẩm mỹ	6,3	15,0	30,0	31,3	17,5	3,39	6
Trung bình chung		2,7	11,5	22,9	36,3	26,7	3,73	

Nguồn: Tác giả (2022)

ĐTB chung của các năng lực mỹ thuật của HS tính theo tỉ lệ phần trăm được rải đều ở hầu hết các mức độ, trong đó nhỉnh hơn chút là mức Khá và mức Tốt. Điểm TBC của các năng lực là 3,73 điểm nằm trong giới hạn từ 3,41-4,2 (Khá). Trong đó có 05 năng lực được đánh giá ở mức Khá và 01 năng lực được đánh giá ở mức Trung bình.

**Biểu đồ 1.5: Thực trạng năng lực mỹ thuật của HS Trường Tiểu học  
Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn (So sánh đánh giá của GV và qua dự giờ)**



Nguồn: Tác giả (2022)

Kết quả dự giờ Hội họa của GV cao hơn so với GV đánh giá. Kết quả này cũng phù hợp với thực tiễn vì kết quả khảo sát của GV trên toàn địa bàn thành phố, trong khi đó kết quả dự ở Trường Tiểu học Đông Kinh tọa lạc ở trung tâm thành phố Lạng Sơn. Nơi có điều kiện thuận lợi cho HS sống, học tập và rèn luyện.

Qua quan sát các sản phẩm Hội họa của HS tiểu học, phần lớn HS thích vẽ theo đề tài tự lựa chọn hơn là theo bài học; các hình ảnh gần gũi với cuộc sống và học tập của HS. Ý tưởng, bố cục và màu sắc được thể hiện khá rõ nét trong các bức tranh. Tuy nhiên, các mảng sáng tối, xa gần còn chưa được thể hiện rõ nét. Các năng lực quan sát, nhận thức, sáng tạo được phát triển ở mức cao hơn so với năng lực ứng dụng, phân tích và đánh giá thẩm mỹ. Điều này hoàn toàn phù hợp với nhận thức và năng lực của HS tiểu học. Trong mỗi năng lực thành phần, các mức độ chỉ báo của năng lực cũng khác nhau, chẳng hạn: Trong năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ: HS bước đầu nhận biết được các yếu tố tạo hình như hình, khối, màu sắc, hình mảng; phân biệt được các màu cơ bản và màu thứ cấp; liên hệ nội dung chủ đề với hình ảnh thực tiễn. Tuy nhiên, việc thể hiện ý tưởng, bố cục, chất cảm, chấm, nét, không gian, chuyển động, tỉ lệ, hài hòa của sản phẩm mỹ thuật còn hạn chế. Trong năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: HS thực hiện đúng quy trình tạo ra sản phẩm; tạo được màu thứ cấp trong sản phẩm sáng tạo; sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản để mô phỏng đối tượng. Tuy nhiên, việc tạo cảm giác bề mặt của chất liệu, biểu đạt hình động, thể hiện được chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm ở sản phẩm còn hạn chế; kỹ năng, kỹ thuật tạo sản phẩm còn vụng về. Trong năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ: HS trình bày, thuyết minh cho sản phẩm chưa logic, ở mức độ đơn giản; nhận xét còn mang tính cảm tính về sản phẩm mỹ thuật và tác giả của sản phẩm.

#### *1.2.2.7. Yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng sử dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn*

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng đến việc sử dụng PPDH mỹ thuật của GV trên địa bàn thành phố Lạng Sơn nói chung và GV Trường Tiểu học Đông Kinh nói riêng, tác giả khảo sát ý kiến của 24 GV. Kết quả cụ thể như sau:

**Bảng 1.21: Yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng sử dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn (theo đánh giá của GV)**

TT	Yếu tố	Mức độ						ĐTB	TB
		Không		Ít		Nhiều			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Đặc trưng môn học, thể loại mỹ thuật	0	0,0	9	37,5	15	62,5	2,63	6
2	Cơ sở vật chất, đồ dùng, thiết bị DH	2	8,3	7	29,2	15	62,5	2,54	9
3	Năng lực sư phạm của GV	0	0,0	5	20,8	19	79,2	2,79	3
4	Trình độ chuyên môn của GV	3	12,5	9	37,5	12	50,0	2,38	11
5	Thái độ tích cực đổi mới PPDH của GV	0	0,0	4	16,7	20	83,3	2,83	2
6	Quản lý của nhà trường, tổ chuyên môn	3	12,5	6	25,0	15	62,5	2,50	10
7	Mức độ nhận thức của HS	2	8,3	4	16,7	18	75,0	2,67	5
8	Khả năng, năng khiếu của HS	0	0,0	3	12,5	21	87,5	2,88	1
9	Sự quan tâm, đầu tư của cha mẹ HS	0	0,0	4	16,7	18	75,0	2,58	8
10	Tính tích cực học tập của HS	0	0,0	5	20,8	19	79,2	2,79	3
11	Phong trào sáng tác và tổ chức các hoạt động trải nghiệm	1	4,2	7	29,2	16	66,7	2,63	6
12	Nguyên nhân khác	4	16,7	8	33,3	12	50,0	2,33	12
Trung bình chung			5,2		24,7		69,4	2,63	

Nguồn: Tác giả (2022)

ĐTB chung của các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng vận dụng PPDH môn Mỹ thuật nói chung, thể loại Hội họa nói riêng tính theo tỉ lệ phần trăm ở mức Ảnh hưởng nhiều chiếm 69,4%, ở mức Ít ảnh hưởng chiếm 24,7%, mức Không ảnh hưởng chiếm 5,2%. Các tiêu chí có ĐTB chung là 2,63 nằm trong khoảng 2,34-

33,0 (Ảnh hưởng nhiều). Hầu hết các yếu tố đều Ảnh hưởng nhiều đến việc vận dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng vận dụng PPDH phát triển năng lực HS, tập trung vào 02 chủ thể là GV và HS. Trong đó, các yếu tố thuộc về GV là: Thái độ tích cực đổi mới PPDH của GV; Năng lực sư phạm của GV lần lượt xếp thứ hai và thứ ba. Các yếu tố thuộc về HS tiểu học là: Khả năng, năng khiếu của HS; Thái độ tích cực học tập của HS; Mức độ nhận thức của HS lần lượt xếp thứ nhất, thứ ba và thứ năm. Các yếu tố khác cũng có ảnh hưởng khá lớn là: Đặc trưng môn học, thể loại mỹ thuật; Phong trào sáng tác và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo của nhà trường. Ngoài ra còn nhiều yếu tố như công tác quản lý của nhà trường, điều kiện cơ sở vật chất, các hoạt động sinh hoạt chuyên môn của GV cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc vận dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học.

Đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực sẽ giúp nhà trường, GV, HS và cha mẹ HS chú trọng đầu tư, phát huy các yếu tố, góp phần đổi mới PPDH mỹ thuật nói chung, thể loại Hội họa nói riêng.

### **Tiểu kết chương 1**

Nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn vận dụng PPDH mỹ thuật nói chung, thể loại Hội họa nói riêng của lớp 3 theo hướng phát triển năng lực HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn rút ra một số kết luận sau đây:

1) DH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS là một vấn đề có tính thời sự được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu, có vai trò quan trọng trong công tác đổi mới GD, đáp ứng Chương trình GDPT 2018.

2) Hệ thống hóa cơ sở lý luận có liên quan đến việc vận dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học nói chung và HS lớp 3 nói riêng theo Chương trình GDPT 2018.

3) Khảo sát mức độ yêu thích môn học của HS tiểu học qua việc khảo sát ý kiến của GV trên địa bàn thành phố và việc nhận xét của GV Trường Tiểu học



Đông Kinh cho thấy, HS yêu thích môn học. Trong đó thể loại Hội họa được HS yêu thích nhất.

4) Thực trạng vận dụng các PPDH và kiểm tra - đánh giá quá trình đối với môn Mỹ thuật nói chung, thể loại Hội họa được đánh giá ở mức Đôi khi. Một số phương pháp đặc thù của bộ môn được GV sử dụng ở mức Thường xuyên nhưng chủ yếu diễn ra trong lớp học. GV chủ yếu sử dụng các PPDH truyền thống, hiếm khi sử dụng các kỹ thuật DH. Vì vậy, các PPDH không phát huy được tính tích cực của từng HS. Các PPDH phát triển năng lực HS như: trải nghiệm sáng tạo, dự án học tập ít được sử dụng.

5) Thực trạng năng lực mỹ thuật của HS tiểu học được GV đánh giá ở mức Trung bình qua khảo sát ý kiến của GV trên địa bàn thành phố và được GV Trường Tiểu học Đông Kinh nhận xét về HS được đánh giá ở mức Khá (chênh 0,6 điểm) sau khi đã áp dụng một số bài học theo Chương trình GDPT 2018. Các năng lực thành phần trội hơn là quan sát và nhận thức thẩm mỹ; sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ. Tuy nhiên, ở mỗi năng lực thành phần lại có những kỹ năng trội hơn. Trong đó, HS thể hiện rõ nét về màu sắc, đường nét, hình mảng và ý tưởng; tuy nhiên, tính kết cấu và bố cục, không gian, sắc độ của HS còn hạn chế.

6) Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng vận dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực được GV đánh giá ở mức Ảnh hưởng nhiều. Trong đó tập trung vào các yếu tố liên quan đến GV mỹ thuật và HS.

Kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn vận dụng PPDH môn Mỹ thuật ở tiểu học nói chung và ở lớp 3 nói riêng, trong đó tập trung vào thể loại Hội họa tại Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn là cơ sở khoa học quan trọng để đề xuất và thử nghiệm các biện pháp vận dụng một số PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực đáp ứng Chương trình GDPT 2018.

## Chương 2

### LỰA CHỌN VÀ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MĨ THUẬT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG KINH, THÀNH PHỐ LẠNG SƠN

#### **2.1. Nguyên tắc lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về việc vận dụng PPDH môn Mỹ thuật nói chung và thể loại Hội họa theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học, Luận văn xác định các nguyên tắc cần thiết nhằm đề xuất các biện pháp lựa chọn và vận dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực đáp ứng Chương trình GDPT 2018 như sau:

##### ***2.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn***

Nguyên tắc này đòi hỏi các biện pháp được đề xuất phải phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phải phù hợp với các quan điểm chỉ đạo phát triển thực tiễn GD của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Lạng Sơn, Phòng GDĐT thành phố Lạng Sơn, Trường Tiểu học Đông Kinh trên cơ sở mục tiêu, nội dung, PPDH và kiểm tra - đánh giá được quy định trong Chương trình GDPT 2018. Việc vận dụng những kiến thức cơ bản của mỹ thuật, kết hợp với khoa học GD, điều kiện cơ sở vật chất, môi trường học tập, nguồn nhân lực hiện có với năng lực của GV giảng dạy mỹ thuật ở tiểu học hiện nay, đặc điểm tâm sinh lý, năng khiếu mỹ thuật; điều kiện GD và học tập của HS tiểu học.

##### ***2.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa và phát triển***

Các biện pháp được đề xuất phải dựa trên cơ sở kế thừa từ những PPDH truyền thống, kết hợp linh hoạt với các PPDH hiện đại, trong đó có các PPDH đặc thù theo hướng phát triển năng lực HS. Đặc biệt là vận dụng mô hình DH mỹ thuật Đan Mạch để phát huy tính cá nhân, hợp tác, sự tự tin, tự trọng, tính độc lập trong thực hiện các nhiệm vụ học tập; đánh giá kết quả học tập. Việc áp dụng các PPDH được tích hợp với việc kiểm tra - đánh giá quá trình; được thiết kế theo các hoạt động học tập phù hợp với đặc trưng bộ môn Mỹ thuật nói chung và thể loại Hội họa nói riêng. Đồng thời chú trọng các phương pháp, kỹ thuật DH nhằm phân hóa năng lực chung và năng lực đặc thù của HS.

### ***2.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống***

Các biện pháp đề xuất phải đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống trong thực hiện các khâu của quá trình DH; quy trình thực hiện PPDH. Các biện pháp xây dựng phải có mối quan hệ, liên hệ mật thiết, tương hỗ lẫn nhau trong một chỉnh thể thống nhất, có mối quan hệ mật thiết với nhau, tương hỗ lẫn nhau. Từng biện pháp có ý nghĩa, vai trò tác động ở phương diện nhất định đến quá trình phát triển phù hợp với sự phát triển nghệ thuật mỹ thuật và yêu cầu của thực tiễn, góp phần phát triển năng lực mỹ thuật của HS tiểu học.

### ***2.1.4. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học***

Các biện pháp đề xuất phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của HS tiểu học; đặc biệt là đặc điểm nhận thức, cảm xúc, ý chí, năng khiếu mỹ thuật. Trong đó, chú trọng đến các PPDH đảm bảo tính phân hóa năng lực của HS; thúc đẩy sự tiến bộ trong học tập; kích thích hứng thú và tính tích cực học tập cũng như năng lực quan sát, nhận thức, sáng tạo thẩm mỹ của HS. Quá đó, HS có nhu cầu sáng tạo thẩm mỹ, ứng dụng, phân tích và đánh giá thẩm mỹ; làm tiền đề cho việc tiếp cận các nội dung DH ở các lớp trên.

## **2.2. Đề xuất biện pháp lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực học sinh ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn**

Để vận dụng các PPDH mỹ thuật nói chung và thể loại Hội họa nói riêng theo hướng phát triển năng lực HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, Đề tài đề xuất một số biện pháp sau đây:

### ***2.2.1. Tổ chức dạy học mỹ thuật tích hợp, liên thông với các môn học khác***

\* Mục tiêu:

Phát triển năng khiếu nghệ thuật và óc sáng tạo ở HS; thúc đẩy sự đánh giá về nghệ thuật thị giác và biểu hiện thẩm mỹ; nâng cao khả năng quan sát, tưởng tượng, giải quyết vấn đề của HS; tích hợp Hội họa với các môn học khác để phát huy tính liên môn trong học tập; trau dồi sự hiểu biết về lịch sử nghệ thuật, sự đa dạng văn hóa và các phong cách nghệ thuật.

\* Nội dung

Giới thiệu về các kỹ thuật vẽ tranh cơ bản, chẳng hạn như cọ vẽ, pha trộn màu sắc và bố cục; khám phá các chất liệu nghệ thuật, gồm màu nước, acrylic và phân màu; nghiên cứu các loại hình nghệ thuật như: tĩnh vật, phong cảnh, chân dung và nghệ thuật trừu tượng; giới thiệu về các nghệ sĩ nổi tiếng, các tác phẩm của họ từ các thời kỳ và nền văn hóa khác nhau; tích hợp Hội họa với các môn học khác, chẳng hạn: Âm nhạc, Tự nhiên xã hội, Đạo đức, Tiếng Việt,....

\* Cách thức thực hiện

- Các hoạt động thực hành: Cung cấp cho HS nhiều cơ hội thực hiện các bài tập và dự án vẽ tranh thực tế.

- Trình diễn và hướng dẫn: Trình bày các kỹ thuật vẽ và hướng dẫn cho HS kỹ thuật vẽ theo quy trình.,

- Làm việc nhóm và hợp tác: Khuyến khích HS làm việc cùng nhau trong các dự án vẽ tranh, bồi dưỡng kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác.

- Các chuyến đi thực tế và thăm phòng trưng bày: Tổ chức các chuyến thăm bảo tàng nghệ thuật, phòng trưng bày hoặc xưởng vẽ của các nghệ sĩ địa phương để HS tiếp xúc với các phong cách và kỹ thuật nghệ thuật đa dạng.

- Tích hợp, liên thông với các môn học khác: Phối hợp với GV các môn học khác để đưa hội họa vào bài học.

\* Quy trình thực hiện

- Giới thiệu và khởi động: Bắt đầu mỗi phần với phần giới thiệu ngắn gọn về chủ đề hoặc kỹ thuật và hoạt động khởi động để thu hút HS.

- Trình diễn và hướng dẫn: Trình diễn kỹ thuật vẽ hoặc khái niệm, giải thích mục đích của nó và cung cấp hướng dẫn từng bước.

- Thực hành có hướng dẫn: Cho phép HS thực hành kỹ thuật đã được chứng minh dưới sự hướng dẫn của GV, cung cấp phản hồi và hỗ trợ khi cần thiết.

- Khám phá độc lập: Tạo cơ hội cho HS áp dụng kỹ thuật hoặc khái niệm đã học vào các dự án sáng tạo của riêng mình.

- Phản ánh và đánh giá: Khuyến khích HS phản ánh về công việc của bản thân, chia sẻ kinh nghiệm của họ và cung cấp phản hồi mang tính xây dựng.

- Triển lãm hoặc trưng bày: Tổ chức triển lãm hoặc trưng bày tác phẩm

nghệ thuật để tôn vinh thành tích và thể hiện tài năng của HS.

- Sử dụng các kỹ thuật dạy học như chia nhóm, Suy nghĩ - Thảo luận - Chia sẻ, 5W1H, luân phiên, động não, sơ đồ tư duy kết hợp với các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá như vấn đáp, hồ sơ học tập, thang xếp hạng.

Ví dụ minh họa

- Tích hợp với môn Tự nhiên và Xã hội: HS có thể vẽ, minh họa các loại động thực vật và môi trường sống của chúng.

- Tích hợp với môn Tiếng Việt: Sau khi đọc xong một câu chuyện, bài thơ, HS có thể vẽ tranh mô tả cảnh vật, nhân vật trong văn bản như Dế mèn,...

- Nghiên cứu về nghệ sĩ nổi tiếng: Giới thiệu HS với các họa sĩ như họa sĩ Trần Văn Cẩn, Lê-vi-tan..., và yêu cầu các em tạo những bức tranh của riêng mình lấy cảm hứng từ phong cách của họa sĩ đã giới thiệu.

- Dự án hợp tác: Chỉ định các dự án nhóm trong đó HS làm việc cùng nhau để tạo ra một bức tranh tường hoặc tranh khổ lớn dựa trên một chủ đề cụ thể.

### ***2.2.2. Vận dụng phương pháp dạy học trực quan kết hợp với các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực***

#### **\* Mục tiêu**

Phát triển nhận thức trực quan và kỹ năng quan sát ở HS; nâng cao hiểu biết của HS về lý thuyết màu sắc và bố cục trong nghệ thuật thị giác; thúc đẩy sự sáng tạo và thể hiện bản thân thông qua các phương tiện trực quan; giới thiệu cho HS các kỹ thuật và chất liệu nghệ thuật khác nhau; khuyến khích tư duy phản biện và giải quyết vấn đề thông qua phân tích trực quan.

#### **\* Nội dung**

Giới thiệu về màu chính và màu phụ, pha màu và hài hòa màu; khám phá các kỹ thuật vẽ tranh khác nhau, chẳng hạn: cọ, chàm, pha trộn và tạo kết cấu; nghiên cứu các yếu tố cơ bản của bố cục, gồm sự cân bằng, tiêu điểm và không gian âm; giới thiệu về các chủ đề khác nhau, chẳng hạn như tĩnh vật, phong cảnh, thiên nhiên và nghệ thuật trừu tượng; phân tích và thảo luận về các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng và các yếu tố hình ảnh của chúng.

#### **\* Cách thức thực hiện**

- Trình diễn trực quan: Sử dụng các phương tiện trực quan, chẳng hạn như áp phích, trình chiếu hoặc video để thể hiện các khái niệm và kỹ thuật vẽ tranh.

- Tài liệu tham khảo trực quan: Cung cấp cho HS các tài liệu tham khảo trực quan, chẳng hạn như ảnh hoặc tác phẩm nghệ thuật, để truyền cảm hứng sáng tạo của HS.

- Phân tích thị giác: Thu hút HS phân tích và thảo luận về các tác phẩm nghệ thuật thị giác, khuyến khích HS quan sát và diễn giải các yếu tố thị giác.

- Gợi ý trực quan: Sử dụng gợi ý trực quan, chẳng hạn như hình ảnh hoặc đồ vật, để kích thích trí tưởng tượng và hướng dẫn các dự án vẽ tranh của các em.

- Phản hồi trực quan: Cung cấp phản hồi trực quan mang tính xây dựng bằng cách trưng bày và thảo luận về tác phẩm nghệ thuật của HS theo nhóm.

- Sử dụng các kỹ thuật dạy học như chia nhóm, Suy nghĩ - Thảo luận - Chia sẻ,... kết hợp với các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá như vấn đáp, thang xếp hạng.

#### \* Quy trình thực hiện

- Giới thiệu và thảo luận: Bắt đầu mỗi phần với phần giới thiệu về chủ đề, chẳng hạn như lý thuyết màu sắc hoặc một kỹ thuật cụ thể và thu hút HS thảo luận về chủ đề đó.

- Trình diễn trực quan: Sử dụng các phương tiện trực quan, chẳng hạn như áp phích hoặc video, để trình diễn kỹ thuật vẽ tranh.

- Thực hành có hướng dẫn: Cho phép HS thực hành kỹ thuật đã được chứng minh dưới sự hướng dẫn của GV, cung cấp phản hồi và hỗ trợ HS khi cần thiết.

- Sáng tạo độc lập: Tạo cơ hội cho HS áp dụng kỹ thuật hoặc khái niệm đã học vào các dự án sáng tạo của riêng mình, khuyến khích thử nghiệm và thể hiện bản thân.

- Chia sẻ và phản hồi nhóm: Tổ chức các cuộc thảo luận nhóm nơi HS có thể chia sẻ tác phẩm nghệ thuật của mình, cung cấp phản hồi mang tính xây dựng của bạn học cho HS.

- Suy ngẫm và tự đánh giá: Khuyến khích HS suy ngẫm về công việc của chính mình, xác định các lĩnh vực cần cải thiện và đặt mục tiêu cá nhân cho các

dự án trong tương lai.

\* Ví dụ minh họa

- Khám phá màu sắc: Giới thiệu cho HS các màu cơ bản và màu phụ thông qua các ví dụ trực quan và yêu cầu các em tạo biểu đồ màu hoặc bánh xe màu.

- Quan sát tranh tĩnh vật: Sắp xếp tranh tĩnh vật, hướng dẫn HS quan sát và vẽ các đối tượng bằng các kỹ thuật cọ vẽ khác nhau.

- Vẽ tranh phong cảnh: Cho HS xem tranh phong cảnh và hướng dẫn các em vẽ tranh phong cảnh, tập trung vào phối cảnh và bố cục.

- Khám phá nghệ thuật trừu tượng: Giới thiệu cho HS về nghệ thuật trừu tượng và khuyến khích các em tạo ra các tác phẩm trừu tượng bằng cách sử dụng màu sắc, đường nét và hình khối.

- Phân tích tác phẩm nghệ thuật: Chọn các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng và thu hút HS phân tích hình ảnh, thảo luận về việc sử dụng màu sắc, bố cục và chủ đề.

### ***2.2.3. Vận dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề một cách linh hoạt***

\* Mục tiêu

Phát triển tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua biểu đạt nghệ thuật; thúc đẩy sự sáng tạo và khuyến khích HS suy nghĩ sáng tạo trong tác phẩm nghệ thuật; nâng cao khả năng phân tích và giải quyết vấn đề trực quan của HS; thúc đẩy sự kiên trì và khả năng phục hồi khi đối mặt với những thách thức nghệ thuật; khuyến khích HS phản ánh về quá trình nghệ thuật của bản thân và đưa ra quyết định.

\* Nội dung

Giới thiệu về các chiến lược giải quyết vấn đề trực quan; khám phá các kỹ thuật và vật liệu nghệ thuật khác nhau; nghiên cứu bố cục và kể chuyện bằng hình ảnh; tích hợp giải quyết vấn đề sáng tạo với các chủ đề khác nhau; phân tích và phản ánh về các quyết định nghệ thuật và phương pháp giải quyết vấn đề.

\* Cách thức thực hiện

- Các dự án kết thúc mở: Cung cấp cho HS các dự án vẽ tranh kết thúc mở yêu cầu các em đưa ra các quyết định nghệ thuật và tìm ra các giải pháp sáng tạo.

- Đặt câu hỏi có hướng dẫn: Sử dụng các kỹ thuật đặt câu hỏi để hướng dẫn

HS xác định các thách thức nghệ thuật và động não tìm ra các giải pháp tiềm năng.

- Hợp tác với bạn bè: Khuyến khích HS cộng tác và thảo luận về tác phẩm nghệ thuật với bạn bè, tìm kiếm thông tin đầu vào và gợi ý để giải quyết vấn đề.

- Nhật ký phản ánh: Yêu cầu HS ghi lại quá trình nghệ thuật của bản thân, những thách thức và các chiến lược được sử dụng để vượt qua.

- Hướng dẫn cá nhân: Cung cấp hướng dẫn và hỗ trợ cá nhân cho HS khi vượt qua các thử thách nghệ thuật, đưa ra các đề xuất và phương pháp thay thế.

Sử dụng các kỹ thuật dạy học như chia nhóm, Suy nghĩ - Thảo luận - Chia sẻ kết hợp với các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá như vấn đáp, thang xếp hạng, nhật ký, hồ sơ học tập.

\* Quy trình thực hiện

- Giới thiệu và thảo luận: Giới thiệu cách giải quyết vấn đề trong nghệ thuật và thu hút HS thảo luận về tầm quan trọng của các kỹ năng giải quyết vấn đề trong tác phẩm nghệ thuật.

- Xác định những thách thức về nghệ thuật: Đưa ra những thách thức về nghệ thuật, chẳng hạn như chọn cách phối màu hoặc tạo cảm giác về chiều sâu, đồng thời hướng dẫn HS xác định các vấn đề cụ thể mà các em cần giải quyết.

- Các giải pháp động não: Tạo điều kiện thuận lợi cho buổi động não trong đó HS đưa ra các ý tưởng và giải pháp tiềm năng để giải quyết các thách thức đã xác định.

- Thực hiện và thử nghiệm: Cho phép HS thử nghiệm các kỹ thuật và vật liệu nghệ thuật khác nhau để thực hiện các giải pháp đã chọn, khuyến khích sự sáng tạo và chấp nhận rủi ro.

- Đánh giá và phản ánh: Hướng dẫn HS đánh giá tác phẩm nghệ thuật và phản ánh về hiệu quả của các phương pháp giải quyết vấn đề của bản thân. Khuyến khích HS xác định điểm mạnh và lĩnh vực cần cải thiện.

- Quá trình lặp đi lặp lại: Nhấn mạnh rằng việc giải quyết vấn đề trong nghệ thuật là một quá trình lặp đi lặp lại, khuyến khích HS sửa đổi và cải tiến dựa trên những phản ánh của bản thân.

\* Ví dụ minh họa

- Kể chuyện bằng hình ảnh: Yêu cầu HS vẽ một bức tranh kể một câu chuyện



và hướng dẫn các em đưa ra quyết định về bố cục, nhân vật và mạch truyện.

- Giải quyết vấn đề về màu sắc: Cung cấp cho HS một bảng màu hạn chế và yêu cầu các em tạo một bức tranh hấp dẫn trực quan chỉ bằng những màu đó, thách thức HS tìm giải pháp sáng tạo để tạo độ sâu và độ tương phản.

- Thử thách phối cảnh: Đưa ra cho HS một thử thách phối cảnh đơn giản, chẳng hạn như vẽ một hành lang và hướng dẫn HS thử nghiệm các kỹ thuật để tạo ảo giác về chiều sâu.

- Khám phá kết cấu: Yêu cầu HS khám phá các kỹ thuật khác nhau để tạo kết cấu trong tranh, chẳng hạn như sử dụng bột biển hoặc dao bảng màu và hướng dẫn sử dụng kết cấu một cách chiến lược để nâng cao tác phẩm nghệ thuật.

- Hợp tác giải quyết vấn đề: Giao các dự án nhóm trong đó HS hợp tác để tạo ra một bức tranh quy mô lớn, yêu cầu giải quyết các thách thức liên quan đến sự phối hợp, bố cục và sự gắn kết nghệ thuật.

- Tạo ra một môi trường hỗ trợ và khuyến khích, nơi HS cảm thấy thoải mái khi chấp nhận rủi ro và khám phá các chiến lược giải quyết vấn đề khác nhau. Khuyến khích HS chấp nhận sai lầm như cơ hội học hỏi và tán dương sự kiên trì và giải pháp sáng tạo.

#### ***2.2.4. Vận dụng phương pháp dạy học thực hành (học quan làm) kết hợp với kích thích hứng thú học tập của học sinh***

##### **\* Mục tiêu**

Phát triển các kỹ năng và kỹ thuật nghệ thuật thực tế ở HS; thúc đẩy sự tham gia thực hành và học tập tích cực trong quá trình nghệ thuật; tăng cường kỹ năng vận động và phối hợp tay - mắt; khuyến khích thử nghiệm và khám phá với các chất liệu nghệ thuật khác nhau; thúc đẩy cảm giác hoàn thành và sự tự tin thông qua việc tạo ra các tác phẩm nghệ thuật hữu hình.

##### **\* Nội dung**

Giới thiệu về các công cụ và vật liệu vẽ cơ bản, chẳng hạn như cọ vẽ, sơn và giấy/ vải; khám phá các kỹ thuật vẽ tranh khác nhau, chẳng hạn như cọ vẽ, rửa, pha trộn và xếp lớp; nghiên cứu về lý thuyết màu sắc, bao gồm màu sơ cấp

và màu thứ cấp, phối màu và phối cảnh; sáng tạo các tác phẩm nghệ thuật dựa trên các chủ đề, chẳng hạn: tĩnh vật, phong cảnh và các câu chuyện cá nhân; giới thiệu về đánh giá nghệ thuật bằng cách nghiên cứu các tác phẩm nghệ thuật và nghệ sĩ nổi tiếng.

\* Cách thức thực hiện

- Trình diễn và làm mẫu: Trình bày các kỹ thuật và quy trình vẽ tranh, cho HS thấy cách sử dụng đúng các công cụ và vật liệu.

- Thực hành có hướng dẫn: Cung cấp các hướng dẫn từng bước và các buổi thực hành có hướng dẫn để giúp HS thực hành các kỹ thuật vẽ tranh cụ thể.

- Khám phá độc lập: Cho phép HS khám phá, thử nghiệm các kỹ thuật và chất liệu vẽ tranh, khuyến khích sự sáng tạo và thể hiện cá nhân.

- Phản hồi và phê bình: Tổ chức cơ hội cho HS đưa ra phản hồi mang tính xây dựng và phê bình tác phẩm nghệ thuật, thúc đẩy môi trường hỗ trợ và hợp tác.

- Trưng bày và triển lãm: Trưng bày tác phẩm nghệ thuật của HS trong lớp học hoặc tổ chức triển lãm để giới thiệu thành tích và nâng cao sự tự tin của các em.

- Sử dụng các kỹ thuật dạy học như chia nhóm, Suy nghĩ - Thảo luận - Chia sẻ, bể cá,... kết hợp với các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá như vấn đáp, thang xếp hạng, nhật ký, hồ sơ học tập.

\* Quy trình thực hiện

- Chuẩn bị và bố trí: Bố trí khu vực vẽ tranh với đầy đủ vật liệu cần thiết và đảm bảo HS có không gian làm việc sạch sẽ.

- Trình diễn và hướng dẫn: Thể hiện các kỹ thuật vẽ cụ thể và cung cấp hướng dẫn từng bước để HS làm theo.

- Thực hành có hướng dẫn: Cho phép HS thực hành các kỹ thuật đã được chứng minh dưới sự hướng dẫn của bạn, cung cấp hỗ trợ và phản hồi cho từng cá nhân.

- Sáng tạo độc lập: Cho HS tự do khám phá và tạo tác phẩm nghệ thuật bằng cách sử dụng các kỹ thuật đã học, đồng thời khuyến khích sự sáng tạo và thử nghiệm.

- Chia sẻ và phản hồi: Tổ chức các buổi chia sẻ nơi HS có thể trình bày tác phẩm nghệ thuật với bạn bè, thảo luận về quy trình và nhận phản hồi mang tính

xây dựng.

- Suy ngẫm và tự đánh giá: Khuyến khích HS suy ngẫm về tác phẩm nghệ thuật, xác định điểm mạnh và lĩnh vực cần cải thiện; đặt mục tiêu cá nhân cho các dự án trong tương lai.

- Lễ kỷ niệm và triển lãm: Kỷ niệm thành tích của HS bằng cách trưng bày tác phẩm nghệ thuật trong lớp học hoặc tổ chức một cuộc triển lãm nơi phụ huynh và các HS khác có thể đánh giá cao những sáng tạo của HS.

\* Ví dụ minh họa

- Vẽ tranh tĩnh vật: Thiết lập một bộ sưu tập các đồ vật và yêu cầu HS vẽ một bức tranh tĩnh vật, tập trung vào kỹ năng quan sát và kỹ thuật vẽ cọ.

- Khám phá phong cảnh: Giới thiệu cho HS các yếu tố phong cảnh khác nhau và hướng dẫn các em vẽ tranh phong cảnh, nhấn mạnh các kỹ thuật như phối màu và phối cảnh.

- Thử nghiệm nghệ thuật trừu tượng: Khuyến khích HS thử nghiệm các kỹ thuật vẽ tranh trừu tượng, chẳng hạn như bắn tung tóe, nhỏ giọt hoặc sử dụng các công cụ độc đáo, để tạo ra tác phẩm nghệ thuật biểu cảm và không mang tính biểu tượng.

- Tranh tường hợp tác: Chỉ định một dự án nhóm trong đó HS làm việc cùng nhau để tạo ra một bức tranh tường quy mô lớn, kết hợp các bức tranh của cá nhân để tạo thành một tác phẩm nghệ thuật gắn kết.

- Sao chép các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng: Giới thiệu cho HS những bức tranh nổi tiếng và yêu cầu các em sao chép các yếu tố hoặc kỹ thuật từ những tác phẩm nghệ thuật, thúc đẩy sự đánh giá cao và hiểu biết về lịch sử nghệ thuật.

### ***2.2.5. Tăng cường dạy học cá nhân kết hợp với dạy học hợp tác***

\* Mục tiêu

Thúc đẩy sự hợp tác, làm việc theo nhóm và kỹ năng giao tiếp giữa các HS với nhau; phát triển kỹ năng nghệ thuật và sự sáng tạo thông qua kinh nghiệm học tập được chia sẻ; nâng cao khả năng giải quyết vấn đề bằng cách tham gia vào các cuộc thảo luận nhóm và các buổi động não; thúc đẩy hỗ trợ đồng đẳng và phản hồi mang tính xây dựng trong quá trình nghệ thuật; khuyến khích đánh giá cao các quan điểm khác nhau và phong cách nghệ thuật đa dạng.

\* Nội dung

Giới thiệu về các công cụ, vật liệu và kỹ thuật vẽ tranh; khám phá các chủ đề nghệ thuật; nghiên cứu lý thuyết màu sắc, bố cục và các yếu tố thị giác; tích hợp hội họa với các môn học khác; phân tích, thảo luận về các tác phẩm nghệ thuật và nghệ sĩ nổi tiếng.

\* Cách thức thực hiện:

Thành lập nhóm: Thành lập các nhóm nhỏ HS với nền tảng và khả năng đa dạng, đảm bảo sự cân bằng giữa các kỹ năng và điểm mạnh.

Vai trò nhóm: Chỉ định vai trò cụ thể trong nhóm, chẳng hạn như người lãnh đạo, người chăm công, người ghi chép và người hỗ trợ, phân chia trách nhiệm và khuyến khích sự tham gia tích cực.

Các dự án hợp tác: Giao các dự án vẽ yêu cầu các thành viên trong nhóm làm việc cùng nhau, chia sẻ ý tưởng và đóng góp cho tác phẩm nghệ thuật.

Giảng dạy đồng đẳng: Khuyến khích HS học hỏi lẫn nhau, chia sẻ các kỹ thuật, kiến thức và kinh nghiệm liên quan đến hội họa.

Phản ánh và đánh giá nhóm: Tạo cơ hội cho các thành viên trong nhóm phản ánh về trải nghiệm cộng tác và đánh giá tinh thần đồng đội cũng như kết quả nghệ thuật của HS.

Sử dụng các kỹ thuật dạy học như chia nhóm, Suy nghĩ - Thảo luận - Chia sẻ, sơ đồ tư duy, kết hợp với các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá như vấn đáp, thang xếp hạng, nhật ký, hồ sơ học tập,...

\* Quy trình thực hiện

- Thành lập nhóm và giới thiệu dự án: Thành lập các nhóm nhỏ, giới thiệu dự án vẽ tranh, giải thích mục tiêu, yêu cầu và kết quả mong đợi.

- Lập kế hoạch và động não: Tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc thảo luận nhóm nơi HS có thể chia sẻ ý tưởng, động não về các cách tiếp cận và lập kế hoạch tác phẩm nghệ thuật.

- Phân bổ nhiệm vụ: Phân công vai trò cụ thể trong nhóm, đảm bảo rằng mỗi thành viên đều có đóng góp có ý nghĩa cho dự án.

Các buổi làm việc: Cung cấp các buổi làm việc dành riêng cho các nhóm

để cộng tác, tạo và tinh chỉnh tác phẩm nghệ thuật, đưa ra hướng dẫn và hỗ trợ khi cần.

**Phê bình và phản hồi nhóm:** Tổ chức các buổi phê bình trong đó các nhóm trình bày tác phẩm nghệ thuật của HS trước lớp; tiếp nhận phản hồi, thúc đẩy phê bình mang tính xây dựng.

**Phản ánh và tự đánh giá:** Khuyến khích các nhóm phản ánh về quá trình hợp tác, các quyết định nghệ thuật và thành công chung của dự án, thúc đẩy sự tự nhận thức và tự cải thiện.

- **Thuyết trình và triển lãm:** Tổ chức trưng bày, triển lãm hoặc chia sẻ tác phẩm nghệ thuật HS được đánh giá cao.

\* Ví dụ minh họa

- **Bức tranh tường hợp tác:** Chỉ định cho mỗi nhóm một phần của bức tranh tường lớn hơn, nơi họ làm việc cùng nhau để tạo ra một tác phẩm nghệ thuật gắn kết thể hiện các chủ đề và kỹ thuật vẽ tranh.

- **Khám phá chủ đề nhóm:** Chỉ định các nhóm với các chủ đề nghệ thuật khác nhau, chẳng hạn như các mùa, động vật hoặc cảm xúc và yêu cầu HS hợp tác để tạo ra một loạt tranh thể hiện chủ đề đã chọn.

- **Nghiên cứu nghệ sĩ và thi đua theo nhóm:** Chỉ định mỗi nhóm một nghệ sĩ nổi tiếng để nghiên cứu và yêu cầu họ cùng nhau tạo ra những bức tranh lấy cảm hứng từ phong cách, kỹ thuật hoặc chủ đề của nghệ sĩ.

- **Tích hợp với Tiếng Việt:** Yêu cầu các nhóm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ và tạo ra một bức tranh hợp tác thể hiện trực quan một cảnh hoặc chủ đề cụ thể từ văn thơ.

- **Dự án nâng cao nhận thức về môi trường:** Chỉ định các nhóm tạo ra một loạt các bức tranh nhằm nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường, chẳng hạn như ô nhiễm hoặc các loài có nguy cơ tuyệt chủng, kết hợp kiến thức khoa học với biểu hiện nghệ thuật.

- **Đảm bảo rằng mỗi thành viên trong nhóm đều có cơ hội đóng góp và tham gia tích cực vào quá trình hợp tác.** Nuôi dưỡng một môi trường hỗ trợ và tôn trọng nơi HS đánh giá cao ý tưởng và quan điểm của nhau.

### **2.2.6. Tổ chức dạy học theo chủ đề dưới hình thức dự án học tập, chủ đề STEAM và trải nghiệm sáng tạo**

#### **\* Mục tiêu**

Tích hợp hội họa với phương pháp STEAM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Nghệ thuật và Toán học), thúc đẩy học tập liên ngành; trau dồi khả năng sáng tạo, tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua phương pháp vẽ tranh dựa trên dự án; phát triển sự hiểu biết về các nguyên tắc khoa học và toán học làm cơ sở cho các kỹ thuật vẽ tranh; khuyến khích sự hợp tác, giao tiếp và làm việc theo nhóm giữa các HS; nuôi dưỡng cảm giác hoàn thành và niềm tự hào khi hoàn thành một dự án sáng tạo.

#### **\* Nội dung**

Giới thiệu các kỹ thuật và chất liệu sơn cơ bản; khám phá các khái niệm STEAM liên quan đến hội họa, chẳng hạn: lý thuyết màu sắc, đối xứng, mô hình hình học và ảo ảnh quang học; nghiên cứu về các nghệ sĩ nổi tiếng và những đóng góp của họ cho sự giao thoa giữa nghệ thuật và khoa học/ toán học; tích hợp các công cụ công nghệ, chẳng hạn như phần mềm vẽ kỹ thuật số hoặc ứng dụng nghệ thuật tương tác để nâng cao trải nghiệm sáng tạo; tạo ra một dự án cuối cùng kết hợp hội họa, các nguyên tắc khoa học/ toán học và giải quyết vấn đề sáng tạo.

#### **\* Cách thức thực hiện**

- Lựa chọn dự án: Chọn một dự án tích hợp vẽ tranh với một chủ đề STEAM cụ thể, chẳng hạn như tạo một bức tranh lấy cảm hứng từ các mô hình hình học của tự nhiên hoặc ảo ảnh quang học.

- Nghiên cứu và điều tra: Thu hút HS tham gia các hoạt động nghiên cứu để tìm hiểu về các khái niệm khoa học/ toán học liên quan đến chủ đề STEAM đã chọn và cách áp dụng chúng trong hội họa.

- Thử nghiệm thực hành: Tạo cơ hội cho HS thử nghiệm các kỹ thuật vẽ tranh, vật liệu và khái niệm STEAM, khuyến khích sự khám phá và sáng tạo.

- Làm việc hợp tác: Chỉ định HS làm việc theo nhóm nhỏ, cho phép các em hợp tác, chia sẻ ý tưởng và đóng góp vào sự phát triển của dự án.

- Phản ánh và tài liệu: Khuyến khích HS phản ánh về quá trình sáng tạo, ghi lại tiến trình, mối liên hệ giữa hội họa và chủ đề STEAM.

- Thuyết trình và triển lãm: Tổ chức một buổi thuyết trình hoặc triển lãm để HS giới thiệu các dự án cuối cùng của mình, giải thích các nguyên tắc STEAM đã kết hợp và các lựa chọn nghệ thuật của HS.

- Sử dụng các kỹ thuật dạy học như chia nhóm, Suy nghĩ - Thảo luận - Chia sẻ, sơ đồ tư duy, 5W1H... kết hợp với các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá như vấn đáp, thang xếp hạng, nhật ký, hồ sơ học tập,...

\* Quy trình thực hiện

- Giới thiệu dự án: Giới thiệu dự án đã chọn và mối liên hệ của nó với chủ đề STEAM, thảo luận về các mục tiêu và kết quả mong đợi.

- Nghiên cứu và khám phá: Hướng dẫn HS nghiên cứu các khái niệm khoa học/ toán học liên quan đến chủ đề STEAM và ứng dụng trong hội họa. Tạo cơ hội để thử nghiệm và khám phá thực hành.

- Lập kế hoạch dự án: Hỗ trợ HS lập kế hoạch cho dự án, gồm các ý tưởng động não, tạo bản phác thảo, thảo luận về các tài liệu và kỹ thuật mà HS sẽ sử dụng.

- Phát triển dự án: Phân bổ thời gian cho HS thực hiện dự án, cung cấp hướng dẫn, phản hồi và hỗ trợ kỹ thuật khi cần thiết.

- Tài liệu và phản ánh: Khuyến khích HS ghi lại quá trình thông qua các bản phác thảo, ghi chú và ảnh. Tạo điều kiện cho các cuộc thảo luận nơi HS phản ánh về sự tiến bộ của bản thân, những thách thức phải đối mặt và các giải pháp sáng tạo được khám phá.

- Thuyết trình và triển lãm: Tổ chức một sự kiện tổng kết để HS trình bày các dự án cuối cùng của mình với bạn bè, giáo viên và phụ huynh. Điều này có thể bao gồm triển lãm các tác phẩm nghệ thuật, thuyết trình hoặc trưng bày đa phương tiện.

\* Ví dụ minh họa

- Dự án: “Khu vườn kỳ diệu”

- Mục tiêu: Chỉ ra được hình ảnh trọng tâm, sự sắp xếp hài hòa về hình và

màu trong sản phẩm; Chia sẻ được cảm nhận về vẻ đẹp của thiên nhiên trong cuộc sống và trong tranh; phát triển các kỹ thuật vẽ tranh để tạo ra các tác phẩm trừu tượng bằng cách tưởng tượng và sáng tạo bức tranh.

- Thực hiện:

+ Giới thiệu: Về hình ảnh một số loại côn trùng từ hình ảnh tranh in hoặc xem video; thảo luận về đặc điểm của từng loại côn trùng.

+ Nghiên cứu và quan sát: Thu hút HS nghiên cứu các ví dụ về đặc điểm hình dạng, màu sắc của các loại côn trùng. Khuyến khích HS quan sát các mẫu, hình dạng và hình thức.

+ Kỹ thuật vẽ tranh: Dạy HS các kỹ thuật vẽ tranh có thể được sử dụng.

### ***2.2.7. Tổ chức các cuộc thi vẽ tranh theo chủ đề trong phạm vi lớp học***

\* Mục tiêu:

Khuyến khích sự sáng tạo và thể hiện bản thân thông qua hội họa; nâng cao kỹ năng nghệ thuật và kỹ thuật nghệ thuật; nuôi dưỡng ý thức cạnh tranh và động lực để xuất sắc trong tác phẩm nghệ thuật; phát triển tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; thúc đẩy sự hợp tác, làm việc theo nhóm và đánh giá cao các phong cách nghệ thuật đa dạng.

\* Nội dung

Giới thiệu về các công cụ, vật liệu và kỹ thuật vẽ tranh; khám phá các chủ đề hội họa và các chủ đề có liên quan đến chương trình giảng dạy; nghiên cứu về lý thuyết màu sắc, bố cục và các yếu tố thị giác; tích hợp hội họa với các chủ đề khác hoặc bối cảnh thực tế; đánh giá tác phẩm nghệ thuật dựa trên các tiêu chí cụ thể.

\* Cách thức thực hiện

- Lựa chọn chủ đề dự thi: Chọn chủ đề dự thi phù hợp với chương trình học hoặc các chủ đề đang học ở lớp 3 như nhà trường, gia đình, quê hương, thiên nhiên.

- Thể lệ và hướng dẫn cuộc thi: Quy định rõ thể lệ, tiêu chí, yêu cầu gửi tranh tham gia cuộc thi.

- Khuyến khích và nâng cao nhận thức: Công khai cuộc thi trong trường học để tạo hứng thú và khuyến khích sự tham gia HS.

- Thời gian của cuộc thi: Thiết lập thời gian cụ thể để gửi tác phẩm nghệ



thuật, quy trình đánh giá và công bố kết quả cuộc thi.

- Ban giám khảo: Thành lập một ban giám khảo bao gồm GV, chuyên gia nghệ thuật hoặc người có hiểu biết về hội họa và sáng tạo.

- Giải thưởng và công nhận: Xác định các tiêu chí để trao giải cho người chiến thắng và xây dựng kế hoạch tổ chức buổi lễ công nhận hoặc triển lãm để tôn vinh tác phẩm nghệ thuật của những người tham gia.

- Sử dụng các kỹ thuật dạy học như chia nhóm, Suy nghĩ - Thảo luận - Chia sẻ, sơ đồ tư duy,... kết hợp với các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá như vấn đáp, thang xếp hạng, nhật ký, hồ sơ học tập,...

\* Quy trình thực hiện

- Công bố cuộc thi và giới thiệu chủ đề: Giới thiệu cuộc thi, giải thích chủ đề và hướng dẫn HS tham gia.

- Nghiên cứu và lập kế hoạch: Cho phép HS có thời gian nghiên cứu và xây dựng kế hoạch cho tác phẩm nghệ thuật của mình, khuyến khích HS động não đưa ra ý tưởng, thu thập tài liệu tham khảo và tạo bản phác thảo.

- Sáng tạo tác phẩm nghệ thuật: Phân bổ thời gian dành riêng cho HS thực hiện các tác phẩm dự thi, cung cấp hướng dẫn, phản hồi và hỗ trợ kỹ thuật.

- Gửi và đánh giá: Thu thập các tác phẩm nghệ thuật gửi trong khung thời gian quy định. Chia sẻ tác phẩm nghệ thuật với ban giám khảo, đảm bảo ẩn danh và đánh giá dựa trên các tiêu chí đã thiết lập.

- Công nhận tác phẩm nghệ thuật đạt giải: Tổ chức một buổi lễ hoặc triển lãm để công bố và chúc mừng những người chiến thắng. Cung cấp thông tin phản hồi và công nhận cho tất cả những người tham gia, làm nổi bật điểm mạnh và lĩnh vực cần cải thiện.

\* Ví dụ minh họa

- Chủ đề cuộc thi: Vẽ tranh “Đưa Lịch sử vào cuộc sống”

- Mục tiêu: Tìm hiểu các sự kiện, nhân vật lịch sử đã học ở lớp 3; tạo tác phẩm nghệ thuật mô tả một thời điểm lịch sử quan trọng hoặc một nhân vật lịch sử nổi tiếng; thể hiện sự sáng tạo và kỹ năng nghệ thuật trong việc diễn giải lịch sử bằng hình ảnh; thúc đẩy sự đánh giá cao về lịch sử và sức mạnh của nghệ

thuật để truyền tải thông điệp.

- Thực hiện:

+ Thông báo cuộc thi: Giới thiệu cuộc thi vẽ tranh “Đưa lịch sử vào cuộc sống”, giải thích mục đích, thể lệ và yêu cầu dự thi.

+ Nghiên cứu và chuẩn bị: Cho phép HS có thời gian nghiên cứu một sự kiện hoặc nhân vật lịch sử được lựa chọn. Khuyến khích HS thu thập thông tin, hình ảnh và các nguồn chính liên quan đến chủ đề đã chọn.

+ Lập kế hoạch và phác thảo: Hướng dẫn HS động não các ý tưởng và tạo các bản phác thảo mô tả thời điểm hoặc nhân vật lịch sử được lựa chọn. Cung cấp thông tin phản hồi và hỗ trợ trong việc tinh chỉnh ý tưởng.

+ Sáng tạo tác phẩm nghệ thuật: Phân bổ thời gian trong lớp để HS vẽ tác phẩm nghệ thuật cuối cùng dựa trên bản phác thảo. Cung cấp hướng dẫn kỹ thuật và khuyến khích sự sáng tạo trong việc sử dụng màu sắc, bố cục và biểu tượng.

+ Gửi và đánh giá: Thu thập các mục tác phẩm nghệ thuật trong khung thời gian quy định. Chia sẻ tác phẩm nghệ thuật với ban giám khảo, đảm bảo ẩn danh. Đánh giá dựa trên sự sáng tạo, giải thích chủ đề lịch sử, kỹ thuật và tác động tổng thể.

+ Công nhận và triển lãm: Tổ chức một cuộc triển lãm hoặc buổi lễ để công bố những người chiến thắng và giới thiệu tất cả các bài dự thi. Công nhận những nỗ lực và sự sáng tạo của những người tham gia, cung cấp phản hồi mang tính xây dựng về tác phẩm nghệ thuật.

Tóm lại, các phương pháp, kỹ thuật dạy học có mối quan hệ mật thiết với nhau và có mối quan hệ với các phương pháp kiểm tra - đánh giá quá trình. Các phương pháp được thiết kế và tổ chức theo các hoạt động giúp HS học tập đa giác quan, học qua làm, học qua hứng thú và học qua trải nghiệm, giúp hình thành và phát triển năng lực chung, năng lực đặc thù cũng như năng khiếu mỹ thuật của HS tiểu học. Để dạy học mỹ thuật phát triển năng lực HS đòi hỏi GV phải lựa chọn và sử dụng các PPDH truyền thống, có sử dụng kỹ thuật DH tích cực; PPDH phát triển năng lực HS một cách nhuần nhuyễn và hiệu quả; sử dụng trong và ngoài lớp học.

### **2.3. Thiết kế bài học có lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực học sinh**

#### **2.3.1. Yêu cầu chung xây dựng kế hoạch bài học và tổ chức dạy học phát triển năng lực**

Trước khi tiến hành thiết kế kế hoạch bài học/ soạn giáo án và tổ chức DH, GV cần xác định được mục tiêu, kiến thức trọng tâm của mỗi bài học, làm cơ sở để lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức, phương tiện, đồ dùng DH phù hợp với thực tiễn và đạt được mục tiêu bài học. Để thiết kế bài học và tổ chức DH, GV cần thể hiện được những nội dung chính sau đây:

- Xác định được chủ đề, thể loại bài học
- Mục tiêu của bài học về các năng lực: Quan sát, nhận thức; sáng tạo và ứng dụng; phân tích và đánh giá.
- Xác định đồ dùng, thiết bị dạy học, PPDH và kiểm tra - đánh giá quá trình.
- Thiết kế các hoạt động DH phù hợp với đặc trưng môn học, thể loại Hội họa và chủ đề bài học, bao gồm các hoạt động chính sau: 1) Khám phá, kiến tạo kiến thức - kỹ năng; 2) Luyện tập - sáng tạo; 3) Phân tích và đánh giá; 4) Vận dụng - phát triển. Ngoài ra còn có hoạt động củng cố và dặn dò HS sau tiết học.
- Phân trải nghiệm sau mỗi chủ đề để tạo nên những sản phẩm mỹ thuật có sự khác giữa các em HS về ý tưởng, sự sáng tạo, kỹ năng vẽ tranh, phối màu,...: GV khuyến khích HS tự trải nghiệm quan sát thực tế dưới sự hướng dẫn của GV và sự trợ giúp của người thân. Tùy theo mỗi chủ đề mà GV có thể hướng dẫn những yêu cầu khác nhau. Tuy nhiên tập trung vào một số gợi ý chung về: hình ảnh quan sát, thời gian trải nghiệm, ý tưởng tạo sản phẩm, bố cục, màu sắc, hình mảng, đường nét; các chi tiết chính và phụ; nhấn mạnh điểm khác biệt của mỗi chủ đề; đặt tên cho sản phẩm; lưu ý các kỹ năng và kỹ thuật để tạo nên sản phẩm; trang trí và lưu giữ sản phẩm,...

Ví dụ: Chủ đề 1. Trường em, Bài 1: Sắc màu của chữ

Mục tiêu trọng tâm của bài học là màu thứ cấp. Sự nhất quán mục tiêu này ở mỗi hoạt động trong bài học như sau:

Hoạt động khám phá, kiến tạo kiến thức - kỹ năng: Gọi nhắc HS màu cơ bản (đã học ở lớp 2); Tổ chức HS nhận biết màu thứ cấp.

Hoạt động luyện tập, sáng tạo: Tổ chức HS tìm hiểu cách tạo sản phẩm có các màu thứ cấp là chính đó là vẽ màu; tổ chức HS thực hành, sử dụng màu thứ cấp là chính và vận dụng cách vẽ để tạo sản phẩm (cá nhân/ nhóm).

Hoạt động phân tích và đánh giá: Gọi mở HS giới thiệu màu thứ cấp, kết hợp các màu khác trên sản phẩm,...

Hoạt động vận dụng - phát triển: Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá thêm ý tưởng, cách thực hành với màu thứ cấp.

Tổng kết tiết học/ bài học: Nhắc lại kiến thức (màu thứ cấp), kỹ năng thực hành,...

GV cần linh hoạt tổ chức HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong mỗi hoạt động và giao nhiệm vụ cụ thể cho HS. Đối với hoạt động thực hành, GV nên tổ chức HS theo làm việc nhóm, nếu nhiệm vụ thực hành tạo sản phẩm cá nhân, thì cần có thêm nhiệm vụ quan sát, trao đổi, chia sẻ cùng bạn trong nhóm. Qua đó giúp HS học hỏi lẫn nhau và phát triển khả năng giao tiếp, cảm nhận thẩm mỹ trong thực hành. Khuyến khích HS lựa chọn họa phẩm, vật liệu, phương pháp thực hành theo sở thích và có thể làm việc với SGK, với GV.

Trong lúc HS thực hành: GV quan sát HS thực hành, trao đổi và có thể gọi mở, hướng dẫn, hỗ trợ HS. Qua đó, GV có thể nắm bắt được khả năng thực hiện nhiệm vụ và thông tin mà HS thu nhận được trong thảo luận để làm căn cứ điều chỉnh phương pháp, nội dung thảo luận và vận dụng vào đánh giá trong DH. Đồng thời, GV thiết kế các phiếu học tập, bảng kiểm để HS tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng.

Để tạo thêm sự phong phú cho hình ảnh trực quan, GV nên sưu tầm hoặc tự làm đồ dùng DH (tranh, ảnh, video clip hoặc vật thật,...). Những hình ảnh, video clip hoặc vật thật, vật liệu (trong tự nhiên, trong đời sống) và các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật (của HS/ thiếu nhi, họa sĩ, nghệ nhân) sử dụng và bổ sung lựa chọn có tính điển hình, gần gũi, quen thuộc với HS, thể hiện rõ trọng

tâm bài học; nếu những sản phẩm, tác phẩm sẵn có ở địa phương hoặc liên quan đến địa phương, góp phần khơi gợi niềm tự hào của HS về quê hương.

GV có thể sử dụng hồ sơ học tập hoặc nhật ký học tập để giúp HS nhận thấy sự tiến bộ của bản thân trong quá trình học tập; đồng thời kích thích hứng thú và tính tích cực học tập ở HS.

### **2.3.2. Thiết kế kế hoạch bài học theo Chương trình môn Mĩ thuật lớp 3**

Dựa vào Chương trình môn Mĩ thuật lớp 3 theo Chương trình GDPT 2018, Bộ sách Chân trời sáng tạo [24], [25] và các biện pháp lựa chọn và vận dụng các PPDH mĩ thuật theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học đã được đề xuất, Đề tài đã thiết kế kế hoạch bài học thể loại Hội họa cho 04 chủ đề như sau:

**Bảng 2.1: Danh sách kế hoạch bài học mĩ thuật (lớp 3) của Chương trình GDPT 2018 được thiết kế có sử dụng PPDH phát triển năng lực**

Stt	Chủ đề	Bài học	Số tiết
1	Chủ đề 2: Mùa thu quê em	Bài 3: Phong cảnh mùa thu	2 tiết
2	Chủ đề 3: Mái ấm gia đình	Bài 2: Người em yêu quý	2 tiết
3	Chủ đề 5: Khu vườn nhỏ	Bài 3: Khu vườn kỳ diệu	2 tiết
4	Chủ đề 6: Đô thị ngày nay	Bài 3: Đô thị trong mắt em	2 tiết
Cộng	04 chủ đề	04 bài học	08 tiết

Nguồn: [28]

Kế hoạch các bài học (*Phụ lục 05*) được thiết kế theo hoạt động có sử dụng các PPDH mĩ thuật phát triển năng lực HS kết hợp phương pháp và công cụ đánh giá quá trình. Kế hoạch bài học tập trung vào phát triển và đánh giá năng lực đặc thù môn Mĩ thuật. Các bài học được cấu trúc gồm 02 tiết, trong đó xác định rõ mức độ, yêu cầu cần đạt cũng như năng lực đặc thù của bộ môn Mĩ thuật đối với HS lớp 3; thể hiện các chỉ báo của các năng lực thành phần; xác định các đồ dùng phương tiện DH.

Bài học được cấu trúc thành 05 hoạt động phù hợp với quy trình DH môn Mĩ thuật, gồm: 1) Hoạt động khám phá; 2) Hoạt động kiến tạo kiến thức - kỹ năng; 3) Hoạt động luyện tập - sáng tạo; 4) Hoạt động phân tích - đánh giá; 5)

Vận dụng - phát triển. Trong mỗi hoạt động được xác định rõ mục tiêu; nhiệm vụ của GV; Phương pháp, kỹ thuật DH và phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá quá trình; cách thức tổ chức các hoạt động DH. Các hoạt động DH được tổ chức linh hoạt nhằm kích thích hứng thú học tập của HS; giúp HS có được những hiểu biết, kiến thức nền tảng và kiến thức thực tiễn về sản phẩm cần sáng tạo; tìm hiểu quy trình tạo ra sản phẩm mỹ thuật; kỹ năng, kỹ thuật tạo sản phẩm mỹ thuật; tổ chức sáng tạo, trưng bày và đánh giá sản phẩm mỹ thuật trước lớp. Các hoạt động được thiết kế đảm bảo có sự tham gia của cá nhân, nhóm, toàn lớp; sử dụng các PPDH truyền thống, kỹ thuật DH tích cực; PPDH phát triển năng lực và các phương pháp, công cụ đánh giá quá trình như câu hỏi, bài tập, Rubric, phiếu học tập,... với sự hỗ trợ của các đồ dùng, phương tiện DH.

Cuối mỗi bài học, yêu cầu HS sáng tạo 01 sản phẩm mỹ thuật dưới hình thức dự án học tập. Dự án này được trưng bày trước mỗi chủ đề mới, HS được chia sẻ ý tưởng. Các sản phẩm có tính thẩm mỹ cao hơn được lựa chọn trưng bày trong các buổi sinh hoạt Câu lạc bộ mỹ thuật của nhà trường. Các sản phẩm mỹ thuật tiếp tục được lựa chọn và trưng bày trong triển lãm mỹ thuật hằng năm của nhà trường, đồng thời tiếp tục được lựa chọn tham gia triển lãm cấp cụm các trường tiểu học trên địa bàn thành phố.

## **2.4. Thực nghiệm lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực học sinh ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn**

### **2.4.1. Mục đích thực nghiệm**

Đánh giá hiệu quả DH một số chủ đề thể loại Hội họa có lựa chọn và vận dụng PPDH phát triển năng lực HS theo Chương trình GD môn Mỹ thuật lớp 3, Bộ SGK Chân trời sáng tạo (Bản 1) ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn.

### **2.4.2. Nội dung thực nghiệm và phương pháp thực nghiệm**

#### **2.4.2.1. Nội dung thực nghiệm sự phạm**

- Do thời gian và điều kiện có hạn, Đề tài bước đầu triển khai thực nghiệm tập trung vào 05 biện pháp được đề xuất phù hợp với điều kiện DH chủ yếu trong lớp học ở trường tiểu học ở miền núi, bao gồm: 1) Tổ chức dạy học mỹ thuật tích hợp, liên thông với các môn học khác; 2) Vận dụng PPDH trực quan kết hợp với

các phương pháp và kỹ thuật DH tích cực; 3) Vận dụng PPDH giải quyết vấn đề một cách linh hoạt; 4) Vận dụng PPDH thực hành (học quan làm) kết hợp với kích thích hứng thú học tập của HS; 5) Tăng cường dạy học cá nhân kết hợp với DH hợp tác. Đồng thời bước đầu quan tâm và thử nghiệm việc tổ chức DH trải nghiệm, dự án, thi vẽ tranh trong phạm vi lớp học (biện pháp 6 và 7) và gắn với các phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá quá trình.

- Triển khai thiết kế kế hoạch bài học thể loại Hội họa lớp 3 đã được thiết kế theo hướng phát triển năng lực HS với 04 chủ đề, 04 bài học với 08 tiết. Trong đó, các bài học được thiết kế theo hoạt động, chú trọng các PPDH phát triển năng lực HS, kỹ thuật DH tích cực và kiểm tra - đánh giá quá trình; đồng thời chú trọng các bài học đánh giá tổng kết để tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS, tăng cường năng lực vận dụng, sáng tạo ở HS sau mỗi bài học/ đề tài để phát triển thành các chủ đề.

#### 2.4.2.2. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

- Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị dạy học thực nghiệm

Tham gia sinh hoạt tổ chuyên môn cùng GV mỹ thuật để trình bày các biện pháp lựa chọn và vận dụng các PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS đối với thể loại Hội họa; lựa chọn bài dạy, GV giảng dạy và các lớp khối 3 tham gia học thực nghiệm.

Xây dựng kế hoạch và kế hoạch bài học thực nghiệm, có sự tham gia đóng góp ý kiến của GV mỹ thuật, trình Ban Giám hiệu Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn.

Chuẩn bị các điều kiện tổ chức dạy học: Học liệu; đồ dùng, thiết bị dạy học; hướng dẫn HS cách học tập; trao đổi với GV về cách thức dạy học và kiểm tra - đánh giá; thu thập thông tin, dữ liệu dạy học; mời GV dự giờ để góp ý cho tiết dạy thực nghiệm.

- Tổ chức dạy học và thu thập cơ sở dữ liệu thực nghiệm.

Lựa chọn lớp thực nghiệm và lớp đối chứng: 38 HS lớp đối chứng (3A3) HS và 40 HS lớp thực nghiệm (3A5) năm học 2022-2023 (*Phụ lục 04*).

GV Vũ Thúy Lan giảng dạy lớp thực nghiệm và lớp đối chứng theo Chương trình GDPT 2018. Tuy nhiên, tại lớp 3A5 kế hoạch bài học được thiết kế bài bản hơn, chú trọng sử dụng các PPDH, kỹ thuật DH tích cực và PPDH phát triển

năng lực, tăng cường kết hợp DH trong và ngoài nhà trường với các dự án học tập và trải nghiệm sáng tạo để HS có điều kiện thể hiện bản thân. Đồng thời, trong quá trình thực nghiệm có sự hỗ trợ của 02 GV mỹ thuật thông qua các hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

Thực hiện phép kiểm chứng đối với kết quả trước và sau thực nghiệm đối với nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

**Bảng 2.2: Kiểm tra trước và sau thực nghiệm sư phạm  
đối với nhóm tương đương**

Nhóm	Kiểm tra trước thực nghiệm	Thực nghiệm (tác động)	Kiểm tra sau thực nghiệm
N1 (đối chứng)-Lớp3A3	01	-	03
N2 (thực nghiệm)-Lớp 3A5	02	X	04

Nguồn: Tác giả (2022)

Tổ chức đánh giá bài kiểm tra trước thực nghiệm thông qua sản phẩm vẽ tranh của HS trong 06 tiết học Hội họa đầu năm học 2022-2023; năng lực thẩm mỹ của HS thông qua việc đánh giá của GV có sự hỗ trợ của tổ chuyên môn, người nghiên cứu đối với lớp đối chứng và thực nghiệm trước tác động.

Tổ chức DH có áp dụng các biện pháp lựa chọn và vận dụng các PPDH theo hướng phát triển năng lực đối với các bài học đã thiết kế.

Tổ chức đánh giá kết quả bài kiểm tra sau thực nghiệm và năng lực thẩm mỹ của HS lớp đối chứng và thực nghiệm.

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các biện pháp lựa chọn và vận dụng một số PPDH mỹ thuật nói chung và thể loại Hội họa nói riêng theo hướng phát triển năng lực HS, tác giả đã đánh giá sản phẩm tranh vẽ của HS trước thực nghiệm sư phạm sau khi kết thúc Bài 2. Vui tết trung thu (Chủ đề 2. Mùa thu quê em). Yêu cầu HS (lớp đối chứng và thực nghiệm) cùng vẽ một bức tranh về Quê hương, gọi chung là bài kiểm tra trước tác động. Kiểm tra sau thực nghiệm sau kết thúc Bài 3. Đô thị trong mắt em (Chủ đề 6. Đô thị ngày nay); yêu cầu HS (lớp đối chứng và lớp thực nghiệm) cùng vẽ 01 bức tranh về đô thị nơi em sinh sống, gọi chung là bài kiểm tra sau thực nghiệm sư phạm. Tương tự như vậy, thông qua các tiết học, tác giả cùng với GV giảng dạy thực nghiệm đã đánh giá năng lực



đặc thù (năng lực kỹ thuật) gồm 06 năng lực thành phần: quan sát và nhận thức thẩm mỹ; sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ; phân tích và đánh giá thẩm mỹ đối với HS lớp thực nghiệm và lớp đối chứng trước và sau thực nghiệm.

- Xử lý, phân tích kết quả và rút ra kết luận khoa học.

#### 2.4.2.3. Cách thức phân tích và xử lý số liệu

- Đánh giá sản phẩm tranh vẽ của HS tiểu học theo thang điểm 10, trong đó điểm cụ thể cho các nội dung như sau: Ý tưởng (2 điểm), bố cục (3 điểm), đường nét và hình mảng (hình ảnh chính, phụ) 3 điểm, màu sắc (2 điểm). Các tiêu chí cụ thể được quy định ở *Phụ lục 08*. Trong mỗi buổi trưng bày sản phẩm GV có thể đánh giá sản phẩm mỹ thuật theo *Phụ lục 07*, sau đó quy ra thang điểm 10.

Sử dụng các công thức và hàm thống kê thông qua việc sử dụng phần mềm Microsoft Excel như: Mode, Average, Median, Stdev, Ttest, SMD, để tính kết quả đạt được của mỗi sản phẩm tranh vẽ của HS trước và sau thực nghiệm sư phạm. Cụ thể như sau:

Mode (Tần suất): Giá trị xuất hiện nhiều nhất trong một dãy điểm số

Average (Điểm trung bình): Giá trị trung bình của các điểm số, được tính bằng công thức:

$$\bar{x} = \frac{\sum_{i=1}^n x_i}{n}$$

Median (Điểm trung vị): Điểm trung vị của các số (là điểm nằm ở vị trí giữa trong dãy điểm số xếp theo thứ tự).

Stdev (Độ lệch chuẩn): Ước lượng độ lệch chuẩn trên cơ sở mẫu, được tính bằng công thức:  $\delta = \sqrt{\delta^2}$ . Trong đó  $\delta^2$  là phương sai tính theo công

thức:  $\delta^2 = \frac{\sum (x_i - \bar{x})^2}{n-1}$  ( $n \leq 30$ ) và  $\delta^2 = \frac{\sum (x_i - \bar{x})^2}{n}$  (Với  $n > 30$ ).

Ttest (P): Xác suất xảy ra ngẫu nhiên hay không khi có sự tác động vào nghiệm thể. Với  $P \leq 0,05$ , các tác động thực sự có ý nghĩa.

Mức độ ảnh hưởng SMD (ES) của thực nghiệm sư phạm (áp dụng các PPDH mà Luận văn đề xuất), được tính bằng công thức:

$$SMD = \frac{\text{Trung bình (thực nghiệm)} - \text{Trung bình (đối chứng)}}{\text{Độ lệch chuẩn (đối chứng)}}$$

Căn cứ vào giá trị đạt được thông qua bảng tiêu chí Cohen để đánh giá hiệu quả của các biện pháp tác động.

**Bảng 2.3: Giá trị của mức độ ảnh hưởng theo bảng tiêu chí Cohen**

Stt	Giá trị	Mức độ ảnh hưởng
1	Trên 1,0	Rất lớn
2	0,8 → 1,0	Lớn
3	0,5 → 0,79	Trung bình
4	0,2 → 0,49	Nhỏ
5	Dưới 0,2	Không đáng kể

Nguồn: [14]

- Đánh giá các năng lực đặc thù môn Mĩ thuật nói chung và thể loại Hội họa nói riêng của HS tiểu học với 05 mức độ, dựa theo tác giả Nguyễn Công Khanh. Quy điểm cụ thể đối với từng năng lực thành phần như sau:

Mức 1: Không/ chưa thực hiện (Kém): 01 điểm; Mức 2: Mới thực hiện, chưa có kết quả rõ ràng (Yếu): 02 điểm; Mức 3: Thực hiện có kết quả bước đầu (Trung bình): 03 điểm; Mức 4: Thực hiện có kết quả khá (Khá): 04 điểm; Mức 5: Thực hiện có kết quả tốt (Tốt): 05 điểm.

Với tổng điểm của 06 năng lực thành phần đặc thù của môn Mĩ thuật, gồm: quan sát thẩm mĩ, nhận thức thẩm mĩ, sáng tạo thẩm mĩ, ứng dụng thẩm mĩ, phân tích thẩm mĩ, đánh giá thẩm mĩ tính được mức độ năng lực đặc thù của HS tiểu học, cụ thể: Mức 1: Không thể hiện (Kém): 1-6 điểm; Mức 2: Mới thể hiện, chưa có kết quả rõ ràng (Yếu): 6,1-12 điểm; Mức 3: Thể hiện có kết quả bước đầu (Trung bình): 12,1-18 điểm; Mức 4: Thể hiện có kết quả khá (Khá): 18,1-24 điểm; Mức 5: Thể hiện có kết quả tốt (Tốt): 24,1-30 điểm.

Đồng thời có liên hệ với các Rubric đánh giá năng lực đặc thù của HS ở 05 mức độ: Mức 1 (Kém): Không thực hiện; Mức 2 (Yếu): Mới thực hiện, chưa có kết quả rõ ràng; Mức 3 (Trung bình): Hoàn thành, có kết quả bước đầu; Mức 4 (Khá): Hoàn thành, có kết quả khá; Mức 5 (Tốt): Hoàn thành, có kết quả tốt (*Phụ*

lục 06). Từ đó, GV mỹ thuật có thể quy ra 03 mức độ đánh giá năng lực theo quy định của Chương trình GDPT 2018 là: Mức 1+2 (Chưa hoàn thành); Mức 3 (Hoàn thành); Mức 4+5 (Hoàn thành tốt) để đánh giá HS hoặc hướng dẫn HS tự đánh giá.

Áp dụng công thức tính độ tin cậy Spearman - Brown tính hệ số tương quan chẵn lẻ của 06 năng lực thành phần đặc thù môn Mỹ thuật để đánh giá độ tin cậy của các kết quả thu được:

$$r_{SB} = 2 * r_{hh} / (1 + r_{hh})$$

Trong đó:

$r_{SB}$ : Độ tin cậy Spearman-Brown

$r_{hh}$ : Hệ số tương quan chẵn lẻ

### 2.4.3. Phân tích kết quả thực nghiệm

#### 2.4.3.1. Đánh giá năng lực đặc thù môn Mỹ thuật của học sinh Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn

Sau khi tổ chức đánh giá năng lực đặc thù của từng HS tiểu học đối với nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng (*Phụ lục 09*), tổng hợp kết quả thu được:

**Bảng 2.4: Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của HS trước thực nghiệm (nhóm đối chứng)**

TT	Năng lực	Mức độ					ĐTB	TB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Quan sát thẩm mỹ	0	7,9	21,1	50	21,1	3,84	1
2	Nhận thức thẩm mỹ	0	5,3	23,7	52,6	18,4	3,84	1
3	Sáng tạo thẩm mỹ	2,6	7,9	39,5	36,8	13,2	3,50	3
4	Ứng dụng thẩm mỹ	2,6	21,1	34,2	31,6	10,5	3,26	4
5	Phân tích thẩm mỹ	5,3	23,7	36,8	26,3	7,9	3,08	5
6	Đánh giá thẩm mỹ	5,3	23,7	36,8	28,9	5,3	3,05	6
Trung bình chung		2,6	14,9	32,0	37,7	12,7	3,43	

Nguồn: Tác giả (2023)

**Bảng 2.5: Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của HS trước thực nghiệm  
(nhóm thực nghiệm)**

TT	Năng lực	Mức độ					ĐTB	TB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Quan sát thẩm mỹ	0	10	20	45	25	3,85	1
2	Nhận thức thẩm mỹ	2,5	12,5	25,0	37,5	22,5	3,65	2
3	Sáng tạo thẩm mỹ	2,5	15	32,5	30	20	3,50	3
4	Ứng dụng thẩm mỹ	2,5	22,5	35	25	15	3,28	4
5	Phân tích thẩm mỹ	7,5	22,5	30	30	10	3,13	5
6	Đánh giá thẩm mỹ	7,5	20	35	27,5	10	3,13	5
Trung bình chung		3,8	17,1	29,6	32,5	17,1	3,42	

Nguồn: Tác giả (2023)

**Bảng 2.6: Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của học sinh  
sau thực nghiệm (nhóm đối chứng)**

TT	Năng lực	Mức độ					ĐTB	TB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Quan sát thẩm mỹ	0	5,3	26,3	39,5	28,9	3,92	1
2	Nhận thức thẩm mỹ	0	7,9	28,9	39,5	23,7	3,79	2
3	Sáng tạo thẩm mỹ	2,6	10,5	36,8	39,5	10,5	3,45	3
4	Ứng dụng thẩm mỹ	2,6	18,4	34,2	34,2	10,5	3,32	4
5	Phân tích thẩm mỹ	5,3	26,3	28,9	31,6	7,9	3,11	5
6	Đánh giá thẩm mỹ	7,9	21,1	34,2	31,6	5,3	3,05	6
Trung bình chung		3,1	14,9	31,6	36	14,5	3,44	

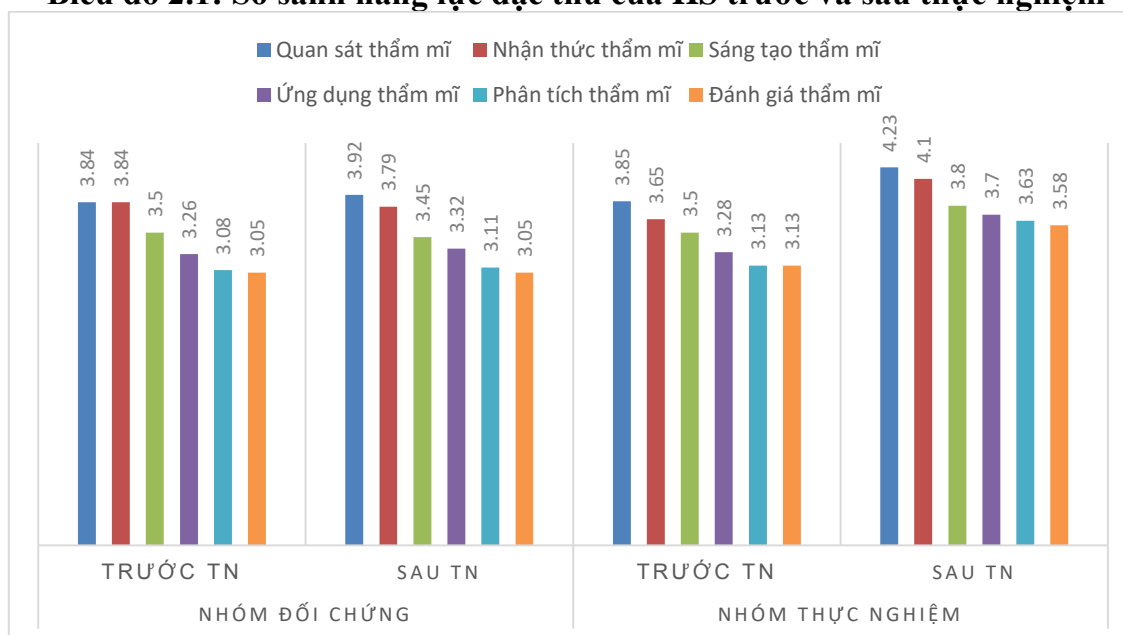
Nguồn: Tác giả (2023)

**Bảng 2.7: Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của HS sau thực nghiệm (nhóm thực nghiệm)**

TT	Năng lực	Mức độ					ĐTB	TB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Quan sát thẩm mỹ	0	2,5	20	30	47,5	4,23	1
2	Nhận thức thẩm mỹ	0	5	20	35	40	4,10	2
3	Sáng tạo thẩm mỹ	0	10	22,5	45	22,5	3,80	3
4	Ứng dụng thẩm mỹ	0	12,5	25	42,5	20	3,70	4
5	Phân tích thẩm mỹ	0	12,5	27,5	45	15	3,63	5
6	Đánh giá thẩm mỹ	0	15	30	37,5	17,5	3,58	6
Trung bình chung		0	9,6	24,2	39,2	27,1	3,84	

Nguồn: Tác giả (2023)

**Biểu đồ 2.1: So sánh năng lực đặc thù của HS trước và sau thực nghiệm**



Nguồn: Tác giả (2023)

Từ kết quả ở các bảng trên đưa đến các nhận xét cụ thể như sau:

Một là, áp dụng công thức tính độ tin cậy Spearman-Brown tính hệ số tương quan chuẩn lẽ giữa 06 năng lực thành phần của năng lực đặc thù môn Mỹ

thuật để đánh giá độ tin cậy của các kết quả thu được với các giá trị  $r_{SB}$  của nhóm đối chứng, nhóm thực nghiệm trước và sau tác động lần lượt là: 0,84 và 0,82; 0,83 và 0,86. Với kết quả  $r_{SB} > 0,7$  cho phép kết luận rằng, kết quả đánh giá năng lực đặc thù mỹ thuật của HS tiểu học (dữ liệu thu được) trước và sau thực nghiệm là đáng tin cậy.

*Thứ hai*, ĐTB chung các năng lực đặc thù môn Mỹ thuật của HS trước thực nghiệm và sau thực nghiệm đối với nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm lần lượt là: 20,9; 20,6; 20,5; 23,0 đều được đánh giá ở mức *Khá* (nằm trong giới hạn từ 18,1-24 điểm. Sau thực nghiệm nhóm đối chứng giảm 0,3 điểm và nhóm thực nghiệm tăng 1,5 điểm, chênh lệch giữa tác động sư phạm và không tác động sư phạm là 1,8 điểm. Kết quả này bước đầu cho thấy, hiệu quả tác động sư phạm của việc lựa chọn và vận dụng các PPDH theo hướng phát triển năng lực HS là khá rõ rệt. Nguyên nhân ở nhóm đối chứng giảm 0,3 điểm là do GV cũng đã áp dụng một số PPDH theo hướng phát triển năng lực nhưng không triệt để, chưa chú trọng đến tính phân hóa trong DH.

*Thứ ba*, xét theo từng năng lực đặc thù của trước và sau tác động đối với nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng cho thấy, hầu hết 03 năng lực đầu (quan sát, nhận thức và sáng tạo) đều có điểm số cao hơn 03 năng lực sau (ứng dụng, phân tích và đánh giá). Đối với nhóm đối chứng trước và sau tác động, nhóm thực nghiệm trước tác động thì 03 năng lực đầu được đánh giá ở mức *Khá*, còn 03 năng lực sau được đánh giá ở mức *Trung bình*. Trong khi đó, 6 năng lực của nhóm thực nghiệm sau tác động đều được đánh giá ở mức *Khá* trở lên, trong đó có năng lực quan sát thẩm mỹ được đánh giá vừa chạm đến mức *Tốt*. Biểu hiện là, HS đã nhận biết tốt các yếu tố tạo hình như hình khối, màu sắc, chấm, nét, hình khối; phân biệt biệt được màu cơ bản và màu thứ cấp; biết liên hệ nội dung chủ đề với hình ảnh trong thực tiễn. Bên cạnh đó, HS đã biết tạo được màu thứ cấp và đọc được tên các màu đó trong sản phẩm mỹ thuật, tạo được hình khối, sự tương phản và cảm giác bề mặt chất liệu sản phẩm; biết trưng bày, mô tả và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm và ý tưởng sản phẩm. Tuy nhiên, HS chưa thể hiện được sự khéo léo trong việc thể hiện sản phẩm; sự tương phản của hình, khối; sự biểu đạt hình động cho sản phẩm; sự phân tích đánh giá sản phẩm còn mang tính cảm tính; việc tạo ra các sản phẩm mang tính ứng dụng chưa nhiều và chưa đẹp mắt.

*Thứ tư*, với nhóm đối chứng, sau thực nghiệm năng lực mỹ thuật có sự phát triển so với trước thực nghiệm nhưng không nhiều, trong đó có năng lực còn giảm đi (năng lực sáng tạo). Nguyên nhân là do, một số ít HS còn lúng túng chưa biết thể hiện sự sáng tạo thế nào trong sản phẩm mỹ thuật của mình. Trong khi đó, sau thực nghiệm các năng lực mỹ thuật được tăng theo chiều hướng tích cực, thể hiện rõ nét trong các sản phẩm tranh vẽ (*Phụ lục 11*).

*Thứ năm*, so sánh trước và sau thực nghiệm đối với nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng cho thấy, năng lực của 02 nhóm đều được cải thiện, cụ thể mức Yếu và Trung bình giảm; mức Khá và Tốt tăng lên. Tuy nhiên, nhóm thực nghiệm hầu hết năng lực mỹ thuật tăng cao hơn so với nhóm đối chứng. Nguyên nhân là do, GV đã áp dụng các PPDH theo hướng phát triển năng lực HS theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 đối với khối lớp 3 từ năm học 2022-2023. Đối với nhóm thực nghiệm, GV đã sử dụng các PPDH, kỹ thuật DH tích cực kết hợp với các PPDH đặc trưng cho sự phát triển năng lực như DH hợp tác, trải nghiệm sáng tạo, dự án học tập và các phương pháp kiểm tra - đánh giá quá trình; tổ chức các dự án học tập dưới hình thức cuộc thi vẽ tranh sau mỗi bài học để tạo các sân chơi học tập cho HS. Kết hợp DH trên lớp với hình thức câu lạc bộ mỹ thuật, triển lãm sản phẩm tranh vẽ của HS theo khối lớp, toàn trường đã kích thích được tính tích cực học tập ở HS. Từ đó các năng lực quan sát và nhận thức, sáng tạo và ứng dụng cũng như năng lực phân tích và đánh giá của HS được phát triển. Đối với nhóm thực nghiệm, các năng lực ứng dụng, phân tích và đánh giá được cải thiện nhiều hơn.

*Thứ sáu*, các năng lực mỹ thuật của HS được cải thiện rõ nét, thể hiện ở các mức độ chỉ báo của năng lực. Trong năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ: các yếu tố tạo hình như hình, khối, màu sắc, hình mảng; phân biệt được các màu cơ bản và màu thứ cấp; liên hệ nội dung chủ đề với hình ảnh thực tiễn được phát triển rõ rệt. HS biết thể hiện ý tưởng, bố cục, chất cảm, chấm, nét, không gian, chuyển động, tỉ lệ, hài hòa của sản phẩm mỹ thuật. Trong năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: HS thực hiện đúng quy trình tạo ra sản phẩm; tạo được màu thứ cấp trong sản phẩm sáng tạo; sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản để mô phỏng đối tượng; tạo cảm giác bề mặt của chất liệu, biểu đạt hình động, thể hiện được chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm ở sản phẩm; kỹ năng, kỹ thuật tạo sản phẩm khéo léo hơn. Trong năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ: HS trình bày,

thuyết minh cho sản phẩm khá tự tin; nhận xét thiên về chất lượng của sản phẩm mỹ thuật.

#### 2.4.3.2. Đánh giá sản phẩm tranh vẽ của học sinh Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy, năng lực đặc thù môn Mỹ thuật của HS tiểu học không chỉ được thể hiện qua các hành động, hoạt động trên lớp học mà còn được thể hiện thông qua sản phẩm của hoạt động học tập. Vì vậy, đối với thể loại Hội họa, việc đánh giá năng lực của HS được thể hiện qua việc đánh giá thành tựu (sản phẩm tranh vẽ). Việc tổ chức đánh giá tranh vẽ trước và sau thực nghiệm được thực hiện theo các tiêu chí đã nêu ở trên. Đồng thời tính thành điểm cụ thể của từng năng lực thành phần và năng lực đặc thù môn Mỹ thuật cho từng HS (*Phụ lục 10*). Một số sản phẩm tranh vẽ được thể hiện ở *Phụ lục 11*.

Sau khi tổ chức chấm tranh vẽ của HS nhóm đối chứng và thực nghiệm (trước và sau thực nghiệm), kết quả cụ thể như sau:

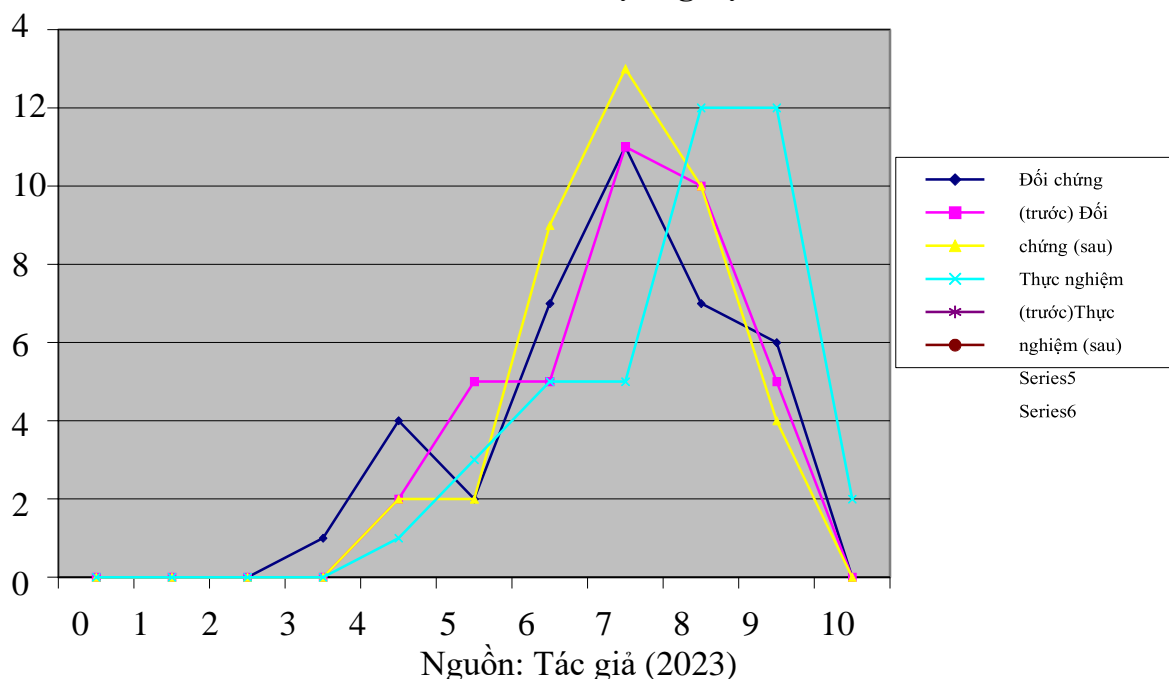
**Bảng 2.8: Phân bố tần suất kết quả đánh giá sản phẩm tranh vẽ của học sinh trước và sau thực nghiệm sư phạm**

Điểm số	Nhóm đối chứng (38 HS lớp 3A3)		Nhóm thực nghiệm (40 HS lớp 3A5)	
	Trước	Sau	Trước	Sau
0	0	0	0	0
1	0	0	0	0
2	0	0	0	0
3	1	0	0	0
4	4	2	2	1
5	2	5	2	3
6	7	5	9	5
7	11	11	13	5
8	7	10	10	12
9	6	5	4	12
10	0	0	0	2

Nguồn: Tác giả (2023)



**Biểu đồ 2.2: Phân bố tần suất kết quả đánh giá sản phẩm tranh vẽ của HS trước và sau thực nghiệm**



Qua kết quả hiển thị ở Bảng 2.8 và Biểu đồ 2.1 cho thấy, điểm đánh giá các sản phẩm tranh vẽ của HS nhóm đối chứng và thực nghiệm được rải ở 04 mức độ từ điểm Yếu đến điểm Giỏi. Trong đó, tập trung chủ yếu ở điểm Khá đối với cả nhóm đối chứng và thực nghiệm. Sau tác động, số lượng điểm Khá và Giỏi tăng ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, tuy nhiên ở nhóm thực nghiệm tăng nhiều hơn so với nhóm đối chứng. Kết quả này cho thấy hiệu quả của các biện pháp tác động sư phạm đối với việc triển khai vận dụng các PPDH theo hướng phát triển năng lực HS.

Để tìm hiểu xem tác động sư phạm có giá trị và tin cậy hay không, chúng ta cùng phân tích số liệu thu được qua bảng sau:

**Bảng 2.9: Tổng hợp giá trị kết quả đánh giá sản phẩm tranh vẽ của HS**

Các giá trị	Nhóm đối chứng (N1)			Nhóm thực nghiệm (N2)		
	Trước (T)	Sau (S)	Chênh lệch (S-T)	Trước (T)	Sau (S)	Chênh lệch (S-T)
Mode	7	7	0	7	9	2
Median	7	7	0	7	8	1
Average	6,8	7,1	0,3	7,2	7,7	0,5
Stdev	1,6	1,4	- 0,3	1,3	1,5	0,2
Ttest (p)	p của N1 và N2 (trước): 0,7			p của N1 và N2 (sau): 0,03		
SMD (ES)	0,52 (Trung bình)					

Nguồn: Tác giả (2023)

Kết quả tại Bảng 2.9 cho thấy: tần xuất, điểm trung vị của nhóm đối chứng không tăng sau thực nghiệm sư phạm; nhóm thực nghiệm tăng sau thực nghiệm sư phạm; ĐTB sau thực nghiệm tăng cả ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng và ở nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng là 0,2 điểm. Điều đó cho thấy, HS có sự tiến bộ rõ rệt trong quá trình áp dụng các biện pháp thực nghiệm sư phạm.

Độ lệch chuẩn kết quả sản phẩm tranh vẽ sau thực nghiệm của nhóm đối chứng giảm, trong khi đó độ lệch chuẩn kết quả sản phẩm tranh vẽ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm tăng. Điều đó cho thấy, sự phân tán điểm số của nhóm đối chứng giảm, được tập trung ở các đối tượng HS. Điều đó có nghĩa là phần lớn HS đều có tiến bộ tương đối giống nhau sau thực nghiệm. Trong khi đó, ở nhóm thực nghiệm có sự phân hóa rõ rệt. Kết quả cho thấy, có những HS đã có tiến bộ vượt bậc trong quá trình vận dụng các PPDH theo hướng phát triển năng lực của HS. Kết quả nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với HS tiểu học trong quá trình học tập môn nghệ thuật. Thực tế phần lớn HS học theo năng khiếu sẵn có hơn là vì việc làm theo hướng dẫn của người lớn. Các môn nghệ thuật nói chung, môn Mỹ thuật nói riêng được coi là môn phụ, số tiết học ít, các bậc cha mẹ không quan tâm nhiều; GV và nhà trường đôi khi cũng không đầu tư thỏa đáng.

Xác suất (p) của bài kiểm tra trước tác động của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng  $>0,05$ , cho thấy sự chênh lệch có xảy ra ngẫu nhiên. Trong khi đó, xác suất (p) của bài kiểm tra sau tác động  $<0,05$  (nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm) cho thấy các tác động thực sự có ý nghĩa, mang lại những giá trị nhất định (chênh lệch không có khả năng xảy ra ngẫu nhiên). Hệ số tương quan (r) của bài kiểm tra trước và sau tác động của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng là 0,52 nằm trong khoảng 0,5—0,79, ở mức độ Trung bình theo Thang đo của Cohen. Kết quả cho thấy, các biện pháp đề xuất đã mang lại hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên, muốn có kết quả tốt hơn cần phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong thời gian dài, được đầu tư thỏa đáng. Kết quả này cũng hoàn toàn phù hợp với sự phát triển năng lực của HS, bởi năng lực được hình thành trong thời gian dài, được hình thành trong hoạt động và thể hiện thông qua hoạt động hoặc sản phẩm của hoạt động. Mặt khác, năng lực mỹ thuật còn được hình thành thông qua năng khiếu và khả năng sáng tạo của HS.

Kết quả sản phẩm tranh vẽ của HS được cụ thể ở bảng sau:

**Bảng 2.10: Kết quả sản phẩm tranh vẽ của HS tiểu học trước và sau thực nghiệm**

Xếp loại	Nhóm đối chứng (38 HS lớp 3A3)				Nhóm thực nghiệm (40 HS lớp 3A5)			
	Trước		Sau		Trước		Sau	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Kém	0	0	0	0	0	0	0	0
Yếu	5	13,2	2	5,3	2	5,0	1	2,5
Trung bình	8	21,1	10	26,3	11	27,5	8	20
Khá	18	47,4	21	55,3	23	57,5	17	42,5
Giỏi	6	18,3	5	13,1	4	10	14	35

Nguồn: Tác giả (2023)

Điểm số của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng được cụ thể ở 04 mức độ (không có mức Kém). Điểm số trước và sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng cũng có kết quả tương tự như kết quả đánh giá năng lực đặc thù mỹ thuật của HS. Sau thực nghiệm, kết quả xếp loại Khá, Giỏi của HS tăng so với trước thực nghiệm. Nếu nhóm đối chứng tăng tăng lên 2,7%, trong khi đó nhóm thực nghiệm tăng 10%. Bên cạnh đó, số lượng HS có điểm tranh vẽ ở mức Yếu giảm. Kết quả này cũng hoàn toàn phù hợp với các kết quả đánh giá năng lực đặc thù của HS trước và sau thực nghiệm.

Qua quan sát các sản phẩm Hội họa của HS tiểu học sau tác động: Ý tưởng, kết cấu và bố cục rõ ràng; màu sắc, đường nét sắc sảo; hình khối không gian và chất cảm khá rõ nét; tỉ lệ hài hòa, cân đối;... Các hình mảng, chấm, nét, sự cân bằng, tương phản, nhịp điệu, nhấn mạnh và chuyển động có sự tiến bộ rõ rệt; tạo được sự biểu đạt hình động cho sản phẩm; thể hiện được chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm ở sản phẩm; thể hiện được cảm xúc của bản thân với tác phẩm bằng các màu sắc tươi vui, hợp tâm lý lứa tuổi.

## Tiểu kết chương 2

Căn cứ kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc vận dụng các PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học, Đề tài đã triển khai nghiên cứu:

1) Đề xuất các nguyên tắc lựa chọn và vận dụng các PPDH phát triển năng lực kỹ thuật của HS tiểu học như: đảm bảo tính thực tiễn, tính kế thừa và phát triển; tính đồng bộ và hệ thống; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của HS tiểu học.

2) Đề xuất 07 biện pháp lựa chọn và vận dụng PPDH kỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn gồm: Đề xuất biện pháp vận dụng PPDH thể loại Hội họa theo hướng phát triển năng lực HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn gồm: 1) Tổ chức DH kỹ thuật tích hợp, liên thông với các môn học khác; 2) Vận dụng PPDH trực quan kết hợp với các phương pháp và kỹ thuật DH tích cực; 3) Vận dụng PPDH giải quyết vấn đề một cách linh hoạt; 4) Vận dụng PPDH thực hành (học quan làm) kết hợp với kích thích hứng thú học tập của HS; 5) Tăng cường DH cá nhân kết hợp với DH hợp tác; 6) Tổ chức DH theo chủ đề dưới hình thức dự án học tập, chủ đề STEAM và trải nghiệm sáng tạo; 7) Tổ chức các cuộc thi vẽ tranh theo chủ đề trong phạm vi lớp học.

3) Thiết kế kế hoạch bài học 04 chủ đề, 04 bài học với 08 tiết Hội họa lớp 3 theo Chương trình GDPT 2018 có vận dụng PPDH kỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS và tổ chức DH thực nghiệm cho 40 HS ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn. Các biện pháp được triển khai lựa chọn và vận dụng trong DH gắn với kiểm tra - đánh giá quá trình trong các tiết học kỹ thuật gồm: 1) Tổ chức DH tích hợp, liên thông với các môn học khác; 2) Vận dụng PPDH trực quan kết hợp với các phương pháp và kỹ thuật DH tích cực; 3) Vận dụng PPDH giải quyết vấn đề một cách linh hoạt; 4) Vận dụng PPDH thực hành (học quan làm) kết hợp với kích thích hứng thú học tập của HS; 5) Tăng cường DH cá nhân kết hợp với DH hợp tác. Khuyến khích thử nghiệm biện pháp: Tổ chức DH theo chủ đề dưới hình thức dự án học tập, chủ đề STEAM và trải nghiệm sáng tạo; Tổ chức thi vẽ tranh theo chủ đề trong phạm vi tiết học. Kết quả nghiên cứu cho thấy, GV kỹ thuật ở Trường Tiểu học Đông Kinh đã chú trọng vận dụng các PPDH theo hướng phát triển năng lực theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018. Tuy nhiên, đối với nhóm thực nghiệm được triển khai

kỹ càng hơn, tổ chức theo quy trình; thể hiện rõ các hoạt động học tập kết hợp giữa PPDH phát triển năng lực với phương pháp kiểm tra - đánh giá quá trình.

4) Phân tích và đánh giá kết quả thực nghiệm đối với nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng qua việc đánh giá năng lực đặc thù và sản phẩm tranh vẽ của HS. Kết quả cho thấy, sau tác động năng lực đặc thù của HS được tăng cả ở nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm nhưng ở nhóm thực nghiệm tăng nhiều hơn và không phải do ngẫu nhiên. Sản phẩm mỹ thuật (tranh vẽ) của HS đã thể hiện rõ ý tưởng; kết cấu và bố cục rõ ràng; màu sắc, đường nét sắc sảo; hình khối không gian và chất cảm khá rõ nét; tỉ lệ hài hòa, cân đối;...

Kết quả nghiên cứu cho thấy, năng lực nói chung và năng lực đặc thù của môn Mỹ thuật nói riêng được hình thành và phát triển trong quá trình DH.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Qua việc nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc vận dụng PPDH theo hướng phát triển năng lực cho HS tiểu học, Đề tài rút ra một số kết luận sau:

- Dạy học mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS là một vấn đề có tính thời sự được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu, có vai trò quan trọng đối với việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận có liên quan đến việc vận dụng PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS: khái niệm DH và PPDH phát triển năng lực; một số phương pháp, kỹ thuật DH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực; nội dung chương trình DH môn Mỹ thuật ở tiểu học; đặc điểm tâm, sinh lý, năng lực mỹ thuật của HS tiểu học.

- Đánh giá thực trạng vận dụng các PPDH và kiểm tra - đánh giá quá trình đối với môn Mỹ thuật nói chung, thể loại Hội họa dành cho HS lớp 3 ở Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn ở mức độ Đôi khi. Một số phương pháp đặc thù của bộ môn được GV sử dụng ở mức Thường xuyên nhưng chủ yếu diễn ra trong lớp học; các phương pháp phục vụ cho hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các dự án học tập, ít được sử dụng.

- Thực trạng năng lực mỹ thuật của HS lớp 3 ở Trường Tiểu học Đông Kinh Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn được đánh giá ở mức *Khá*. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc vận dụng các PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS, trong đó tập trung vào GV, HS; đặc trưng môn học và thể loại mỹ thuật. Ngoài ra còn phụ thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường; sự quan tâm của cha mẹ HS cũng như các việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm tại nhà trường.

- Đề tài đã đề xuất 07 biện pháp vận dụng PPDH Hội họa theo hướng phát triển năng lực HS. Bước đầu thiết kế kế hoạch bài học và tổ chức DH thực nghiệm 04 bài học của 04 chủ đề Chương trình môn Mỹ thuật lớp 3 theo Bộ sách Chân trời sáng tạo với 05 biện pháp được đề xuất ở Trường Tiểu học Đông Kinh,

thành phố Lạng Sơn. Phân tích và đánh giá kết quả thực nghiệm đối với nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng thông qua việc đánh giá năng lực đặc thù và sản phẩm tranh vẽ của HS. Kết quả cho thấy, ở nhóm thực nghiệm sau tác động, năng lực đặc thù của HS được phát triển và không phải do ngẫu nhiên.

- Năng lực nói chung và năng lực đặc thù của môn Mỹ thuật nói riêng không phải được hình thành thường xuyên trong quá trình DH. Mặt khác, phải hình thành cho HS mục đích, động cơ học tập đúng đắn, có nhu cầu tự học và ý chí tự học và năng lực tự học để HS có thể học tập suốt đời. Đó thuộc vào nghệ thuật sư phạm của người thầy giáo trong quá trình DH.

## **2. Khuyến nghị sư phạm**

### **2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng GV mỹ thuật theo Chương trình GDPT 2018 với các hình thức đa dạng, kết hợp giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- Tổ chức các cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử; kế hoạch bài học và Hội thi GV dạy giỏi môn Mỹ thuật theo Chương trình GDPT 2018.

### **2.2. Đối với ngành GD và Đào tạo Lạng Sơn**

- Đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy GV nói chung, GV mỹ thuật đổi mới nội dung chương trình DH và PPDH theo hướng phát triển năng lực HS.

- Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng GV để đáp ứng yêu cầu của bộ môn; đặc biệt là đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT và truyền thông trong DH.

- Chỉ đạo tổ chức các cuộc thi sáng tác mỹ thuật các cấp hằng năm cho HS tiểu học.

### **2.3. Đối với Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn**

- Tăng cường đổi mới PPDH theo hướng phát triển năng lực HS; đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Trong đó, chú trọng các biện pháp liên quan đến DH dự án, trải nghiệm sáng tạo, thi vẽ tranh để kích thích hứng thú học tập của HS.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng gắn liền với đổi mới PPDH và kiểm tra - đánh giá quá trình.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong đó thể hiện

rõ vai trò của môn Mỹ thuật trong nội dung các hoạt động trải nghiệm.

- Xây dựng môi trường học thuật sôi nổi trong nhà trường; thúc đẩy các hoạt động phát triển năng lực của GV.

- GV mỹ thuật không ngừng tự học, tự bồi dưỡng và thử nghiệm các giải pháp nâng cao năng lực sư phạm; đặc biệt là năng lực vận dụng các PPDH mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS tiểu học.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tuấn Nguyễn Bình, Võ Quốc Thạch, Nguyễn Thị Ngọc Bích (2007), *Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật, Dự án phát triển giáo viên tiểu học* - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, tr.40
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05/5/2006 ban hành chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt-Bi (2010), *Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2014 ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học*, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Tài liệu dạy học mỹ thuật dành cho giáo viên tiểu học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT, ngày 22/9/2016 ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014*, Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật*, Hà Nội.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 ban hành Quy định đánh giá học sinh Tiểu học*, Hà Nội.
10. Ung Thị Châu, Trịnh Thiệp (2009), *Mỹ thuật: Giáo trình dùng trong các trường sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. Ngô Bá Công (2008), *Giáo trình Mỹ thuật cơ bản*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Cường-Bernd Meier (2010), *Một số vấn đề chung về đổi mới phương pháp dạy học ở trường Trung học phổ thông - Dự án phát triển giáo viên THPT*, Berlin/ Hà Nội.

13. Bạch Ngọc Diệp (2017), *Một số năng lực chuyên biệt môn Mỹ thuật trong chương trình GDPT mới*”, Tạp chí Khoa học giáo dục, tr. 54-58.
14. Dự án Việt - Bỉ (2007), *Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng*, Nxb Đại học sư phạm
15. Trần Khánh Đức (chủ biên) (2019), *Quản lý đào tạo và quản trị nhà trường hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
16. Nguyễn Kế Hào (2005), *Giáo trình tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
17. Đặng Thành Hưng (2012), Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực, *Tạp chí Quản lý giáo dục* số 43, tháng 12.
18. Phạm Thị Thu Hương (2018), *Dạy học mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường tiểu học thực nghiệm*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.
19. Nguyễn Công Khanh (chủ biên) (2014), *Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm.
20. Đặng Bá Lãm (2015), Chương trình giáo dục hướng tới phát triển năng lực người học, *Tạp chí Quản lý Giáo dục* (Học viện Quản lý Giáo dục), Số đặc biệt tháng 4.
21. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2015), *Dạy học phát triển năng lực*. *Tạp chí quản lý giáo dục*, Học viện Quản lý giáo dục, Tháng 4.
22. Triệu Thị Minh Nguyệt (2017), *Phương pháp dạy học phân môn Vẽ tranh theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh ở trường Trung học cơ sở Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.
23. Vũ Thị Nho (2000), *Tâm lý học phát triển*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
24. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (2022), *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên, Sử dụng sách giáo khoa Mỹ thuật 3 Cánh Diều*.
25. Nhà xuất bản Giáo dục, *Sách giáo khoa Mỹ thuật 3*, Chân trời sáng tạo, bản 1.

26. Nhà xuất bản Giáo dục, *Sách giáo viên Mỹ thuật 3*, Chân trời sáng tạo, bản 1.
27. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT*, Hà Nội.
28. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2019), *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14*, ngày 14/6/2019, Hà Nội.
29. Nguyễn Quốc Toàn (2001), *Phương pháp giảng dạy mỹ thuật: Giáo trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở hệ Cao đẳng sư phạm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
30. Nguyễn Quốc Toàn, Triệu Khắc Lễ, Nguyễn Lăng Bình (2001), *Mỹ thuật và phương pháp dạy học, Giáo trình đào tạo giáo viên tiểu học hệ Cao đẳng sư phạm và Sư phạm 12+2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
31. Nguyễn Quốc Toàn, Hoàng Kim Tiến (2007), *Giáo trình phương pháp dạy học Mỹ thuật*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr.2
32. Nguyễn Quốc Toàn (2014), *Mỹ thuật và Phương pháp dạy học mỹ thuật*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
33. Hồ Văn Thủy (2008), *Bài giảng mỹ thuật: Phương pháp giảng dạy mỹ thuật*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
34. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (2019), *Hỏi đáp về chương trình GDPT*, Nxb Đại học Sư phạm.
35. Nguyễn Thu Tuấn (2007), Mối quan hệ giữa phương pháp phân tích hình ảnh trực quan trong giảng dạy mỹ thuật với sự phát triển tư duy sáng tạo của trẻ em, *Tạp chí Giáo dục* (173), tr. 37-38, Hà Nội.
36. Nguyễn Thanh Tùng (2017), *Nâng cao năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên Mỹ thuật-Góc nhìn từ bình diện văn hóa, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nâng cao năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông*, Nxb Đại học Huế.
37. Thái Duy Tuyên (2003), *Những vấn đề chung của giáo dục học*, Nxb Đại học Sư 16. phạm, tr11
38. *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb văn hóa thông tin 1998.

39. Trường Cao đẳng Lào Cai (2019), *Mỹ thuật học*, Giáo trình nội bộ đào tạo ngành Hội họa
40. Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn (2022), *Báo cáo tổng kết năm học 2021-2022*.
41. Nguyễn Quang Uẩn (2005), *Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

**NGUYỄN TIẾN SƠN**

**PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MĨ THUẬT THEO HƯỚNG**  
**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CHO HỌC SINH Ở**  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG KINH, THÀNH PHỐ LẠNG SƠN**

**PHỤ LỤC LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP HỌC BỘ MÔN MĨ THUẬT**  
**Khóa 8 (2019-2021)**

**Hà Nội, 2023**

## MỤC LỤC

Phụ lục 01: PHIẾU KHẢO SÁT VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MỸ THUẬT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC (Dành cho giáo viên).....	110
Phụ lục 02: BẢNG KIỂM TỔNG HỢP GIÁO VIÊN QUAN SÁT HỌC SINH ...	115
Phụ lục 03: BẢNG KIỂM TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ GIỜ .....	117
Phụ lục 04: DANH SÁCH HỌC SINH LỚP LỚP ĐỐI CHỨNG VÀ THỰC NGHIỆM.....	119
Phụ lục 05: KẾ HOẠCH BÀI HỌC THỂ LOẠI HỘI HỌA LỚP 3 (BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO) - 04 CHỦ ĐỀ.....	123
Phụ lục 06: RUBRIC ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC MỸ THUẬT CỦA HỌC SINH ...	145
Phụ lục 07: RUBRIC ĐÁNH GIÁ TRUNG BÀY SẢN PHẨM MỸ THUẬT CỦA HỌC SINH.....	146
Phụ lục 08: PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRANH VẼ THEO CHỦ ĐỀ CỦA HS .....	147
Phụ lục 09: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐẶC THÙ CỦA HỌC SINH....	148
Phụ lục 10: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRANH VẼ CỦA HỌC SINH TRƯỚC VÀ SAU THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM.....	150
Phụ lục 11: MỘT SỐ SẢN PHẨM VẼ TRANH CỦA HỌC SINH.....	152
Phụ lục 12: MỘT SỐ HÌNH ẢNH TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG KINH, THÀNH PHỐ LẠNG SƠN.....	159

**Phụ lục 01**  
**PHIẾU KHẢO SÁT VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC**  
**MỸ THUẬT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG**  
**LỰC CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC**  
 (Dành cho giáo viên)

Để phục vụ cho việc vận dụng các PPDH Mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực cho HS ở trường tiểu học, tác giả mong muốn nhận được ý kiến đóng góp của thầy/cô về những nội dung dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào hoặc viết những câu trả lời phù hợp.

**I. THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT**

1. Họ tên: (Không bắt buộc)
2. Chuyên ngành đào tạo:.....
3. Chuyên ngành giảng dạy:.....
4. Trình độ chuyên môn:  Cử nhân  Đại học  Thạc sĩ

**II. NỘI DUNG KHẢO SÁT**

1. Đánh giá nhận thức về vai trò của môn Mỹ thuật đối với sự phát triển năng lực học sinh tiểu học

TT	Vai trò và tác dụng	Mức độ		
		Không tác dụng	Ít tác dụng	Nhiều tác dụng
1	Hình thành và phát triển năng lực quan sát thẩm mỹ			
2	Hình thành và phát triển năng lực nhận thức thẩm mỹ			
3	Hình thành và phát triển năng lực sáng tạo thẩm mỹ			
4	Hình thành và phát triển năng lực ứng dụng thẩm mỹ			
5	Hình thành và phát triển năng lực phân tích thẩm mỹ			
6	Hình thành và phát triển năng lực đánh giá thẩm mỹ			
7	Hình thành và phát triển năng lực khác			

2. Đánh giá nhận thức về vai trò của các yếu tố trong Hội họa đối với sự phát triển năng lực HS tiểu học

TT	Nội dung	Mức độ		
		Không tác dụng	Ít tác dụng	Nhiều tác dụng
1	Ý tưởng			
2	Bố cục, kết cấu			
3	Đường nét, hình mảng			
4	Màu sắc			

3. Đánh giá sự yêu thích các thể loại môn Mỹ thuật của HS tiểu học

TT	Thể loại	Mức độ		
		Không thích	Bình thường	Thích
1	Lí luận và lịch sử mỹ thuật			
2	Hội họa			
3	Đồ họa (tranh in)			
4	Điêu khắc			
5	Thủ công			

4. Đánh giá sự yêu thích các hình thức trong thể loại Hội họa của HS tiểu học

TT	Hình thức	Mức độ		
		Không thích	Bình thường	Thích
1	Vẽ tranh theo mẫu			
2	Vẽ tranh theo chủ đề			
3	Vẽ tranh tự do			
4	Vẽ tranh theo các bài học			
5	Vẽ tranh tham gia cuộc thi			
6	Vẽ tranh theo sở thích			
7	Nội dung khác			



5. Đánh giá mức độ sử dụng PPDH mỹ thuật ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực HS

TT	Phương pháp dạy học	Mức độ		
		Không bao giờ	Đôi khi	Thường xuyên
1	Vấn đáp			
2	Thuyết trình			
3	Quan sát			
4	Trình bày trực quan			
5	Thực hành			
6	Trải nghiệm sáng tạo			
7	Dự án			
8	Hợp tác nhóm nhỏ			
9	Sử dụng tài liệu			
10	Tham quan học tập			
11	Giải quyết vấn đề			
12	Phương pháp khác			

6. Đánh giá mức độ sử dụng phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá trong môn Mỹ thuật của GV tiểu học

TT	Phương pháp, công cụ kiểm tra-đánh giá	Mức độ		
		Không bao giờ	Đôi khi	Thường xuyên
1	Sản phẩm (thành tựu)			
2	Vấn đáp			
3	Bảng kiểm			
4	Thang xếp hạng			
5	Rubric			
6	Hồ sơ học tập			
7	Dự án học tập			

8	Trắc nghiệm khách quan			
9	Quan sát			
10	Nhật ký học tập			
11	Phương pháp khác			

## 7. Đánh giá thực trạng năng lực mỹ thuật của HS tiểu học

STT	Năng lực	Mức độ				
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Quan sát thẩm mỹ					
2	Nhận thức thẩm mỹ					
3	Sáng tạo thẩm mỹ					
4	Ứng dụng thẩm mỹ					
5	Phân tích thẩm mỹ					
6	Đánh giá thẩm mỹ					
7	Năng lực khác					

## 8. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng vận dụng PPDH môn Mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực HS

STT	Yếu tố	Mức độ		
		Không ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Ảnh hưởng nhiều
1	Đặc trưng môn học, thể loại mỹ thuật			
2	Cơ sở vật chất, đồ dùng, thiết bị dạy học			
3	Năng lực sư phạm của GV			
4	Trình độ chuyên môn của GV			
5	Thái độ tích cực đổi mới PPDH của GV			
6	Quản lý của nhà trường, tổ chuyên môn			

7	Mức độ nhận thức của HS			
8	Khả năng, năng khiếu của HS			
9	Sự quan tâm, đầu tư của cha mẹ HS			
10	Tính tích cực học tập của HS			
11	Phong trào sáng tác và tổ chức các hoạt động trải nghiệm			
12	Yếu tố khác			

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của thầy/ cô!

**Phụ lục 02****BẢNG KIỂM TỔNG HỢP GIÁO VIÊN QUAN SÁT HỌC SINH**

Lớp:..... Trường: Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn

Ngày quan sát:.....

1. Đánh giá sự yêu thích các thể loại môn Mỹ thuật của HS tiểu học

TT	Thể loại	Mức độ		
		Không thích	Bình thường	Thích
1	Lí luận và lịch sử mỹ thuật			
2	Hội họa			
3	Đồ họa (tranh in)			
4	Điều khắc			
5	Thủ công			

2. Đánh giá sự yêu các hình thức trong thể loại Hội họa của HS tiểu học

TT	Hình thức	Mức độ		
		Không thích	Bình thường	Thích
1	Vẽ tranh theo mẫu			
2	Vẽ tranh theo chủ đề			
3	Vẽ tranh tự do			
4	Vẽ tranh theo các bài học			
5	Vẽ tranh tham gia cuộc thi			
6	Vẽ tranh theo sở thích			
7	Nội dung khác			

3. Đánh giá thực trạng năng lực mỹ thuật của HS tiểu học

STT	Năng lực	Mức độ				
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Quan sát thẩm mỹ					
2	Nhận thức thẩm mỹ					
3	Sáng tạo thẩm mỹ					

4	Ứng dụng thẩm mỹ					
5	Phân tích thẩm mỹ					
6	Đánh giá thẩm mỹ					
7	Năng lực khác					

Người quan sát (Ký, Họ tên)

**Phụ lục 03****BẢNG KIỂM TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ GIỜ**

Lớp:.....Trường: Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn

Giáo viên dạy:.....

Tên bài học:.....

Thời gian dạy:.....

1. Đánh giá mức độ sử dụng các PPDH mỹ thuật ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực HS

TT	Phương pháp dạy học	Mức độ		
		Không bao giờ	Đôi khi	Thường xuyên
1	Vấn đáp			
2	Thuyết trình			
3	Quan sát			
4	Trình bày trực quan			
5	Thực hành			
6	Trải nghiệm sáng tạo			
7	Dự án			
8	Thảo luận nhóm			
9	Sử dụng tài liệu			
10	Tham quan học tập			
11	Giải quyết vấn đề			
12	Phương pháp khác			

2. Đánh giá mức độ sử dụng phương pháp, công cụ kiểm tra-đánh giá trong môn Mỹ thuật của GV tiểu học

TT	Phương pháp, công cụ kiểm tra-đánh giá	Mức độ		
		Không bao giờ	Đôi khi	Thường xuyên
1	Sản phẩm (thành tựu)			
2	Vấn đáp			
3	Bảng kiểm			

4	Thang xếp hạng			
5	Rubric			
6	Hồ sơ học tập			
7	Dự án học tập			
8	Trắc nghiệm khách quan			
9	Quan sát			
10	Nhật ký học tập			
11	Phương pháp khác			

Người dự giờ

(Ký, Họ tên)

**Phụ lục 04****DANH SÁCH HỌC SINH LỚP LỚP ĐỐI CHỨNG VÀ THỰC NGHIỆM****Lớp đối chứng: Lớp 3A3**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc
1	Nguyễn Hà An	17/11/2014	Nữ	Tày
2	Bùi Duy Anh	16/09/2014	Nam	Kinh
3	Đào Việt Anh	13/04/2014	Nam	Kinh
4	Lục Hà Anh	17/05/2014	Nữ	Nùng
5	Bùi Minh Nguyên Bảo	23/12/2014	Nam	Tày
6	Dương Thị Bảo Trâm	27/06/2014	Nữ	Tày
7	Vi Ngọc Bích	10/08/2014	Nữ	Tày
8	Trịnh Hoàng Phương Doanh	02/09/2014	Nữ	Kinh
9	Nguyễn Việt Dũng	27/08/2014	Nam	Kinh
10	Hoàng Hải Đăng	18/11/2014	Nam	Tày
11	Lê Đức Giang	06/06/2014	Nam	Kinh
12	Nguyễn Ngọc Hà	04/06/2014	Nữ	Tày
13	Lê Ngọc Hân	24/10/2014	Nữ	Nùng
14	Lý Gia Hân	06/08/2014	Nữ	Nùng
15	Nguyễn Gia Hân	26/10/2014	Nữ	Kinh
16	Đình Triệu Bảo Hoàng	04/08/2014	Nam	Tày
17	Ngô Quang Huy	25/09/2014	Nam	Tày
18	Nguyễn Thu Hương	19/01/2014	Nữ	Kinh
19	Hoàng Anh Khoa	11/09/2014	Nam	Nùng
20	Hoàng Ngọc Linh	08/06/2014	Nữ	Nùng
21	Lương Kim Long	01/08/2014	Nam	Nùng
22	Hoàng Nhật Minh	23/10/2014	Nam	Nùng
23	Hoàng Thiên Mỹ	18/09/2014	Nữ	Tày
24	Hoàng Kim Ngân	20/01/2014	Nữ	Sán Chay



25	Vũ Thị Kim Ngân	17/10/2014	Nữ	Nùng
26	Nguyễn Ngọc Bình Nguyên	05/05/2014	Nam	Nùng
27	Trần Minh Nhật	12/02/2014	Nam	Kinh
28	Lương Quang Nhật	25/07/2014	Nam	Nùng
29	Hoàng Quý Phước	12/02/2014	Nam	Nùng
30	Tô Ngọc Quang	20/12/2014	Nam	Kinh
31	Hà Trọng Quý	11/07/2014	Nam	Nùng
32	Phạm Hoàng Quý	28/03/2014	Nam	Kinh
33	Hoàng Tiến Sang	09/12/2014	Nam	Nùng
34	Lê Minh Thảo	22/05/2014	Nữ	Kinh
35	Lương Bách Thịnh	23/10/2014	Nam	Nùng
36	Nông Thị Hương Trà	10/11/2014	Nữ	Tày
37	Đỗ Xuân Trường	27/11/2014	Nam	Kinh
38	Lý Hoàng Vi	12/11/2014	Nữ	Nùng

**Lớp thực nghiệm: Lớp 3A5**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc
1	Nguyễn Mạc Thiên An	14/09/2014	Nam	Kinh
2	Bùi Vũ Minh Anh	04/02/2014	Nam	Kinh
3	Bùi Bảo Anh	22/09/2014	Nữ	Tày
4	Hà Đức Anh	28/06/2014	Nam	Tày
5	Lê Phương Anh	05/07/2014	Nữ	Kinh
6	Nguyễn Minh Anh	11/10/2014	Nữ	Kinh
7	Lô Minh Châu	06/09/2014	Nữ	Nùng
8	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	16/04/2014	Nữ	Tày
9	Trần Tuấn Cường	23/06/2014	Nam	Tày
10	Trình Nghi Dung	22/08/2014	Nữ	Nùng
11	Nguyễn Minh Dũng	25/11/2014	Nam	Tày
12	Nguyễn Tiến Đạt	10/02/2014	Nam	Kinh
13	Vũ Minh Hà	22/11/2014	Nữ	Tày
14	Long Gia Hân	06/10/2014	Nữ	Nùng
15	Hoàng Mạnh Hùng	15/11/2014	Nam	Nùng
16	Hoàng Mạnh Huy	23/11/2014	Nam	Tày
17	Chu Nguyễn Đại Khang	01/12/2014	Nam	Tày
18	Đoàn Bảo Khang	26/08/2014	Nam	Tày
19	Nguyễn Nam Khánh	06/11/2013	Nam	Kinh
20	Trương Đăng Khoa	19/03/2014	Nam	Tày
21	Lương Bá Khôi	23/06/2014	Nam	Tày
22	Hoàng Trần Kiên	16/02/2014	Nam	Tày
23	Đặng Dương Long	28/09/2014	Nam	Kinh
24	Phan Nhật Long	13/07/2014	Nam	Nùng
25	Đặng Tuyết Mai	28/08/2014	Nữ	Tày
26	Võ Triệu Quan Nam	25/12/2014	Nam	Kinh

27	Lương Hà Khánh Ngân	05/04/2014	Nữ	Nùng
28	Lê Minh Ngọc	21/08/2014	Nữ	Tày
29	Trần Thảo Nhi	14/02/2014	Nữ	Nùng
30	Chu Vũ Thạch Phong	30/05/2004	Nam	Tày
31	Nguyễn Văn Quân	04/06/2004	Nam	Kinh
32	Nguyễn Văn Sơn	02/07/2014	Nam	Kinh
33	Ngô Hứa Phương Thảo	04/08/2014	Nữ	Nùng
34	Dương Đình Tiến	03/07/2014	Nam	Kinh
35	Đào Anh Trúc	01/08/2014	Nữ	Kinh
36	Hà Anh Tuấn	22/04/2014	Nam	Nùng
37	Trình Nhật Tuệ	20/06/2014	Nữ	Nùng
38	Nông Ngọc Khánh Vy	13/05/2014	Nữ	Tày
39	Vương Thị Hải Yên	06/05/2014	Nữ	Kinh
40	Luân Hà Anh Tuấn	30/10/2014	Nam	Nùng

## Phụ lục 05

### KẾ HOẠCH BÀI HỌC THỂ LOẠI HỘI HỌA LỚP 3 (BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO) - 04 CHỦ ĐỀ

#### CHỦ ĐỀ 2: MÙA THU QUÊ EM

#### Bài 3: Phong cảnh mùa thu (Thời lượng: 02 tiết)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Mức độ, yêu cầu cần đạt

- Nêu được cách sử dụng màu của vật liệu tự nhiên tạo sản phẩm mỹ thuật.
- Tạo được bức tranh phong cảnh từ lá cây và các vật liệu tự nhiên.
- Chỉ ra được chất cảm bề mặt trong sản phẩm mỹ thuật.
- Chia sẻ được cảm xúc về màu sắc trong sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

#### 2. Năng lực đặc thù

- Quan sát, nhận biết sản phẩm mỹ thuật được tạo ra từ lá cây như: hình ảnh sản phẩm, hình thức, màu sắc, chất liệu tạo ra sản phẩm.

- Sáng tạo được bức tranh phong cảnh từ lá cây và các vật liệu tự nhiên.

- Nhận biết được chất cảm bề mặt trong sản phẩm mỹ thuật để tranh trí, biểu đạt được ý tưởng trong bức tranh.

- Phân tích, đánh giá ý tưởng, cảm nhận về sản phẩm bức tranh phong cảnh từ lá cây và các vật liệu tự nhiên

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Đối với GV:** SGK, SGV, kế hoạch bài học; Tranh ảnh về tranh lá cây; 1 số lá cây có hình dáng, màu sắc khác nhau; sản phẩm mẫu; phiếu học tập, video clip, máy tính, màn hình ti vi,...

**2. Đối với HS:** SG, VBT, màu, giấy thủ công, hồ dán, kéo, tẩy, bút chì, lá cây rụng, ...

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Tiết 1:

**1. Hoạt động 1 (Khám phá): Khám phá sản phẩm mỹ thuật được tạo từ vật liệu thiên nhiên**

\* Mục tiêu: Nêu được cách sử dụng màu của vật liệu tự nhiên tạo sản

phẩm mỹ thuật.

\* Nhiệm vụ của GV: Tổ chức cho HS quan sát các sản phẩm mỹ thuật được tạo từ lá cây để tìm hiểu về các hình ảnh trong sản phẩm và hình thức, màu sắc, chất liệu tạo sản phẩm.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Quan sát, vấn đáp, hợp tác nhóm nhỏ, động não, chia nhóm. Phương pháp, công cụ đánh giá: câu hỏi, nhận xét, phiếu học tập.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Tổ chức cho HS quan sát video clip bài hát “Mùa thu Hà Nội”, sáng tác của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

+ Yêu cầu HS kể tên các hình ảnh xuất hiện trong bài hát; nêu cảm nhận về mùa thu Hà Nội. GV có thể sử dụng kỹ thuật động não để HS nêu ý kiến một cách tự nhiên về một số kiến thức tự nhiên và xã hội về mùa thu.

+ GV chốt lại nội dung và giới thiệu về bài học.

- Tổ chức cho HS quan sát các sản phẩm mỹ thuật được tạo từ lá cây để tìm hiểu về hình ảnh, màu sắc, chất liệu tạo ra sản phẩm.

+ Sử dụng kỹ thuật chia nhóm (04 nhóm), trong đó: nhóm 1 và 2 quan sát bức tranh 01, nhóm 3 và 4 quan sát bức tranh 02. Kết quả thảo luận nhóm điền vào phiếu học tập GV đã phát cho HS. Trong đó, mỗi bức tranh phải chỉ ra được: Cách tạo ra sản phẩm; chất liệu, màu sắc.

+ HS thảo luận nhóm trong thời gian 03 phút với câu hỏi gợi ý như sau: Sản phẩm mỹ thuật thể hiện nội dung gì? Hình ảnh chính của sản phẩm mỹ thuật là gì? Sản phẩm mỹ thuật được tạo nên từ chất liệu gì? Màu sắc của sản phẩm mỹ thuật có điều gì đặc biệt? Hình thức thể hiện của mỗi sản phẩm như thế nào?

+ Yêu cầu nhóm 1 và 3 trình bày, nhóm 2 và 4 nhận xét, bổ sung. GV nhận xét, tóm tắt nội dung, biểu dương HS và các nhóm tích cực, làm việc tốt.

+ Yêu cầu HS ghi nhớ: Lá cây khô đã rụng cũng là vật liệu để tạo sản phẩm mỹ thuật. Sản phẩm mỹ thuật được tạo nên từ lá khô có màu sắc đặc trưng của từng chiếc lá: vàng úa, nâu, đỏ đùn,...

**2. Hoạt động 2 (Kiến tạo kiến thức - kĩ năng): Cách tạo sản phẩm mỹ**

### **thuật từ lá cây**

\* Mục tiêu: Biết được các bước và cách thức tạo bức tranh phong cảnh từ lá cây và các vật liệu tự nhiên.

\* Nhiệm vụ của GV: Tổ chức cho HS quan sát, tìm hiểu hình minh họa trong SGK để nhận biết, ghi nhớ các bước thực hiện tạo sản phẩm mỹ thuật từ lá cây.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Quan sát, trình bày trực quan (thị phạm làm mẫu kết hợp với giảng giải), vấn đáp, thảo luận theo cặp, thực hành. Phương pháp, công cụ đánh giá: câu hỏi, nhận xét, làm bài tập.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Yêu cầu HS quan sát trên màn hình hoặc hình trong SGK trang 23; thảo luận cặp theo các câu hỏi sau: Theo nhóm con có mấy bước để tạo được sản phẩm mỹ thuật từ lá cây? Tạo hình ảnh chính cho sản phẩm được thực hiện ở bước nào? Hoàn thiện sản phẩm mỹ thuật từ lá cây bằng cách nào?

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi, có nhận xét bổ sung. GV chốt lại các bước tạo ra sản phẩm mỹ thuật từ lá cây như sau:

Bước 1: Chọn lá cây có hình, màu phù hợp với ý tưởng sản phẩm mỹ thuật.

Bước 2: Sắp xếp và dán lá cây để tạo hình ảnh chính của sản phẩm mỹ thuật.

Bước 3: Chọn và dán lá cây tạo thêm cảnh vật xung quanh để hoàn thiện sản phẩm mỹ thuật.

- GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS trả lời: Em có nhận xét gì về tác dụng của hình dáng, màu sắc và chất cảm trên bề mặt của lá cây?

- GV nhận xét và rút ra ghi nhớ: Hình dáng, màu sắc, chất cảm trên bề mặt của lá cây có thể sử dụng để tạo bức tranh theo ý thích.

- Yêu cầu HS quan sát GV làm mẫu để nhận thức cách tạo sản phẩm.

- Gọi HS nhắc lại các bước tạo sản phẩm mỹ thuật từ lá cây; Tóm tắt để HS ghi nhớ: Hình dáng, màu sắc, chất cảm trên bề mặt của lá cây có thể sử dụng để tạo bức tranh theo ý thích.

- Yêu cầu HS làm Bài tập 1 trong VBT trang 12: Quan sát hình và điền các thông tin.

## Tiết 2

### **3. Hoạt động 3 (Luyện tập - sáng tạo): Tạo sản phẩm mỹ thuật từ lá cây**

\* Mục tiêu: Tạo được bức tranh phong cảnh từ lá cây và các vật liệu tự nhiên.

\* Nhiệm vụ của GV: Hướng dẫn, hỗ trợ HS thực hiện các thao tác tạo sản phẩm mỹ thuật với vật liệu từ lá cây.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Giảng giải, vấn đáp, thực hành tạo sản phẩm mỹ thuật, giải quyết vấn đề. Phương pháp, công cụ đánh giá: Câu hỏi, nhận xét, quan sát, bảng kiểm về mức độ tham gia của HS.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- GV sử dụng PPDH giải quyết vấn đề yêu cầu mỗi HS phải tạo được 01 bức tranh Phong cảnh mùa thu có sử dụng lá cây. Sử dụng phương pháp đặt câu hỏi và giảng giải để gợi mở, hướng dẫn HS tạo ra sản phẩm mỹ thuật. Cụ thể: Yêu cầu HS phân loại lá cây đã tìm được trước đó theo các màu sắc riêng biệt. Hướng dẫn HS xác định hình ảnh phong cảnh sẽ thực hiện; chú ý đến dạy học phân hóa. Khuyến khích HS lựa chọn và phối màu linh hoạt theo ý thích.

Sử dụng câu hỏi gợi mở: Em sẽ lựa chọn những chiếc lá nào để tạo ra sản phẩm? Lá cây đó gợi cho em hình ảnh về cảnh vật gì? Ở đâu? Em sẽ sử dụng lá có hình và màu như thế nào cho hình ảnh chính? Lá cây nào được sử dụng tạo hình ảnh phụ? Em muốn thêm chi tiết gì cho sản phẩm sinh động hơn?

- Trong quá trình HS tạo sản phẩm mỹ thuật từ lá cây, GV có thể mở nhẹ nhạc bài hát “Mùa thu Hà Nội” để HS có cảm xúc về mùa thu, tạo sự sáng tạo cho các em.

- GV nêu lưu ý cho HS: Có thể cắt tia lá phù hợp với ý tưởng khi thực hiện.

### **4. Hoạt động 4 (Phân tích - đánh giá): Trưng bày sản phẩm và chia sẻ**

\* Mục tiêu: Chia sẻ về ý tưởng, cách tạo ra sản phẩm; chất liệu, màu sắc và chất cảm trên bề mặt sản phẩm từ lá cây.

\* Nhiệm vụ của GV: Hướng dẫn HS trình bày sản phẩm mỹ thuật; tổ chức cho HS quan sát, chia sẻ về chất liệu, màu sắc và chất cảm trên bề mặt sản phẩm.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Thực hành trình bày, vấn đáp, đặt câu hỏi. Phương pháp, công cụ đánh giá: Luân phiên, đánh giá đồng đẳng, tự đánh giá, Rubric để đánh giá sản phẩm, năng lực mỹ thuật.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Tổ chức cho HS trưng bày và giới thiệu về sản phẩm với các bạn trong lớp.

- Gợi ý cho HS chia sẻ và trình bày cảm nhận của cá nhân về màu sắc, chất cảm trên bề mặt và điểm nhấn trong sản phẩm mỹ thuật làm từ lá cây. Nêu câu hỏi cho HS thảo luận để nhận biết thêm về vẻ đẹp của chất liệu tạo nên bề mặt tác phẩm. Gợi ý HS trao đổi và thảo luận các cách để hoàn thiện sản phẩm. Một số câu hỏi gợi ý: Em ấn tượng với sản phẩm nào nhất? Vì sao? Màu sắc chủ đạo của sản phẩm là màu gì? Những hình ảnh, tạo hình mà con thấy thú vị trong sản phẩm? Em có ấn tượng gì về chất cảm trên bề mặt của các hình ảnh trong sản phẩm? Em sẽ điều chỉnh thêm gì để sản phẩm của mình hoặc của bạn hoàn thiện hơn?

- GV yêu cầu HS tự đánh giá bài tập của mình trong VBT; nhận xét, khen ngợi HS có sản phẩm đẹp; động viên HS có sản phẩm chưa đẹp để lần sau làm tốt hơn.

- GV sử dụng Rubric để đánh giá năng lực mỹ thuật và sản phẩm của HS.

### **5. Hoạt động 5 (Vận dụng - phát triển): Tìm hiểu màu sắc trong tranh của họa sĩ**

\* Mục tiêu: Mở rộng vốn hiểu biết về các tác phẩm nghệ thuật của các họa sĩ, từ đó phát triển năng lực phân tích, đánh giá và sáng tạo nghệ thuật.

\* Nhiệm vụ của GV: Tổ chức cho HS quan sát tranh và tìm hiểu màu sắc đặc trưng của mùa thu trong tác phẩm “Mùa thu vàng” của họa sĩ Lê-vi-tan (Nga).

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Quan sát, vấn đáp gợi mở, trò chơi tiếp sức. Phương pháp, công cụ đánh giá: câu hỏi, nhận xét, khuyến khích,...

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- GV chia lớp thành 02 nhóm lớn (theo dãy bàn), tổ chức trò chơi tiếp sức



để chỉ ra hình ảnh, màu sắc và cảm nhận về bức tranh. Cách thức thực hiện: Cho HS quan sát bức tranh Mùa thu vàng (1895) của họa sĩ Lê-vi-tan. Yêu cầu HS mỗi nhóm chỉ ra hình ảnh và màu sắc của bức tranh cho đến khi HS không trả lời được nữa.

- Các câu hỏi gợi mở như sau: Bức tranh mùa thu vàng có những hình ảnh nào? Màu sắc chủ đạo trong tranh là màu gì? Bức tranh có điểm gì thú vị và hấp dẫn em? Mùa thu trong tranh có điểm gì giống và khác mùa thu ở quê hương em?

- GV tóm tắt để HS ghi nhớ: Cây lá mùa thu có vẻ đẹp bởi sự thay đổi của cảnh sắc thiên nhiên thường được thể hiện trong tranh với hòa sắc ấm áp.

- GV nhận xét về tiết học.

### **Nhiệm vụ về nhà:**

- Yêu cầu mỗi HS tự tạo ra phẩm mỹ thuật từ lá cây theo chủ đề Phong cảnh mùa thu vào buổi sáng, chiều hoặc trong vườn cây, trên đường phố,... (thi vẽ tranh tại nhà dưới dạng dự án học tập). Sản phẩm được trưng bày tại lớp trong tiết học đầu tiên của chủ đề 3. Mái ấm gia đình.

- Quan sát kỹ chân dung 01 người thân trong gia đình mà em yêu quý nhất và lựa chọn 01 bức ảnh đẹp nhất của người ấy để mang đến lớp trong buổi học tiếp theo.

## **CHỦ ĐỀ 3: MÁI ẤM GIA ĐÌNH**

### **Bài 2: Người em yêu quý (Thời lượng: 02 tiết)**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mức độ, yêu cầu cần đạt**

- Nêu được các kết hợp nét, hình màu trong vẽ chân dung.
- Vẽ được bức tranh chân dung thể hiện được đặc điểm riêng của người thân.
- Chỉ ra được sự hài hòa, cân đối và tỉ lệ trong bài vẽ chân dung.
- Chia sẻ được tình cảm đối với người thân trong gia đình.

##### **2. Năng lực đặc thù**

- Quan sát, nêu được các kết hợp nét, hình màu trong vẽ chân dung.
- Sử dụng đường, nét, hình, khối, màu để tạo sản phẩm mỹ thuật thể hiện rõ đặc điểm chân dung của người thân.

- Tao được sự hài hòa, cân đối và tỉ lệ trong bài vẽ chân dung.
- Trưng bày sản phẩm mỹ thuật và chia sẻ tình cảm đối với người thân trong gia đình.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Đối với GV:** SGK, SGV, kế hoạch bài học; Tranh, ảnh, đoạn video có hình ảnh những người thân trong gia đình; máy vi tính, màn hình ti vi;...

**2. Đối với HS:** SGK, VBT, giấy vẽ, bút chì, tẩy, màu vẽ,..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### Tiết 1:

#### **1. Hoạt động 1 (Khám phá): Tìm hiểu đặc điểm khuôn mặt người thân trong gia đình**

\* Mục tiêu: Quan sát, gợi nhớ và chia sẻ về đặc điểm riêng trên khuôn mặt của người thân trong gia đình.

\* Nhiệm vụ của GV: Khuyến khích HS nhớ lại và chia sẻ về đặc điểm riêng trên khuôn mặt người thân trong gia đình.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Quan sát, trình bày trực quan, vấn đáp, thảo luận theo cặp. Phương pháp, công cụ đánh giá: Câu hỏi, nhận xét.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Tổ chức cho HS quan sát video clip bài hát “Ba ngọn nến lung linh”, sáng tác của nhạc sĩ Ngọc Lễ.

+ Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Trong bài hát có hình ảnh của ai? Con yêu quý ai trong gia đình nhất? Đồng thời dùng kỹ thuật động não để HS nêu thêm những thành viên khác trong gia đình và tình cảm của bản thân đối với mọi người.

+ GV chốt lại nội dung và giới thiệu về bài học.

- Khởi gợi để HS thảo luận theo cặp và chia sẻ về những hình ảnh ấn tượng về người thân. Khuyến khích HS chia sẻ với bạn về hình dáng, đặc điểm riêng trên khuôn mặt và kiểu tóc, trang phục của người đó.

- Câu hỏi gợi mở: Em ấn tượng về hình ảnh của ai trong gia đình? Người đó có khuôn mặt, kiểu tóc, màu tóc hình dáng thế nào? Người đó thường mặc trang phục như thế nào?

\* GV gọi đại diện 2-3 nhóm kết quả đã thảo luận; tóm tắt để HS ghi nhớ.

## **2. Hoạt động 2 (Kiến tạo kiến thức - kĩ năng): Cách vẽ tranh chân dung chính diện**

\* Mục tiêu: HS biết quan sát hình ảnh và chỉ ra được các bước vẽ chân dung chính diện

\* Nhiệm vụ của GV: Hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK, thảo luận và chỉ ra các bước vẽ tranh chân dung chính diện.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Quan sát, trình bày trực quan (thị phạm làm mẫu kết hợp với giảng giải), vấn đáp, thực hành. Phương pháp, công cụ đánh giá: Quan sát, câu hỏi, bài tập.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Yêu cầu HS quan sát trên màn hình hoặc (hình trong SGK trang 31), thảo luận nhóm theo các câu hỏi sau: Theo con có những bước nào để vẽ tranh chân dung chính diện? Vị trí của tai và mắt được xác định như thế nào? Bước nào vẽ chi tiết cho khuôn mặt? Vẽ màu là bước mấy khi vẽ tranh chân dung?

- Khuyến khích HS trả lời câu hỏi để nhận biết và ghi nhớ các bước vẽ tranh chân dung.

- Thao tác mẫu các bước vẽ tranh cho HS quan sát và ghi nhớ, gồm:

Bước 1: Vẽ phác hình dạng khuôn mặt của nhân vật.

Bước 2: Vẽ phác đường dọc và đường ngang đi qua chính giữa khuôn mặt.

Bước 3: Xác định vị trí của mắt và tai dựa trên đường ngang.

Bước 4: Xác định vị trí mũi và miệng dựa trên đường dọc.

Bước 5: Vẽ chi tiết và đặc điểm của nhân vật.

Bước 6: Vẽ màu hoàn thiện bài vẽ.

- GV tóm tắt để học sinh ghi nhớ: Khi vẽ chân dung chính diện, vị trí các bộ phận của khuôn mặt có thể xác định bằng sự cân đối qua các đường trục.

- Yêu cầu HS làm Bài tập 1 VBT trang 16: Vẽ đường trục và các bộ phận cho mỗi khuôn mặt dưới đây.

**Tiết 2****3. Hoạt động 3 (Luyện tập - sáng tạo): Vẽ chân dung người em yêu quý**

\* Mục tiêu: Vẽ được bức tranh chân dung thể hiện được đặc điểm riêng của người thân đảm bảo được sự hài hòa, cân đối và tỉ lệ trong bài vẽ chân dung.

\* Nhiệm vụ của GV: Khuyến khích HS lựa chọn người yêu quý trong gia đình có đặc điểm dễ nhận biết để vẽ; Khởi gợi để HS chia sẻ về đặc điểm riêng đáng nhớ của người sẽ vẽ.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Giảng giải, vấn đáp, thực hành tạo sản phẩm mỹ thuật, giải quyết vấn đề. Phương pháp, công cụ đánh giá: Câu hỏi, nhận xét, quan sát, bảng kiểm về mức độ tham gia của HS.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Yêu cầu HS quan sát trên màn hình hoặc (hình trong SGK trang 32), trả lời các câu hỏi: Em sẽ vẽ chân dung ai? Đặc điểm đáng nhớ của người đó là gì? Em thích vẽ chân dung tới ngang vai hay nửa người? Màu sắc con sử dụng để thể hiện chân dung người thân như thế nào? Em cần vẽ thêm gì để bài vẽ sinh động hơn? Cho HS xem bài vẽ tham khảo để có ý tưởng sáng tạo cho bài của mình.

- Khuyến khích HS sử dụng kiến thức toán học để ước lượng về khung hình và các bộ phận cơ thể của người thân cho cân đối. Trong quá trình HS vẽ chân dung người thân, GV có thể mở nhẹ nhạc bài hát “Ba ngọn nến lung linh” để HS có cảm xúc về người thân trong gia đình để tạo sự sáng tạo cho các em.

- Yêu cầu HS làm bài tập 2 VBT trang 16: Vẽ chân dung chính diện người em yêu quý vào trang 17. Hướng dẫn HS xác định vị trí, tỉ lệ, hình thức chân dung sẽ thể hiện và cách vẽ màu chủ đạo trong bài vẽ.

- Khuyến khích HS tham khảo sản phẩm minh họa để có ý tưởng riêng. Hỗ trợ HS khi cần thiết.

- GV lưu ý: Có thể vẽ hình chân dung với các góc nhìn khác nhau, tô màu cho sinh động.

**4. Hoạt động 4 (Phân tích - đánh giá): Trưng bày sản phẩm và chia sẻ**

\* Mục tiêu: Trưng bày, thảo luận và chia sẻ bài vẽ để củng cố kiến thức, phát triển ý tưởng, hoàn thiện sản phẩm; đảm bảo được sự hài hòa, cân đối và tỉ lệ trong bài vẽ chân dung.

\* Nhiệm vụ của GV: Tổ chức cho HS trưng bày, thảo luận và chia sẻ bài vẽ của mình, của bạn để củng cố kiến thức và phát triển ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: thực hành trình bày, vấn đáp gợi mở, đánh giá luân phiên; Phương pháp, công cụ đánh giá: Luân phiên, đánh giá đồng đẳng, tự đánh giá, Rubric để đánh giá sản phẩm, năng lực mỹ thuật.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Khuyến khích HS trưng bày bài vẽ theo nhóm (nhóm bài vẽ của người, ngang vai hoặc nhóm vẽ nhân vật già, trẻ) và chia sẻ cảm nhận về: Bài vẽ yêu thích; Nét, hình, màu tạo biểu cảm của chân dung; Điểm đáng yêu của nhân vật thể hiện trong bài vẽ.

- Khuyến khích HS nêu ý tưởng điều chỉnh để bài vẽ hoàn thiện hơn.

- GV yêu cầu HS tự đánh giá bài tập của mình trong VBT; nhận xét, khen ngợi HS có sản phẩm đẹp; động viên HS có sản phẩm chưa đẹp để lần sau làm tốt hơn.

- GV sử dụng Rubric để đánh giá năng lực mỹ thuật và sản phẩm của HS.

### **5. Hoạt động 5 (Vận dụng - phát triển): Tìm hiểu màu sắc trong tranh của họa sĩ**

\* Mục tiêu: Mở rộng vốn hiểu biết về các tác phẩm nghệ thuật của các họa sĩ, từ đó phát triển năng lực phân tích, đánh giá và sáng tạo nghệ thuật; cảm nhận được cách sử dụng màu trong bức tranh Em Thúy.

\* Nhiệm vụ của GV: Cho HS quan sát tác phẩm “Em Thúy” của cố họa sĩ Trần Văn Cẩn và cung cấp nội dung tranh. Tổ chức cho HS thảo luận về cách sử dụng màu chủ đạo, độ đậm, nhạt trong tranh.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Quan sát, vấn đáp gợi mở, trò chơi tiếp sức. Phương pháp, công cụ đánh giá: câu hỏi, nhận xét, khuyến khích,...

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Yêu cầu HS quan sát trên màn hình: (Tranh trong SGK trang 33): Tranh “Em Thúy”; Tác giả: Trần Văn Cẩn (1910-1994); Năm sáng tác: 1943; Chất liệu: sơn dầu; Nguồn: Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, trả lời các câu hỏi sau: Em đã xem bức tranh này ở đâu chưa? Em thấy bức tranh “Em Thúy” sử dụng những màu nào? Màu chủ đạo trong tác phẩm là màu cơ bản hay màu thứ cấp? Độ đậm, nhạt được họa sĩ thể hiện trong tranh như thế nào?

- GV tóm tắt để học sinh ghi nhớ về tác phẩm và ghi nhớ khi vẽ tranh chân dung là một cách thể hiện tình cảm của người vẽ với người mình yêu mến.

#### **Nhiệm vụ về nhà:**

- Yêu cầu HS về nhà hoàn thiện bản vẽ chân dung. Thi vẽ tranh chân dung tại nhà dưới dạng dự án học tập). Sản phẩm được trưng bày tại lớp trong tiết học đầu tiên của chủ đề 4. Góc học tập của em.

- Quan sát cảnh sinh hoạt gia đình, những người thân và lựa chọn 01 bức ảnh đẹp nhất của gia đình để mang đến lớp trong buổi học tiếp theo.

## **CHỦ ĐỀ 5. KHU VƯỜN NHỎ**

### **Bài 3. Khu vườn kỳ diệu (thời lượng: 02 tiết)**

#### **I. MỤC TIÊU:**

##### **1. Mức độ, yêu cầu cần đạt**

- Nêu được cách tưởng tượng và sáng tạo bức tranh từ hình cắt côn trùng.  
- Tạo được bức tranh “Khu vườn kỳ diệu” với hình côn trùng có sẵn.  
- Chỉ ra được hình ảnh trọng tâm, sự sắp xếp hài hòa về hình và màu trong sản phẩm.

- Chia sẻ được cảm nhận về vẻ đẹp của thiên nhiên trong cuộc sống và trong tranh.

##### **2. Năng lực đặc thù**

- Quan sát sản phẩm mẫu, nêu được ý tưởng bức tranh từ hình cắt côn trùng.  
- Sáng tạo được bức tranh “Khu vườn kỳ diệu” với hình côn trùng có sẵn.  
- Nhận biết được chất cảm bề mặt trong sản phẩm mỹ thuật để tranh trí, biểu đạt được ý tưởng cho bức tranh “Khu vườn kỳ diệu”

- Trưng bày sản phẩm; phân tích, đánh giá ý tưởng, cảm nhận về bức tranh “Khu vườn kỳ diệu” với hình côn trùng có sẵn.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Đối với GV:** Kế hoạch bài học, SGK, SGV; Tranh, ảnh chụp một số loài côn trùng, Video về một số loại côn trùng (nếu có), sản phẩm mẫu, máy tính, màn hình ti vi,...

**2. Đối với HS:** SGK, VBT, bút chì, tẩy, giấy vẽ, màu, hình in côn trùng đã thực hiện ở bài học trước hoặc hình côn trùng sưu tầm,...

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### Tiết 1:

#### 1. Hoạt động 1 (Khám phá): Cắt hình côn trùng

\* Mục tiêu: Nêu được cách tưởng tượng và sáng tạo bức tranh từ hình cắt côn trùng.

\* Nhiệm vụ của GV: Hướng dẫn HS quan sát, lựa chọn và cắt hình côn trùng đã thực hiện ở bài trước hoặc hình sưu tầm được; Gợi ý cho HS lựa chọn những con côn trùng có hình dáng, kích thước đa dạng và hướng dẫn HS các kỹ thuật cắt.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Quan sát, vấn đáp, thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, chia nhóm cặp đôi, khăn trải bàn. Phương pháp, công cụ đánh giá: Câu hỏi, nhận xét, phiếu học tập.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Cho HS quan sát video clip bài hát “Con cào cào”, sáng tác của nhạc sĩ Khánh Vinh để gây hứng thú cho HS.

- GV cho HS xem video (hoặc tranh ảnh) về khu vườn có các loài côn trùng sinh sống. Sau đó đặt câu hỏi: Con thấy video (hoặc tranh ảnh) có những hình ảnh gì? Những hình ảnh ấy có đẹp không? Sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn để thể hiện ý kiến cá nhân và nhóm. GV chốt lại nội dung và giới thiệu về bài học.

- GV yêu cầu HS quan sát trên màn hình hoặc trang 58 trong SGK và trả lời các câu hỏi sau: Em lựa chọn những hình côn trùng nào để sử dụng cho bức

tranh? Vì sao? Những con côn trùng đó có hình dáng, màu sắc như thế nào? Hãy giới thiệu thêm về con côn trùng khác mà con biết?

- GV hướng dẫn HS quan sát, lựa chọn hình những con côn trùng có hình dáng, kích thước đa dạng và cắt hình côn trùng đã thực hiện ở bài trước hoặc hình sưu tầm được. HS chia sẻ những trải nghiệm của mình, những câu chuyện về các con côn trùng có trong khu vườn mà các em biết.

## **2. Hoạt động 2 (Kiến tạo kiến thức - kĩ năng): Cách tạo bức tranh với hình in côn trùng**

\* Mục tiêu: Biết được quy trình (các bước) và cách thức tạo được bức tranh với hình in côn trùng.

\* Nhiệm vụ của GV: Hướng dẫn HS quan sát, tìm hiểu hình minh họa để chỉ ra các bước thực hiện bức tranh với hình in côn trùng có sẵn.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Phương pháp quan sát, trình bày trực quan, giảng giải làm mẫu, vấn đáp, thực hành. Phương pháp, công cụ đánh giá: Câu hỏi, nhận xét, làm bài tập.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- GV yêu cầu HS nêu các đặc điểm của con côn trùng, tác dụng của nó để HS có cảm xúc với sản phẩm mỹ thuật.

- Yêu cầu HS quan sát trên màn hình hoặc hình trang 59 trong SGK để nhận biết và ghi nhớ các bước thực hiện bức tranh với hình in côn trùng có sẵn với các câu hỏi: Có mấy bước để tạo được bức tranh với hình in côn trùng có sẵn? Nên dán hình in côn trùng trước hay sau khi vẽ tranh? Vì sao? Theo em, cần chú ý điều gì nếu muốn dán thêm hình in côn trùng vào bức tranh?

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi, có nhận xét bổ sung; Khuyến khích HS nhắc lại và ghi nhớ các bước thực hiện bức tranh với hình in côn trùng có sẵn.

- GV chốt lại các bước tạo ra sản phẩm mỹ thuật từ hình in côn trùng có sẵn. Vẽ minh họa các bước vẽ hình và sắp xếp cảnh vật trên bảng để HS quan sát, nhận ra cách thực hiện.

Bước 1: Đặt hình in côn trùng đã cắt lên giấy vẽ và tưởng tượng bức tranh về khu vườn.



Bước 2: Vẽ nét khung cảnh khu vườn.

Bước 3: Vẽ màu cho bức tranh khu vườn.

Bước 4: Dán hình in côn trùng vào tranh và hoàn thiện sản phẩm.

- GV tóm tắt để học sinh ghi nhớ, lưu ý: Từ những sản phẩm mỹ thuật về côn trùng có thể kết hợp với cỏ cây, hoa lá để tạo được bức tranh thiên nhiên sinh động.

- Yêu cầu HS làm Bài tập 1 trong VBT trang 30: Sắp xếp hình theo đúng thứ tự các bước thực hiện bức tranh với hình côn trùng có sẵn.

## Tiết 2

### **3. Hoạt động 3 (Luyện tập - sáng tạo): Tạo sản phẩm mỹ thuật từ hình in côn trùng**

\* Mục tiêu: Tạo được bức tranh “Khu vườn kì diệu” với hình côn trùng có sẵn; Chỉ ra được hình ảnh trọng tâm, sự sắp xếp hài hòa về hình và màu trong sản phẩm; Chia sẻ được cảm nhận về vẻ đẹp của thiên nhiên trong cuộc sống và trong tranh.

\* Nhiệm vụ của GV: Tổ chức hỏi đáp để HS hình dung, tưởng tượng về khu vườn có côn trùng sinh sống từ hình in có sẵn ở bài học trước, đồng thời liên tưởng về hình dáng, màu sắc của cỏ cây, hoa lá, khung cảnh thiên nhiên,... trong khu vườn để có ý tưởng sáng tạo.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Giảng giải, vấn đáp, thực hành tạo sản phẩm mỹ thuật, giải quyết vấn đề. Phương pháp, công cụ đánh giá: Câu hỏi, nhận xét, quan sát, bảng kiểm về mức độ tham gia của HS.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Yêu cầu HS quan sát trên màn hình hoặc (hình 1, 2, 3 trong SGK trang 60) và trả lời các câu hỏi sau: Khu vườn con từng biết có cảnh vật (cây cối, hoa lá, côn trùng..) như thế nào? Loài cây, hoa, côn trùng nào con yêu thích và lựa chọn thể hiện trong sản phẩm? Em sẽ sắp xếp hình côn trùng trong sản phẩm như thế nào? Hình ảnh nào sẽ là hình ảnh trọng tâm trong sản phẩm? Những loài cây, côn trùng đó có hình dáng chung, các bộ phận, màu sắc, chất liệu,... như thế nào?

- Hướng dẫn HS điều chỉnh cho bố cục thêm sinh động, hỗ trợ kỹ thuật và các thao tác trong quá trình thực hiện.

- Mở nhạc bài hát “Con cào cào”, sáng tác của nhạc sĩ Khánh Vinh để gây hứng thú cho HS. Yêu cầu HS làm Bài tập 2 trong VBT trang 30: Từ hình in côn trùng có sẵn, tạo sản phẩm mỹ thuật về “Khu rừng kỳ diệu” theo ý thích. GV bao quát lớp và giúp đỡ các HS còn lúng túng.

- GV yêu cầu HS tự đánh giá bài tập của mình trong VBT; nhận xét, khen ngợi HS có sản phẩm đẹp; động viên HS có sản phẩm chưa đẹp để lần sau làm tốt hơn.

#### **4. Hoạt động 4 (Phân tích - đánh giá): Trưng bày sản phẩm và chia sẻ**

\* Mục tiêu: Trưng bày, thảo luận và chia sẻ bài vẽ của mình, của bạn để củng cố kiến thức, phát triển ý tưởng, hoang thiện sản phẩm.

\* Nhiệm vụ của GV Tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm và hướng dẫn các em chia sẻ cảm nhận về sản phẩm yêu thích; Khởi gợi để HS nêu cảm nhận về hình in yêu thích

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Thực hành trình bày, vấn đáp, đặt câu hỏi. Phương pháp, công cụ đánh giá: Luân phiên, đánh giá đồng đẳng, tự đánh giá, Rubric để đánh giá sản phẩm, năng lực mỹ thuật.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

Hãy quan sát sản phẩm của mình, của bạn, nhận xét theo các câu hỏi sau: Sản phẩm mỹ thuật Khu vườn kì diệu của con được thực hiện như thế nào? Em yêu thích sản phẩm nào của các bạn? Cách sắp xếp hình côn trùng trong sản phẩm đó như thế nào? Màu sắc của cỏ cây, hoa lá, côn trùng trong sản phẩm đó như thế nào? Điểm nào tạo nên sự độc đáo và hấp dẫn cho sản phẩm đó (cách thể hiện không gian, cảnh vật, màu sắc của cỏ cây, hoa lá, côn trùng, chất liệu,...)? Em có ý tưởng gì về cách điều chỉnh để sản phẩm đẹp và hoàn thiện hơn?

- GV nhận xét, đánh giá chung; chỉ ra cho HS thấy những sản phẩm có tính sáng tạo, hình thức độc đáo; khen ngợi HS có sản phẩm đẹp; động viên HS cả lớp.

- GV sử dụng Rubric để đánh giá năng lực mỹ thuật và sản phẩm của HS.

### **5. Hoạt động 5 (Vận dụng - phát triển): Tìm hiểu tranh minh họa của họa sĩ**

\* Mục tiêu: Mở rộng vốn hiểu biết về các tác phẩm nghệ thuật, từ đó phát triển năng lực phân tích, đánh giá và sáng tạo nghệ thuật.

\* **Nhiệm vụ của GV:** Tổ chức cho HS quan sát tranh minh họa trong SGK trang 61 và thảo luận về những con vật có trong tranh, màu sắc của các con vật, cỏ cây, hoa lá và nêu cảm nhận về hình ảnh ẩn tượng trong bức tranh.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Quan sát, vấn đáp gợi mở, trò chơi tiếp sức. Phương pháp đánh giá: câu hỏi, nhận xét, khuyến khích,...

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Yêu cầu HS quan sát trên màn hình hoặc (hình trong SGK trang 61- Tranh minh họa tác phẩm: “Đế Mèn phiêu lưu kí” của họa sĩ: Tạ Huy Long) và trả lời các câu hỏi sau: Bức tranh thể hiện khung cảnh gì? Trong bức tranh có những con vật nào? Màu sắc của các con vật và cỏ cây, hoa lá trong bức tranh được thể hiện như thế nào? Cách họa sĩ thể hiện hình ảnh các con vật trong tranh như thế nào? Em ẩn tượng với hình ảnh nào trong bức tranh? Vì sao? Em có ý tưởng ứng dụng các hình vẽ cỏ cây, hoa lá, côn trùng vào những sản phẩm nào khác phục vụ đời sống?

- GV tóm tắt để học sinh ghi nhớ: Vẻ đẹp của côn trùng và cỏ cây, hoa lá trong tự nhiên giúp cuộc sống thêm vui tươi. Chúng ta cần có ý thức chăm sóc và bảo vệ thiên nhiên.

- GV liên hệ bài học vào thực tế cuộc sống.

**Nhiệm vụ về nhà:**

- Yêu cầu HS hoàn thiện bản vẽ. Thi vẽ tranh tại nhà dưới dạng dự án học tập). Sản phẩm được trưng bày tại lớp trong tiết học đầu tiên của bài đầu tiên của chủ đề 6. Đô thị ngày nay.

- Cùng bố mẹ tham quan 01 khu đô thị đẹp nhất của Lạng Sơn, chụp ảnh và lựa chọn 01 bức ảnh đẹp nhất của khu đô thị đó để mang đến lớp cho tiết học tiếp theo.

## **CHỦ ĐỀ 6: ĐÔ THỊ NGÀY NAY**

### **BÀI 3: Đô thị trong mắt em (Thời lượng: 02 tiết)**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mức độ, yêu cầu cần đạt**

- Nêu được cách kết hợp các hình cơ bản tạo bức tranh phong cảnh đô thị.
- Vẽ được bức tranh thể hiện phong cảnh khu đô thị từ các hình cơ bản.
- Chỉ ra được sự hài hòa của nét, hình, màu, tương phản và điểm nhấn trong bài vẽ.

- Chia sẻ được cảm nhận về cuộc sống đô thị trong tranh.

##### **2. Năng lực đặc thù**

- Quan sát, nhận biết, hiểu và ghi nhớ cách vẽ tranh phong cảnh đô thị.
- Vẽ tranh được bức phong cảnh đô thị theo ý thích của cá nhân.
- Nhận biết được chất cảm bề mặt trong sản phẩm mỹ thuật để tranh trí, biểu đạt được ý tưởng cho bức tranh phong cảnh đô thị.
- Trưng bày sản phẩm; phân tích, đánh giá ý tưởng, cảm nhận về bức tranh phong cảnh đô thị.

#### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:** SGK, SGV, kế hoạch bài học; hình ảnh/ video về các khu đô thị; phiếu học tập, video clip, máy tính, màn hình ti vi,...

**2. Đối với HS:** SGK, VBT, giấy, bút chì, màu, hồ dán,...

#### **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

##### **Tiết 1**

##### **1. Hoạt động 1 (Khám phá): Khám phá hình ảnh khu đô thị**

\* Mục tiêu: HS nhận biết về hình khối, màu sắc và cảnh vật của một khu ở đô thị trước khi thực hiện bài vẽ.

\* Nhiệm vụ của GV: Tổ chức cho HS quan sát hình trong SGK hoặc hình ảnh, video về các khu nhà, khu đô thị, chung cư do GV chuẩn bị để HS có thêm trải nghiệm về những hình khối, màu sắc và cảnh vật của một khu ở đô thị trước khi thực hiện bài vẽ.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Quan sát, vấn đáp, hợp tác nhóm nhỏ,

động não, chia nhóm. Phương pháp, công cụ đánh giá: Câu hỏi, nhận xét, phiếu học tập.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Tổ chức cho HS quan sát video clip bài hát “Lạng Sơn quê tôi”, sáng tác của nhạc sĩ Phạm Tĩnh.

+ Yêu cầu HS kể tên các hình ảnh xuất hiện trong bài hát; nêu cảm nhận về Lạng Sơn. GV có thể sử dụng kỹ thuật động não để HS nêu ý kiến một cách tự nhiên.

+ GV chốt lại nội dung và giới thiệu về bài học.

- Yêu cầu HS quan sát trên màn hình hoặc (hình trang 70 SGK), thảo luận nhóm đôi và trả lời các câu hỏi sau: Các ngôi nhà có hình khối gì? Hình khối của ngôi nhà nào to, ngôi nhà nào nhỏ? Hình khối nào tương phản với nhau? Đặc điểm của ngôi nhà và cảnh vật trong khu đô thị như thế nào? Màu sắc của các ngôi nhà và cảnh vật khác nhau ở điểm nào? Các bộ phận của ngôi nhà thường có điểm gì giống nhau?

- GV tóm tắt để HS ghi nhớ: Những ngôi nhà và cảnh vật ở đô thị rất đa dạng, phong phú, các ngôi nhà và cảnh vật thường được kết hợp thờ nhiều nét, hình, khối, màu sắc khác nhau tạo nên đặc điểm riêng của đô thị.

- GV nhận xét, khen ngợi HS tích cực phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu HS làm bài tập 1 trong VBT trang 36: Quan sát hình và ghi các thông tin có trong mỗi sản phẩm.

## **2. Hoạt động 2 (Kiến tạo kiến thức - kĩ năng): Cách vẽ tranh về phong cảnh đô thị**

\* Mục tiêu: Nhận biết các bước vẽ tranh phong cảnh đô thị.

\* Nhiệm vụ của GV: Tạo cơ hội cho HS quan sát hình trong SGK để nhận biết các bước vẽ tranh phong cảnh đô thị.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Quan sát, trình bày trực quan (thị phạm làm mẫu kết hợp với giảng giải), vấn đáp, thảo luận theo bàn, thực hành. Phương pháp, công cụ đánh giá: câu hỏi, nhận xét, làm bài tập.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Yêu cầu HS quan sát trên màn hình hoặc (hình trang 71 SGK), thảo luận nhóm đôi và trả lời các câu hỏi sau: Vẽ tranh về phong cảnh đô thị thường được bắt đầu với bước vẽ nào? Nét, hình được vẽ ở những bước nào? Có thể tạo điểm nhấn cho tranh phong cảnh đô thị bằng cách nào? Màu sắc được thể hiện ở bước thứ mấy?

- Yêu cầu HS nêu các bước vẽ tranh phong cảnh đô thị, có nhận xét, bổ sung, gồm các bước:

Bước 1: Vẽ phác các hình cơ bản tạo nhà và cây.

Bước 2: Vẽ các chi tiết thể hiện đặc điểm của khu nhà.

Bước 3: Vẽ thêm hoạt động của con người tạo điểm nhấn cho bức tranh.

Bước 4: Vẽ màu hoàn thiện sản phẩm.

- Hướng dẫn bằng thao tác mẫu hoặc gợi ý từng bước để HS quan sát, ghi nhớ.

- GV khuyến khích HS nhắc lại hoặc đọc nội dung trong SGK và ghi nhớ các bước vẽ tranh phong cảnh đô thị; tóm tắt để HS ghi nhớ: Sự tương phản, lặp lại các hình khối, màu sắc, độ đậm, nhạt có thể tạo được bức tranh về khu đô thị.

- Yêu cầu HS làm Bài tập 1 trong VBT trang 36: Quan sát hình và điền các thông tin có trong mỗi sản phẩm.

## Tiết 2

### **3. Hoạt động 3 (Luyện tập - sáng tạo): Tạo sản phẩm mỹ thuật về phong cảnh đô thị**

\* Mục tiêu: HS hình dung về nét, hình, màu và không gian khu đô thị sẽ thể hiện trong bài vẽ.

\* Nhiệm vụ của GV: Hướng dẫn, gợi mở cho HS hình dung về nét, hình, màu và không gian khu đô thị sẽ thể hiện trong bài vẽ.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Giảng giải, vấn đáp, thực hành tạo sản phẩm mỹ thuật, giải quyết vấn đề. Phương pháp, công cụ đánh giá: Câu hỏi, nhận xét, quan sát, bảng kiểm về mức độ tham gia của HS.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Yêu cầu HS quan sát trên màn hình hoặc (hình trang 72 SGK) và trả lời các câu hỏi sau: Em hình dung khu đô thị sẽ vẽ như thế nào? Em sẽ sử dụng những hình cơ bản nào để vẽ nhà? Những hình nào có thể kết hợp để vẽ cây? Màu sắc, đặc điểm của những ngôi nhà và khung cảnh xung quanh như thế nào? Em sẽ trang trí thêm và phối màu như thế nào để vẽ khu đô thị?

- Yêu cầu HS chia sẻ đặc điểm về nét, hình, khối, màu sắc, tỉ lệ của các ngôi nhà, cảnh vật trong khu đô thị em sẽ vẽ. Khuyến khích HS sử dụng kiến thức toán học để ước lượng cấu trúc của các tòa nhà và bố cục của bức tranh.

- Cho HS xem bài vẽ về phong cảnh đô thị của HS năm trước.

- GV chốt lại lưu ý: HS tham khảo các bài vẽ để có ý tưởng sáng tạo cho riêng mình. Sử dụng hài hòa hình cơ bản với các hình tự do có thể tạo được không gian và điểm trọng tâm trong bài vẽ.

- Yêu cầu HS làm bài tập 2 trong VBT trang 36: Thực hiện bài vẽ về khu đô thị theo ý thích vào trang 37. Mở nhạc bài hát “Lặng Sơn quê tôi”, sáng tác của nhạc sĩ Phạm Tĩnh để kích thích hứng thú cho HS.

#### **4. Hoạt động 4 (Phân tích - đánh giá): Trưng bày sản phẩm và chia sẻ**

\* Mục tiêu: Giúp HS trưng bày, thảo luận và chia sẻ bài vẽ của mình, của bạn để củng cố kiến thức, phát triển ý tưởng, hoàn thiện sản phẩm.

\* Nhiệm vụ của GV: Tổ chức cho HS trưng bày, thảo luận và chia sẻ bài vẽ để củng cố kiến thức và phát triển ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Thực hành trình bày, vấn đáp, đặt câu hỏi. Phương pháp, công cụ đánh giá: Luân phiên, đánh giá đồng đẳng, tự đánh giá, Rubric để đánh giá sản phẩm, năng lực mỹ thuật.

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm và chia sẻ về hình trọng tâm, điểm nhấn và nét, hình, màu trong bài vẽ theo các câu hỏi sau: Em thích bài vẽ nào? Vì sao? Khung cảnh trong bài vẽ đó được vẽ từ những hình gì? Bài vẽ nào có màu sắc, cách vẽ đặc biệt? Bài vẽ nào có nhiều hình, khối được lặp lại? Bài vẽ nào có hình, màu tương phản với nhau? Em có ý tưởng điều chỉnh gì để bài vẽ của mình hoặc của bạn được hoàn thiện hơn?

- HS giới thiệu, chia sẻ sản phẩm: Nêu cảm nhận về hình ảnh, màu sắc và đặc điểm của khu đô thị trong bài vẽ. Chỉ ra hình ảnh trọng tâm và các chấm, nét, hình trong bài vẽ. Chỉ ra tỉ lệ và sự tương phản về hình, màu giữa các ngôi nhà và khung cảnh xung quanh. Nêu ý tưởng điều chỉnh để bài vẽ hoàn thiện hơn.

- Khuyến khích HS nêu ý kiến cá nhân. Nếu thời gian cho phép có thể sắp xếp các bài vẽ thành một bức tranh lớn rồi chia sẻ theo nhóm.

- GV yêu cầu HS tự đánh giá bài tập của mình trong VBT; nhận xét, khen ngợi HS có sản phẩm đẹp; động viên HS có sản phẩm chưa đẹp để lần sau làm tốt hơn.

- GV sử dụng Rubric để đánh giá năng lực mỹ thuật và sản phẩm của HS.

### **5. Hoạt động 5 (Vận dụng - phát triển): Tìm hiểu màu sắc trong tranh của họa sĩ**

\* Mục tiêu: Mở rộng vốn hiểu biết về các tác phẩm nghệ thuật của bạn, từ đó phát triển năng lực phân tích, đánh giá và sáng tạo nghệ thuật.

\* **Nhiệm vụ của GV:** Tổ chức cho HS quan sát sản phẩm mỹ thuật của bạn để nhận biết hình, màu tạo nhịp điệu và không gian trong bài vẽ.

\* Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Quan sát, vấn đáp gợi mở, trò chơi tiếp sức. Phương pháp đánh giá: câu hỏi, nhận xét, động não, khuyến khích,...

\* Cách tổ chức các hoạt động dạy học:

- Yêu cầu HS quan sát trên màn hình (hình trang 73 SGK: Sản phẩm mỹ thuật của HS: Bảo An-Chất liệu: màu sáp và hình cắt), và trả lời các câu hỏi sau: Bài vẽ của bạn có những hình ảnh gì? Bạn sử dụng màu sắc trong bài vẽ như thế nào? Em thích bài vẽ ở điểm gì? Em có ước mơ gì về khu đô thị trong tương lai?

- GV tóm tắt để HS ghi nhớ: Chúng ta có thể quảng bá nét đẹp của quê hương thông qua việc sáng tạo các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật về khu đô thị.

- GV liên hệ bài học vào thực tế cuộc sống: Quê hương Lạng Sơn của chúng ta cũng có nhiều khu đô thị. Con có đến hay sinh sống ở khu đô thị không? Con hãy kể tên các khu đô thị mà con biết? Khu đô thị ấy có điểm gì làm con ấn tượng, yêu thích?



- Sử dụng kỹ thuật động não để HS trả lời theo hiểu biết: Khu Đô thị Nam Hoàng Đồng, Khu Đô thị Phú Lộc; Khu đô thị Mai Pha; .....

**Nhiệm vụ về nhà:** Yêu cầu HS về nhà điều chỉnh hoàn thiện bản vẽ. Thi vẽ tranh tại nhà dưới dạng dự án học tập). Sản phẩm được trưng bày tại lớp trong tiết học tiếp theo.

**Phụ lục 06**  
**RUBRIC ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC MĨ THUẬT CỦA HỌC SINH**

Năng lực mỹ thuật	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
Quan sát và nhận thức	- Chưa nhận biết được hình dáng, màu sắc, đặc điểm...  - Chưa nhận biết những sản phẩm được sáng tạo...	- Bước đầu nhận biết được hình dáng, màu sắc, đặc điểm...  - Bước đầu nhận biết những sản phẩm được sáng tạo...	- Nhận biết được hình dáng, màu sắc, đặc điểm....  - Nhận biết những sản phẩm được sáng tạo	- Nhận biết được hình dáng, màu sắc của ..  - Nhận biết những sản phẩm được sáng tạo từ...	Nhận biết được hình dáng, màu sắc của hình khối cơ bản ở mức cao hơn và có sáng tạo  - Nhận biết những sản phẩm được sáng tạo từ những khối cơ bản ở mức cao hơn và có sáng tạo
Sáng tạo và ứng dụng	Chưa tạo ra sản phẩm mỹ thuật từ...	Bước đầu tạo ra sản phẩm mỹ thuật từ...	Tạo được sản phẩm mỹ thuật đơn giản từ...	Tạo được sản phẩm mỹ thuật phức tạp hơn	Tạo được sản phẩm mỹ thuật quen thuộc và có sáng tạo
Phân tích đánh giá	Chưa biết trung bày, giới thiệu chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình và của bạn.	Bước đầu trung bày, giới thiệu chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình và của bạn.	Phân tích được vẻ đẹp tạo hình trên sản phẩm thông qua sản phẩm.	Phân tích được vẻ đẹp tạo hình trên sản phẩm thông qua sản phẩm ở mức cao hơn	Phân tích được vẻ đẹp tạo hình trên sản phẩm thông qua sản phẩm ở mức cao hơn và có sáng tạo

Thang đánh giá xếp loại:

- Mức 5 (Tốt): Hoàn thành, có kết quả tốt
- Mức 4 (Khá): Hoàn thành, có kết quả khá
- Mức 3 (Trung bình): Hoàn thành, có kết quả bước đầu
- Mức 2 (Yếu): Mới thực hiện chưa có kết quả rõ ràng
- Mức 1 (Kém): Không thực hiện

**Phụ lục 07****RUBRIC ĐÁNH GIÁ TRUNG BÀY SẢN PHẨM MĨ THUẬT CỦA HỌC SINH**

Tiêu chí	Mức độ				
	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
1. Lựa chọn nội dung, ý tưởng	Chưa phù hợp	Gần với chủ đề	Phù hợp với chủ đề	Phù hợp với chủ đề và khá sáng tạo	Phù hợp với chủ đề và rất sáng tạo
2. Bố cục, kết cấu	Chưa biết cách sắp xếp bố cục	Chưa chặt chẽ	Tương đối hợp lý	Cân đối	Cân đối, chặt chẽ, hợp lý
3. Đường nét, hình mảng	Không thể hiện được ý tưởng	Chưa rõ ràng	Thể hiện rõ ràng, chưa cân đối	Thể hiện rõ ràng, cân đối	Thể hiện đầy đủ, sáng tạo, cân đối
4. Màu sắc	Chưa hoàn thành màu	Hoàn thành nhưng chưa thể hiện được ý tưởng	Hài hòa có trọng tâm	Hài hòa, rõ trọng tâm; bước đầu thể hiện luật xa gần	Hài hòa, rõ trọng tâm; thể hiện tốt luật xa gần
5. Cách trình bày và giới thiệu về sản phẩm	Chưa trình bày được thông tin về sản phẩm	Bước đầu trình bày được thông tin về sản phẩm	Trình bày được thông tin về sản phẩm	Trình bày được thông tin, giải thích về cách tạo ra sản phẩm	Trình bày được thông tin, giải thích về cách tạo ra sản phẩm, giải thích nêu được cảm xúc cá nhân

Thang đánh giá xếp loại:

- Mức 5 (Tốt): Hoàn thành, có kết quả tốt
- Mức 4 (Khá): Hoàn thành, có kết quả khá
- Mức 3 (Trung bình): Hoàn thành, có kết quả bước đầu
- Mức 2 (Yếu): Mới thực hiện chưa có kết quả rõ ràng
- Mức 1 (Kém): Không thực hiện

**Phụ lục 08****PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRANH VẼ THEO CHỦ ĐỀ CỦA HS**

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRANH VẼ CỦA HỌC SINH			
(Giáo viên khoanh tròn vào điểm đánh giá)			
1. Chủ đề: .....			
2. Thể loại: .....			
3. Đánh giá:			
Nội dung	Tiêu chí	Điểm	
		Tối đa	Đánh giá
1. Ý tưởng	Phù hợp với chủ đề và rất sáng tạo	2	2,0
	Phù hợp với chủ đề và khá sáng tạo		1,5
	Phù hợp với chủ đề		1,0
	Gần với chủ đề		0,5
	Chưa phù hợp		0
2. Bố cục	Cân đối, chặt chẽ, hợp lý	3	3,0
	Cân đối		2,5
	Tương đối hợp lý		2,0
	Bố cục chưa chặt chẽ		1,5
	Chưa biết cách sắp xếp bố cục		1,0
3. Đường nét và hình mảng	Thể hiện đầy đủ, sáng tạo, cân đối	3	3,0
	Thể hiện rõ ràng, cân đối		2,5
	Thể hiện rõ ràng, chưa cân đối		2,0
	Chưa rõ ràng		1,5
	Không thể hiện được ý tưởng		1,0
4. Màu sắc	Hài hòa, rõ trọng tâm; thể hiện được luật xa gần	2	2,0
	Hài hòa có trọng tâm		1,5
	Chưa thể hiện được ý tưởng		1,0
	Chưa hoàn thành màu		0,5
Tổng điểm		10	

## Phụ lục 09

## KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐẶC THÙ CỦA HỌC SINH

### Nhóm Đối chứng - Lớp 3A3

HS	TRƯỚC TÁC ĐỘNG									SAU TÁC ĐỘNG																																																		
	NL1	NL2	NL3	NL4	NL5	NL6	CHẤM	LÊ	TỔNG	NL1	NL2	NL3	NL4	NL5	NL6	CHẤM	LÊ	TỔNG																																										
1	3	3	3	2	2	2	7	8	15	4	4	3	2	2	3	9	9	18																																										
2	4	3	3	3	4	5	11	11	22	4	4	4	4	4	3	11	12	23																																										
3	3	4	4	3	3	2	9	10	19	3	4	5	3	3	3	10	11	21																																										
4	4	3	4	2	2	4	9	10	19	4	3	3	2	2	4	9	9	18																																										
5	4	5	4	4	4	4	13	12	25	5	4	4	4	4	4	12	13	25																																										
6	3	4	3	4	3	3	11	9	20	4	4	3	4	3	2	10	10	20																																										
7	5	3	4	4	4	3	10	13	23	5	4	4	4	4	4	12	13	25																																										
8	4	4	3	3	3	4	11	10	21	4	4	3	3	3	2	9	10	19																																										
9	3	3	3	2	2	3	8	8	16	4	4	3	3	2	2	9	9	18																																										
10	5	4	2	3	2	2	9	9	18	5	4	3	3	2	2	9	10	19																																										
11	4	5	4	4	3	4	13	11	24	4	5	4	4	4	3	12	12	24																																										
12	5	4	5	4	4	5	13	14	27	5	4	5	4	4	5	13	14	27																																										
13	4	5	4	3	3	3	11	11	22	4	5	4	3	3	3	11	11	22																																										
14	5	4	3	3	3	4	11	11	22	5	3	3	3	4	3	9	12	21																																										
15	4	5	4	4	4	4	13	12	25	4	5	4	4	4	4	13	12	25																																										
16	2	3	3	2	1	2	7	6	13	2	3	2	2	2	3	8	6	14																																										
17	3	3	1	2	1	2	7	5	12	4	2	2	2	2	2	6	8	14																																										
18	5	4	4	5	4	4	13	13	26	5	4	4	4	4	4	12	13	25																																										
19	4	5	4	4	4	4	13	12	25	5	5	4	4	4	4	13	13	26																																										
20	5	4	4	4	4	5	13	13	26	5	3	4	4	5	4	11	14	25																																										
21	4	4	3	3	3	4	11	10	21	4	3	3	3	3	4	10	10	20																																										
22	5	4	5	4	4	4	12	14	26	4	4	4	5	4	4	13	12	25																																										
23	4	5	5	4	4	5	14	13	27	4	5	4	4	4	4	13	12	25																																										
24	5	3	3	2	2	2	7	10	17	4	3	3	2	2	1	6	9	15																																										
25	3	3	3	4	4	4	11	10	21	3	3	3	4	4	4	11	10	21																																										
26	2	4	2	2	2	4	10	6	16	3	2	2	1	1	3	6	6	12																																										
27	4	4	4	3	3	3	10	11	21	3	2	4	5	3	4	11	10	21																																										
28	3	5	3	3	2	3	11	8	19	3	5	3	5	3	2	12	9	21																																										
29	4	4	4	3	3	3	10	11	21	3	3	4	3	3	4	10	10	20																																										
30	4	2	2	3	3	3	8	9	17	5	3	2	2	2	1	6	9	15																																										
31	3	4	3	4	5	5	13	11	24	3	5	4	3	5	3	11	12	23																																										
32	4	4	5	5	3	4	13	12	25	5	3	3	4	3	3	10	11	21																																										
33	4	4	5	5	5	4	13	14	27	4	5	5	3	4	5	13	13	26																																										
34	4	4	3	5	3	3	12	10	22	3	5	5	5	2	3	13	10	23																																										
35	2	4	4	1	2	3	8	8	16	2	4	1	3	1	2	9	4	13																																										
36	4	2	4	3	2	1	6	10	16	3	3	3	2	2	1	6	8	14																																										
37	4	4	3	3	3	3	10	10	20	3	4	3	3	3	3	10	9	19																																										
38	4	4	3	2	3	3	9	10	19	5	4	3	3	3	2	9	11	20																																										
									10,5	10,4	20,9										10,2	10,4	20,6																																					
									rh	0,72											rh	0,70																																						
									rSB	0,84											rSB	0,82																																						
Kém	0	0	1	1	2	1			0	0	0	1	1	2	3			0																																										
Yếu	3	2	3	8	9	6			1	2	3	4	7	10	8			1																																										
TB	8	9	15	13	14	12			9	10	11	15	13	11	12			9																																										
Khá	19	20	14	12	11	14			18	15	15	14	13	13	13			18																																										
Tốt	8	7	5	4	2	5			10	11	9	4	4	2	2			10																																										
Chênh lệch trước và sau tác động																																																												
<table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>NL1</th><th>NL2</th><th>NL3</th><th>NL4</th><th>NL5</th><th>NL6</th><th>Chung</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>-1</td><td>-1</td><td>-2</td><td>0</td></tr> <tr><td>0</td><td>-2</td><td>-3</td><td>-4</td><td>-7</td><td>-10</td><td>0</td></tr> <tr><td>0</td><td>-10</td><td>-11</td><td>-15</td><td>-13</td><td>-11</td><td>0</td></tr> <tr><td>0</td><td>-15</td><td>-15</td><td>-14</td><td>-13</td><td>-13</td><td>0</td></tr> <tr><td>0</td><td>-11</td><td>-9</td><td>-4</td><td>-4</td><td>-2</td><td>0</td></tr> </tbody> </table>																			NL1	NL2	NL3	NL4	NL5	NL6	Chung	0	0	0	-1	-1	-2	0	0	-2	-3	-4	-7	-10	0	0	-10	-11	-15	-13	-11	0	0	-15	-15	-14	-13	-13	0	0	-11	-9	-4	-4	-2	0
NL1	NL2	NL3	NL4	NL5	NL6	Chung																																																						
0	0	0	-1	-1	-2	0																																																						
0	-2	-3	-4	-7	-10	0																																																						
0	-10	-11	-15	-13	-11	0																																																						
0	-15	-15	-14	-13	-13	0																																																						
0	-11	-9	-4	-4	-2	0																																																						

## Nhóm Thực nghiệm - Lớp 3A5

HS	TRƯỚC TÁC ĐỘNG									SAU TÁC ĐỘNG											
	NL1	NL2	NL3	NL4	NL5	NL6	CHẤN	LỄ	Tổng	NL1	NL2	NL3	NL4	NL5	NL6	CHẤN	LỄ	Tổng			
1	3	3	3	3	2	2	8	8	16	3	3	3	3	3	3	9	9	18			
2	4	4	3	3	3	3	10	10	20	5	5	4	4	4	4	13	13	26			
3	2	4	4	4	3	2	10	9	19	3	5	4	4	3	3	12	10	22			
4	4	3	3	3	5	3	9	12	21	5	3	4	4	5	4	11	14	25			
5	5	5	4	5	3	5	15	12	27	5	5	4	5	4	5	15	13	28			
6	2	4	3	4	3	3	11	8	19	2	4	3	4	4	4	12	9	21			
7	5	5	4	5	4	5	15	13	28	5	5	5	5	5	5	15	15	30			
8	5	3	3	3	3	3	9	11	20	4	5	4	4	4	4	13	12	25			
9	2	4	3	4	5	4	12	10	22	3	4	4	4	4	5	13	11	24			
10	5	3	2	3	2	2	8	9	17	5	4	2	3	3	5	12	10	22			
11	4	5	4	5	4	5	15	12	27	5	5	4	5	5	5	15	14	29			
12	5	4	5	5	4	5	14	14	28	5	5	5	5	5	5	15	15	30			
13	4	4	4	5	3	4	13	11	24	4	5	5	5	4	4	14	13	27			
14	5	5	5	5	3	3	13	13	26	5	3	3	3	4	3	9	12	21			
15	4	5	5	4	5	4	13	14	27	5	5	5	4	4	4	13	14	27			
16	3	3	2	2	2	2	7	7	14	3	3	4	2	2	3	8	9	17			
17	4	2	3	3	3	3	8	10	18	4	5	3	3	4	3	11	11	22			
18	4	4	4	4	4	4	12	12	24	5	4	4	4	5	4	12	14	26			
19	4	4	4	3	4	3	10	12	22	4	4	3	4	3	4	12	10	22			
20	5	4	4	3	4	4	11	13	24	5	5	4	4	4	4	13	13	26			
21	3	2	2	2	1	2	6	6	12	3	3	2	2	4	2	7	9	16			
22	4	4	4	3	3	4	11	11	22	4	4	4	4	4	4	12	12	24			
23	5	5	4	4	3	3	12	12	24	5	4	4	4	4	4	12	13	25			
24	5	3	3	2	2	2	7	10	17	5	4	4	3	3	3	10	12	22			
25	4	3	4	3	4	4	10	12	22	4	4	4	4	4	4	12	12	24			
26	5	3	2	2	2	3	8	9	17	5	4	3	2	3	3	9	11	20			
27	4	2	4	3	3	3	8	11	19	4	3	4	4	3	3	10	11	21			
28	3	5	3	3	2	3	11	8	19	4	5	4	4	2	3	12	10	22			
29	3	1	2	2	1	1	4	6	10	3	2	2	2	2	2	6	7	13			
30	4	3	3	2	4	2	7	11	18	4	3	4	3	3	2	8	11	19			
31	3	5	3	4	5	4	13	11	24	5	5	4	4	5	4	13	14	27			
32	4	4	3	3	2	4	11	9	20	5	4	3	3	3	4	11	11	22			
33	3	4	5	4	4	4	12	12	24	3	4	5	4	4	4	12	12	24			
34	3	2	1	2	2	1	5	6	11	3	2	2	2	2	2	6	7	13			
35	2	4	3	1	2	2	7	7	14	4	4	3	3	3	2	9	10	19			
36	4	2	2	2	1	1	5	7	12	4	3	3	3	2	2	8	9	17			
37	4	5	5	4	3	4	13	12	25	5	5	5	5	4	5	15	14	29			
38	4	4	5	3	4	3	10	13	23	4	5	5	5	3	3	13	12	25			
39	4	4	5	4	4	3	11	13	24	5	5	5	5	4	3	13	14	27			
40	4	3	5	2	4	3	8	13	21	5	4	5	3	4	3	10	14	24			
							10,1	10,5	20,5							11,4	11,7	23,0			
							rh	0,71								rh	0,76				
							rSB	0,83								rSB	0,86				
Kém	0	1	1	1	3	3			0	0	0	0	0	0	0			0			
Yếu	4	5	6	9	9	8			4	1	2	4	5	5	6			0			
TB	8	10	13	14	12	14			8	8	8	9	10	11	12			6			
Khá	18	15	12	10	12	11			21	12	14	18	17	18	15			18			
Tốt	10	9	8	6	4	4			7	19	16	9	8	6	7			16			
							Chênh lệch trước và sau tác động														
							NL1	NL2	NL3	NL4	NL5	NL6	Chung								
							0	-1	-1	-1	-3	-3	0								
							-3	-4	-4	-4	-4	-2	-4								
							0	-2	-5	-4	-1	-2	-2								
							-6	-3	2	7	6	4	-3								
							9	10	8	2	2	3	9								

## Phụ lục 10

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRANH VẼ CỦA HỌC SINH  
TRƯỚC VÀ SAU THỰC NGHIỆM SỬ PHẠM**

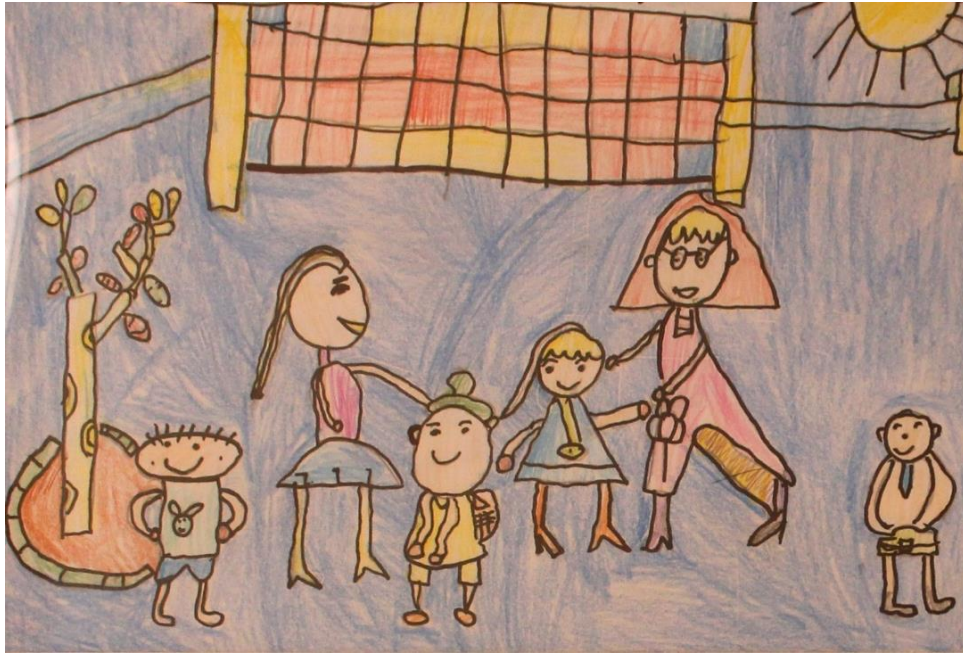
Nhóm đối chứng			Nhóm thực nghiệm		
Stt	Trước	Sau	Stt	Trước	Sau
1	4	5	1	5	7
2	9	9	2	8	9
3	8	8	3	7	9
4	6	7	4	7	8
5	7	8	5	7	8
6	9	7	6	8	8
7	8	7	7	8	10
8	6	7	8	9	8
9	5	6	9	6	6
10	7	7	10	8	9
11	8	9	11	7	8
12	7	8	12	8	9
13	9	8	13	7	8
14	7	7	14	7	8
15	6	7	15	7	7
16	4	4	16	6	5
17	7	8	17	8	9
18	9	8	18	8	8
19	8	9	19	9	9
20	9	8	20	8	9
21	3	4	21	4	5
22	7	7	22	7	9
23	7	8	23	8	8
24	8	9	24	9	9
25	8	6	25	7	7

26	4	5	26	6	8
27	7	6	27	7	8
28	7	6	28	8	7
29	5	5	29	5	4
30	9	9	30	6	9
31	6	7	31	6	6
32	6	7	32	6	6
33	6	8	33	7	8
34	4	5	34	4	6
35	7	7	35	6	5
36	7	6	36	8	9
37	9	8	37	6	10
38	6	5	38	7	9
			39	6	6
			40	7	7

Mode	7,07,00	7,0	9,0
Median	7,07,00	7,0	8,0
Average	6,86,97	7,0	7,7
Stdev	1,61,40	1,2	1,5
Ttest	0,70,03		
SMD			0,52



**Phụ lục 11**  
**MỘT SỐ SẢN PHẨM VẼ TRANH CỦA HỌC SINH**



Hình 2.1. Những người bạn thân thiện. Tranh: Vũ Thị Kim Ngân, Lớp 3A3

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.2. Màu sắc của chữ. Tranh: Nguyễn Thu Hương, Lớp 3A3

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.3. Mặt nạ Trung thu. Tranh: Dương Thị Bảo Châm, Lớp 3A3

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



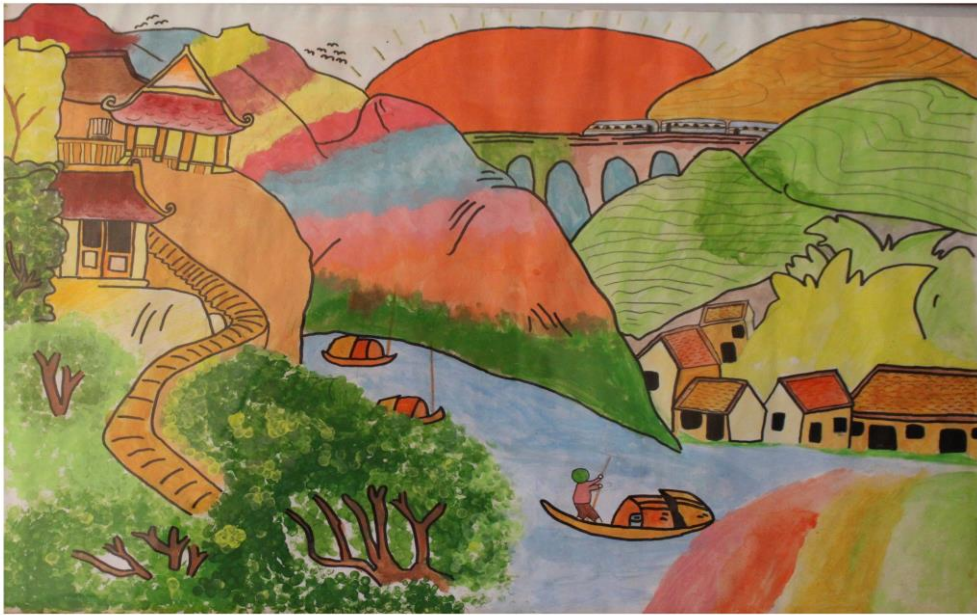
Hình 2.4. Người em yêu quý. Tranh: Nông Thị Hương Trà, Lớp 3A3

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.5. Gia đình yêu thương. Tranh: Nông Thị Hương Trà, Lớp 3A3

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.6. Phong cảnh mùa thu. Tranh: Lô Minh Châu, Lớp 3A5  
Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.7. Khu vườn kỳ diệu. Tranh: Hoàng Tiên Sang, Lớp 3A3  
Nguồn: Tác giả sưu tầm (2023)



Hình 2.8. Khu vườn kỳ diệu. Tranh: Đặng Tuyết Mai, Lớp 3A5

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2023)



Hình 2.9. Khu vườn kỳ diệu. Tranh: Nguyễn Tiên Đạt, Lớp 3A5

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2023)



Hình 2.10. Đô thị trong mắt em. Tranh: Trình Nhật Tuệ, Lớp 3A5

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2023)



Hình 2.11. Đô thị trong mắt em. Tranh: Hoàng Nhật Minh, Lớp 3A3

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2023)

**Phụ lục 12**  
**MỘT SỐ HÌNH ẢNH TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG KINH,**  
**THÀNH PHỐ LẠNG SƠN**

**12.1. Hình ảnh nhà trường**



Hình 2.9. Cổng Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn

Nguồn: Tác giả (2022)



Hình 2.10. Khuôn viên Trường Tiểu học Đông Kinh,

Nguồn: Tác giả (2022)





Hình 2.11. Giải lao giữa giờ tại Trường Tiểu học Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn  
 Nguồn: Tác giả (2021)

## 12.2. Hoạt động dạy mỹ thuật của trường



Hình 2.12. Giờ học Mỹ thuật tạo hình - Lớp 3A1, năm học 2020-2021  
 Nguồn: Tác giả (2020)



Hình 2.13. Bài “*Nặng hoặc vẽ, xé dán hình con vật*” - Lớp 3A2,  
năm học 2020-2021

Nguồn: Tác giả (2021)



Hình 2.14. Bài học “*Trường em*” - Lớp 3A3, năm học 2021-2022

Nguồn: Tác giả (2022)



Hình 2.15. “Sinh hoạt Câu lạc bộ Mỹ thuật” của Trường Tiểu học Đông Kinh  
Nguồn: Tác giả (2022)